

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC -
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH XUẤT BẢN – CHUYÊN
NGÀNH BIÊN TẬP XUẤT BẢN CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ
TUYÊN TRUYỀN
(Theo tiêu chuẩn Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Nghệ An, tháng 12/2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC -
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGÀNH XUẤT BẢN –
CHUYÊN NGÀNH BIÊN TẬP XUẤT BẢN CỦA HỌC VIỆN BÁO
CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

**Theo tiêu chuẩn Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá: 2017 - 2022)**

Nghệ An, tháng 12/2022

DANH SÁCH
CÁC THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI

TT	Họ và tên, cơ quan công tác	Trách nhiệm được giao	Chữ ký
1	PGS.TS. Bùi Duy Cam Nguyên Hiệu trưởng, Trường ĐH KHTN - ĐHQGHN	Trưởng đoàn	
2	TS. Trần Đình Quang Giám đốc Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh	Thành viên thường trực	
3	TS. Phan Hùng Thư Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh	Thư ký	
4	TS. Trần Ái Cẩm Hiệu trưởng Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Thành viên	
5	PGS.TS. Nguyễn Thị Nhị Phó trưởng khoa Sư phạm Vật lí Trường ĐH Vinh	Thành viên	
6	TS. Nguyễn Thị Thu Hà Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương	Thành viên	
7	PGS.TS. Phạm Văn Quyết Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQGHN	Thành viên	
8	ThS. Nguyễn Thị Minh Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh	Giám sát	

© Bản quyền và sở hữu thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh. Mọi thông tin trong Báo cáo được bảo vệ theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép, công bố bất cứ nội dung nào của Báo cáo này trái với các quy định liên quan trong pháp luật hiện hành.

MỤC LỤC

Danh mục các chữ viết tắt	iv
Phần I. TỔNG QUAN	1
1. Giới thiệu chung	1
2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài	1
3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài	3
3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo	3
3.2. Tóm tắt những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo	7
3.3. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài	10
Phần II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN	12
I. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo	12
<i>Tiêu chí 1.1</i>	<i>12</i>
<i>Tiêu chí 1.2</i>	<i>13</i>
<i>Tiêu chí 1.3</i>	<i>14</i>
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1	15
II. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	16
<i>Tiêu chí 2.1</i>	<i>16</i>
<i>Tiêu chí 2.2</i>	<i>17</i>
<i>Tiêu chí 2.3</i>	<i>18</i>
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2	19
III. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	20
<i>Tiêu chí 3.1</i>	<i>20</i>
<i>Tiêu chí 3.2</i>	<i>21</i>
<i>Tiêu chí 3.3</i>	<i>23</i>
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3	25
IV. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	26
<i>Tiêu chí 4.1</i>	<i>26</i>
<i>Tiêu chí 4.2</i>	<i>27</i>
<i>Tiêu chí 4.3</i>	<i>29</i>
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4	30
V. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	31
<i>Tiêu chí 5.1</i>	<i>31</i>
<i>Tiêu chí 5.2</i>	<i>32</i>
<i>Tiêu chí 5.3</i>	<i>34</i>
<i>Tiêu chí 5.4</i>	<i>35</i>
<i>Tiêu chí 5.5</i>	<i>36</i>
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5	37

VI. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	39
<i>Tiêu chí 6.1</i>	39
<i>Tiêu chí 6.2</i>	41
<i>Tiêu chí 6.3</i>	42
<i>Tiêu chí 6.4</i>	43
<i>Tiêu chí 6.5</i>	44
<i>Tiêu chí 6.6</i>	45
<i>Tiêu chí 6.7</i>	46
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6	48
VII. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	51
<i>Tiêu chí 7.1</i>	51
<i>Tiêu chí 7.2</i>	52
<i>Tiêu chí 7.3</i>	54
<i>Tiêu chí 7.4</i>	55
<i>Tiêu chí 7.5</i>	56
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7	58
VIII. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	59
<i>Tiêu chí 8.1</i>	59
<i>Tiêu chí 8.2</i>	60
<i>Tiêu chí 8.3</i>	61
<i>Tiêu chí 8.4</i>	62
<i>Tiêu chí 8.5</i>	64
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8	65
IX. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	66
<i>Tiêu chí 9.1</i>	66
<i>Tiêu chí 9.2</i>	67
<i>Tiêu chí 9.3</i>	69
<i>Tiêu chí 9.4</i>	70
<i>Tiêu chí 9.5</i>	71
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9	72
X. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	73
<i>Tiêu chí 10.1</i>	73
<i>Tiêu chí 10.2</i>	74
<i>Tiêu chí 10.3</i>	75
<i>Tiêu chí 10.4</i>	76
<i>Tiêu chí 10.5</i>	77
<i>Tiêu chí 10.6</i>	78

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10	79
XI. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	81
<i>Tiêu chí 11.1</i>	<i>81</i>
<i>Tiêu chí 11.2</i>	<i>82</i>
<i>Tiêu chí 11.3</i>	<i>84</i>
<i>Tiêu chí 11.4</i>	<i>86</i>
<i>Tiêu chí 11.5</i>	<i>88</i>
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11	89
Phần III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ	91
Phần IV. PHỤ LỤC	vi

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	VIẾT TẮT	CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ
1.	BLQ	Bên liên quan
2.	CB	Cán bộ
3.	CĐR	Chuẩn đầu ra
4.	CNTT	Công nghệ thông tin
5.	CSGD	Cơ sở giáo dục
6.	CSVC	Cơ sở vật chất
7.	CTDH	Chương trình dạy học
8.	CTĐT	Chương trình đào tạo
9.	CVHT	Cổ vấn học tập
10.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
11.	ĐCCT	Đề cương chi tiết
12.	ĐGN	Đánh giá ngoài
13.	ĐH	Đại học
14.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
15.	GS	Giáo sư
16.	GV	Giảng viên
17.	KQHT	Kết quả học tập
18.	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
19.	HVBC&TT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
20.	HVCTQGHCM	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
21.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
22.	NH	Người học
23.	NTD	Nhà tuyển dụng
24.	PGS	Phó giáo sư
25.	PPDH	Phương pháp dạy học
26.	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
27.	SV	Sinh viên
28.	SVTN	Sinh viên tốt nghiệp
29.	TĐG	Tự đánh giá
30.	ThS	Thạc sĩ
31.	TS	Tiến sĩ

PHẦN I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu chung

Đoàn chuyên gia Đánh giá ngoài (ĐGN) thực hiện đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản của Học viện báo chí và Tuyên truyền (HVBC&TT) được thành lập theo Quyết định số 515/QĐ-KĐCLV ngày 25/8/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh (Trung tâm) và Quyết định số 526/QĐ-KĐCLV ngày 30/9/2022 về việc điều chỉnh danh sách Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Đoàn gồm có 07 chuyên gia ĐGN và 01 cán bộ (CB) giám sát, do PGS.TS. Bùi Duy Cam (số thẻ KĐV: 2017.01.244) làm Trưởng đoàn. Đoàn đã tổ chức các hoạt động ĐGN đúng theo quy định hiện hành.

Bản báo cáo này khái quát quá trình ĐGN, các kết quả đạt được, những kiến nghị đối với CTĐT ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Báo cáo có các phụ lục:

- Phụ lục 1: Giới thiệu Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Xuất bản;
- Phụ lục 2: Tóm tắt kết quả tự đánh giá (TĐG) CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản;
- Phụ lục 3: Quyết định thành lập đoàn ĐGN;
- Phụ lục 4: Lịch trình ĐGN;
- Phụ lục 5: Công văn của Học viện Báo chí và Tuyên truyền phản hồi Dự thảo Báo cáo ĐGN;

Các nhận định, kết luận, đánh giá trong Báo cáo ĐGN này căn cứ trên các minh chứng, dữ liệu được Học viện cung cấp tính đến thời điểm ngày 25/10/2022, từ thực trạng của Học viện cùng các thông tin phản hồi và kết quả khảo sát, phỏng vấn các bên liên quan (BLQ) trong quá trình đánh giá.

2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài

Công cụ mà Đoàn ĐGN sử dụng là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT được ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí, mức đánh giá mỗi tiêu chí theo thang đánh giá 7 mức.

Các phương pháp đánh giá đã được Đoàn ĐGN sử dụng:

- + Nghiên cứu Hồ sơ TĐG do Học viện và Trung tâm cung cấp để xác định những vấn đề cần làm rõ trong các hoạt động của Nhà trường, đối chiếu với các yêu cầu của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;
- + Nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ, minh chứng tại thực địa để đánh giá độ tin cậy và tính xác thực của các thông tin mà Học viện đã thể hiện trong Báo cáo TĐG;

+ Khảo sát, điều tra tại chỗ để xác thực tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp (SVTN) và lấy ý kiến đánh giá, góp ý cho Học viện từ các BLQ;

+ Phỏng vấn, thảo luận với các đối tượng liên quan; quan sát, kiểm tra cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị và các hoạt động của Trường để xác thực các thông tin và nhận định, đánh giá về thực trạng của Trường.

Đoàn đã triển khai ĐGN theo các bước cụ thể như sau:

(1) *Nghiên cứu Hồ sơ TĐG*: Từ ngày 01 - 09/9/2022

Đoàn ĐGN và Trung tâm trao đổi, thống nhất nguyên tắc, phương pháp, tiêu chí đánh giá; lập kế hoạch ĐGN và phân công trách nhiệm phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí cho các thành viên trong Đoàn. Các thành viên Đoàn nghiên cứu, nhận xét hồ sơ TĐG và đánh giá sơ bộ về những vấn đề đã rõ/chưa rõ; xác định các thông tin, minh chứng còn thiếu đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công.

(2) *Họp Đoàn*: ngày 09/9/2022

Đoàn ĐGN và Trung tâm đã họp online từ 20h - 22h30 để thảo luận về các vấn đề đã rõ/chưa rõ khi nghiên cứu hồ sơ TĐG; trao đổi, thống nhất về các hồ sơ, tài liệu, minh chứng yêu cầu Học viện bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra; các đối tượng và thành phần cần phỏng vấn; những công tác hậu cần mà Nhà trường, Trung tâm và Đoàn ĐGN cần chuẩn bị. Đồng thời, thống nhất nội dung làm việc trong đợt khảo sát sơ bộ và dự kiến lịch trình khảo sát chính thức.

(3) *Khảo sát sơ bộ*: ngày 13/9/2022

Trưởng đoàn ĐGN, Giám đốc Trung tâm, Thư ký đã tiến hành khảo sát sơ bộ tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Các đại diện Đoàn ĐGN đã làm việc với Lãnh đạo Trường, Hội đồng TĐG và các phòng, trung tâm, khoa, bộ môn của Trường. Đoàn đã báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ TĐG và trao đổi, thống nhất về lịch trình và công tác hậu cần chuẩn bị cho khảo sát chính thức của Đoàn tại Trường. Đoàn đã thảo luận với Học viện và thống nhất về các tài liệu, minh chứng yêu cầu Học viện bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra tại cơ sở của Trường; số lượng và thành phần các đối tượng cần phỏng vấn...

Kết thúc đợt khảo sát sơ bộ, Trưởng đoàn ĐGN cùng Hiệu trưởng Học viện đã ký Biên bản ghi nhớ.

(4) *Khảo sát chính thức*: từ ngày 21 – 25/10/2022

Đoàn đã thực hiện các hoạt động: kiểm tra hồ sơ, minh chứng, phỏng vấn trực tiếp với nhóm CB phụ trách các mảng: Đào tạo, Khảo thí; Công tác sinh viên (SV), Đảm bảo chất lượng (ĐBCL), Thanh tra giáo dục; Nghiên cứu khoa học (NCKH), Tài chính, Tuyển sinh, Quan hệ doanh nghiệp, Hợp tác quốc tế, Quản trị, Thư viện, Công nghệ thông tin (CNTT)... thảo luận và phỏng vấn chính thức, đồng thời lấy ý kiến đánh giá, góp ý của 06 nhóm đối tượng gồm tất cả các BLQ (76 người); gặp gỡ và phỏng vấn

không chính thức với SV tại nhà ăn SV, ký túc xá, thư viện, phòng thực hành; thực hiện quan sát hoạt động của thư viện, kiểm tra ngẫu nhiên nhiều đầu sách/ giáo trình của các học phần (HP) của CTĐT ngành Xuất bản – Chuyên ngành Biên tập xuất bản; kiểm tra CSVG, trang thiết bị và quan sát hoạt động lên lớp của một số lớp học; khảo sát về tình hình việc làm (qua điện thoại) đối với 18 sinh viên tốt nghiệp đại học hệ chính quy tốt nghiệp năm 2020 và 2021; Trong đó, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong vòng 6 tháng là 88,9% (kết quả khảo sát năm 2021); tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp làm đúng chuyên môn được đào tạo là 83,3% (kết quả khảo sát năm 2021).

Đoàn cũng đã thu được từ các BLQ đến tham dự phỏng vấn 76 phiếu góp ý, tổng cộng có 356 ý kiến của CB, giảng viên (GV), SV, cựu SV và NTD về các hoạt động của Nhà trường.

Sau mỗi ngày làm việc, Đoàn tập trung thảo luận, tổng kết các vấn đề và thống nhất các nội dung đánh giá. Đồng thời, Đoàn dành thời gian để tiếp CB, GV và SV có nhu cầu gặp và trao đổi với Đoàn.

(4) *Viết dự thảo Báo cáo ĐGN*: Từ 26/10/2022 đến ngày 05/11/2022, Đoàn tiếp tục thảo luận, thống nhất và viết dự thảo Báo cáo ĐGN. Dự thảo Báo cáo ĐGN được toàn bộ thành viên trong Đoàn và CB giám sát của Trung tâm KĐCLGD-ĐH Vinh thông qua và được gửi để lấy ý kiến phản hồi của Học viện vào ngày 05/12/2022.

(5) *Hoàn thiện Báo cáo ĐGN*: sau khi nhận được văn bản phản hồi đồng ý hoàn toàn với Dự thảo Báo cáo ĐGN CTĐT ngành Xuất bản – Chuyên ngành Biên tập xuất bản của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (ngày 07/12/2022), Đoàn chuyên gia ĐGN đã rà soát và hoàn thiện Báo cáo ĐGN. Báo cáo ĐGN chính thức đã được tất cả các thành viên của Đoàn ĐGN nhất trí thông qua ngày 08/12/2022. Đoàn đã gửi lại Báo cáo ĐGN chính thức cho Học viện (qua Trung tâm KĐCLGD-ĐHV) theo đúng quy định.

3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài

Đoàn chuyên gia ĐGN đã triển khai khảo sát chính thức tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền từ ngày 21 - 25/10/2022 theo đúng kế hoạch, quy trình, đảm bảo tính khách quan, trung thực, độc lập và dựa trên minh chứng. Các phát hiện chính như sau:

3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng với mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, phù hợp với Sứ mệnh và Tầm nhìn của Học viện, đáp ứng mục tiêu của giáo dục ĐH trong Luật Giáo dục đại học và Khung trình độ Quốc gia.

CĐR của CTĐT được xác định rõ với các nội dung về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm, thể hiện được mục tiêu của CTĐT; phản ánh được yêu cầu xã hội thông qua việc tham khảo ý kiến của các BLQ trong trình xây dựng, điều chỉnh CĐR

và được công bố công khai bằng các hình thức và phương tiện khác nhau; các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Bản mô tả chương trình đào tạo

Nội dung bản mô tả CTĐT có khá đủ thông tin theo quy định, đã cập nhật những vấn đề mới của lĩnh vực ngành đào tạo; đã triển khai xây dựng đề cương học phần cho tất cả các học phần trong CTĐT; đề cương học phần đã ghi đủ thông tin cần thiết.

Các bên liên quan đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách thuận tiện thông qua cổng thông tin của Học viện, trang fanpage của Khoa; bản in CTĐT được lưu tại văn phòng Khoa.

Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Theo các CDR của CTĐT, Khoa Xuất bản đã thiết kế CTDH với các học phần tương ứng; đã xác định tổ hợp các phương pháp dạy, học và phương pháp KTĐG phù hợp với từng loại học phần.

Tất cả học phần trong CTĐT đã có đề cương học phần, trong đó CDR của từng học phần đã thể hiện được sự tương thích về nội dung và mức đóng góp của học phần vào CDR của CTĐT; 100% đề cương học phần đều ghi rõ các học phần tiên quyết hoặc các điều kiện khác và được bố trí giảng dạy vào các thời điểm thích hợp của khóa học để đảm bảo tính logic về kiến thức và tổ chức giảng dạy học phần.

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Trên cơ sở Triết lý và Mục tiêu đào tạo của Học viện, Khoa Xuất bản đã phát triển CTĐT theo tinh thần giáo dục người học có khả năng làm việc trong lĩnh vực xuất bản nói riêng và lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng văn hóa, truyền thông nói chung, có khả năng thích ứng nhanh với thời đại ... các đề cương học phần yêu cầu nhiệm vụ của người học trong rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu, yêu cầu và dành khoảng thời gian phù hợp cho người học tự học/nghiên cứu tài liệu, kết hợp với các hoạt động ngoại khóa nhằm hỗ trợ SV nâng cao năng lực cơ bản cho học suốt đời.

Đánh giá kết quả học tập của người học

Học viện đã có hệ thống các văn bản về KTĐG kết quả học tập của người học và đều được công khai tới SV và GV. Mỗi học phần đều được đánh giá bằng các phương pháp, công cụ KTĐG phù hợp, giúp đánh giá được mức độ đạt được CDR. Học viện đã quy định rõ thời gian, địa điểm công bố điểm kiểm tra/thi phù hợp với các hình thức tổ chức kiểm tra/thi, đã xác định thời gian phản hồi kết quả cho người học và quy định về khiếu nại bài thi...; SV được phổ biến đầy đủ về các quy định trên.

Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Trường xây dựng Chiến lược phát triển của HV/Khoa và các văn bản quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý, thực hiện rà soát và đánh giá mức độ đạt được so với kết hoạch đã đề ra; Tỷ lệ GV/NH đáp ứng theo quy định; xác định rõ mức chuẩn và quy đổi khối

lượng công việc theo từng chức danh; ban hành văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng và lựa chọn GV, thông tin tuyển dụng được công khai trên trang thông tin điện tử. Công tác đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ dựa trên nhu cầu đăng ký vào đầu năm học, thực hiện và giám sát bởi Ban TCCB. Việc đánh giá, phân loại GV dựa trên kết quả thống kê định kỳ mức độ hoàn thành nhiệm vụ đăng ký vào đầu năm học, kết quả phản hồi của NH, là cơ sở cho công tác xét danh hiệu thi đua khen thưởng hàng năm; có các văn bản qui định về các loại hình, số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện, trong đó giờ NCKH được định mức theo chức danh, học hàm học vị của giảng viên. Hoạt động NCKH của GV được giám sát và làm cơ sở cho đánh giá xếp loại hàng năm.

Đội ngũ nhân viên

Học viện ban hành đề án vị trí việc làm năm 2020 trong đó có quy định vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ; có quy định về tuyển dụng và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm; các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đều được phân tích trên tình hình thực tế của Học viện được bàn bạc dân chủ rộng rãi tại các đơn vị trực và được công bố công khai; có hệ thống các văn bản quy định về khối lượng và nghĩa vụ lao động cho nhân viên nhằm quản lý sử dụng và đánh giá nhân viên theo hiệu quả công việc; triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên các quy định, hướng dẫn về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Việc đánh giá nhân viên được thực hiện hằng năm và là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhân viên, để xét danh hiệu thi đua, xét nâng lương và đề nghị các cấp khen thưởng.

Nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Học viện và các cấp có thẩm quyền.

Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Học viện có đề án tuyển sinh bao gồm các chính sách và quy định cụ thể đối với từng ngành đào tạo, Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, được cập nhật hằng năm và được công khai trên các phương tiện thông tin; có bộ phận chuyên trách và các quy trình/quy định giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH và cảnh báo học vụ, tư vấn việc làm và tư vấn hỗ trợ NH trong học tập, NCKH; có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ và thôi học của NH; hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua, và nhiều dịch vụ hỗ trợ khác đã khuyến khích SV phấn đấu học tập, NCKH cũng như tu dưỡng, rèn luyện để đạt được những thành tích tốt trong học tập, NCKH; ngoài ra SV còn được học tập, nghiên cứu,

rèn luyện và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường cảnh quan, xã hội và tâm lý thuận lợi.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, an ninh, an toàn tốt, cây xanh nhiều, thiết kế đẹp, thân thiện; khu KTX riêng (373 phòng) bố trí trong một khu vực liên hợp cả khu thể thao, căng-tin, y tế rất tiện lợi cho sinh hoạt của NH; hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng phong phú (6,7m²/NH), có đủ trang thiết bị phù hợp phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ; hệ thống CNTT, thư viện, thiết bị thực hành (03 phòng thực hành tiếng chuyên dụng) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ: Có đủ học liệu, không gian tự học; công tác tin học hoá việc quản lý trường học và an toàn dữ liệu bước đầu được chú trọng.

Nâng cao chất lượng

Học viện có hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện lấy ý kiến của các BLQ trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH; có quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT; có các bước thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi từ các BLQ, có các quy định về quản lý quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Khoa Xuất bản có đề tài NCKH được vận dụng có hiệu quả trong hoạt động và giảng dạy.

Các đơn vị của Học viện có sự phối hợp triển khai các đợt khảo sát và có báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng của các hoạt động hỗ trợ dịch vụ và tiện ích đối với người học; hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ và có hệ thống các đơn vị thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ có sự điều chỉnh sau mỗi năm nhằm đáp ứng việc thu thập đầy đủ thông tin. Việc rà soát, cập nhật điều chỉnh CTĐT thực hiện định kỳ 2 năm/lần theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thiết kế và phát triển CTDH đã được cải tiến sau khi rà soát.

Kết quả đầu ra

Tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình của SV được giám sát, xác lập, cập nhật và đối sánh giữa các khoá và đối sánh với các CTĐT khác của Học viện. Tỉ lệ SV thôi học thấp; có nhiều hoạt động tư vấn hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm nên tỉ lệ SV có việc làm cao; NCKH của SV được quản lý, tổ chức tương đối chặt chẽ và có chính sách tạo động lực khuyến khích SV tham gia và GV hướng dẫn; công tác khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan được thực hiện định kỳ, đa dạng về phương thức khảo sát và kết quả khảo sát đã được sử dụng tương đối hiệu quả để cải tiến chất lượng.

3.2. Tóm tắt những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học viện/Khoa cần rà soát, bổ sung các động từ phù hợp cho một số mục tiêu cụ thể của CTĐT; cần rà soát lại ma trận tương thích giữa CĐR với mục tiêu cụ thể của CTĐT, rà soát từng CĐR của CTĐT và chỉnh sửa để sao cho các CĐR đều có thể đo lường thuận lợi, làm cơ sở cho thiết kế CTDH; cần tận dụng triệt để ý kiến đóng góp của các bên liên quan, nhất là ý kiến của người học, người học tốt nghiệp và người sử dụng lao động từ các khảo sát định kỳ hằng năm cho việc cải tiến, đổi mới CĐR của CTĐT.

Bản mô tả chương trình đào tạo

Học viện, Khoa cần phân biệt rõ nội hàm của Bản mô tả CTĐT và CTĐT; cần xây dựng, phê duyệt để công bố chính thức Bản mô tả CTĐT ngành Xuất bản (chuyên ngành Biên tập xuất bản) bên cạnh việc phê duyệt CTĐT; cần thường xuyên rà soát kỹ và cập nhật đề cương học phần, nhất là bổ sung, cập nhật học liệu đối với một số học phần có nhiều học liệu cũ.

Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Nhà trường/Khoa cần rà soát lại từng đề cương học phần để bổ sung, hoàn thiện các ma trận kỹ năng giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT; cần rà soát và điều chỉnh để tạo ra mối quan hệ logic giữa ma trận thể hiện mức độ về đóng góp của CĐR của học phần vào CĐR của CTĐT và ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần với CĐR của CTĐT... Nên xem xét để bố trí xen kẽ các học phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với các học phần kiến thức giáo dục đại cương trên cơ sở vừa đảm bảo tính logic trong cấu trúc của CTDH vừa đảm bảo sự hứng thú trong học tập cho SV năm đầu.

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Học viện cần quán triệt và phổ biến rộng rãi Triết lý giáo dục cho các bên liên quan; cần làm rõ hơn về nội dung Mục tiêu giáo dục của Học viện; nên quan tâm đến ý kiến của người sử dụng lao động và cựu SV trong việc tăng cường các hoạt động học tập trải nghiệm thực tế; cần nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học cho SV một cách hợp lý nhất cả ở mặt thời lượng và thời điểm.

Đánh giá kết quả học tập của người học

Hằng năm, Học viện cần dựa trên việc phân tích kết quả đánh giá học phần của người học để xác định độ tin cậy của đề thi, độ tin cậy của phương pháp đánh giá, từ đó đề xuất cải tiến phương pháp đánh giá và công tác ra đề; cần thường xuyên tổng kết, đối sánh kết quả giữa các hình thức thi hết học phần để làm cơ sở cho lựa chọn các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp nhất với CTĐT, đảm bảo đánh giá đúng kết quả học tập của người học.

Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Cần chi tiết hoá lộ trình triển khai kế hoạch chiến lược, nhóm giải pháp thực hiện trong từng giai đoạn; bổ sung quy định về hoạt động PVCĐ của GV và quy đổi giờ bình quân hàng năm; ban hành văn bản riêng phù hợp với quy định hiện hành và bối cảnh thực tế về việc lựa chọn đội ngũ để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển; rà soát quy định đánh giá năng lực của đội ngũ GV bao hàm các tiêu chí về giảng dạy, NCKH và PVCĐ; xây dựng cơ chế phối hợp giữa Ban TCCB và các khoa/đơn vị trong việc lựa chọn các nội dung/khoá tập huấn bám sát với năng lực hỗ trợ hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ; bổ sung quy trình và tiêu chí đánh giá cụ thể hơn, phân loại rõ ràng đối với năng lực của GV trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Học viện cần rà soát Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên trong đó có quy định nhiệm vụ NCKH của GV trên cơ sở cập nhật Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV thuộc cơ sở giáo dục đại học; cần chủ động xây dựng các hướng nghiên cứu, thành lập các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án các cấp nhằm tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu; cần tập trung nguồn lực đầu tư, có chính sách khuyến khích, thúc đẩy GV của Khoa tham gia các đề tài, dự án các cấp; hỗ trợ tương xứng cho các GV công bố sản phẩm khoa học ngoài nước đồng thời nên tổ chức các khóa tập huấn về công bố quốc tế cho GV của Khoa cũng như của toàn Học viện.

Đội ngũ nhân viên

Học viện/Khoa cụ thể hóa hơn chiến lược phát triển nhân lực, trong đó có đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ, tiếp tục rà soát lại tính phù hợp của các vị trí công việc, điều chuyển, bổ sung, phân bổ hợp lý đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ; nên rà soát, điều chỉnh Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển gắn với Đề án vị trí việc làm và Nghị định 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó cần quan tâm đến các chính sách thu hút đội ngũ nhân viên có năng lực cao; nên rà soát, bổ sung các văn bản quy định về việc sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ làm căn cứ đánh giá cũng như đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của nhân viên một cách chi tiết hơn; cần tiến hành tổng kết về tính hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên sau khi đã thực hiện để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng; cần chú trọng hơn các khoá tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ của từng lĩnh vực hỗ trợ cho đội ngũ nhân viên, chẳng hạn các khóa tập huấn về chuyển đổi số trong các lĩnh vực cụ thể, phát triển CTĐT.

Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Học viện và Khoa cần phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản sát với đối tượng mà Khoa đang đào tạo để có những điều chỉnh

trong đề án tuyển sinh hằng năm; cần triển khai lấy ý kiến đóng góp từ BLQ về phương pháp xét tuyển và tiêu chí tuyển sinh của Học viện nói chung, chuyên ngành nói riêng; cần tuyển thêm GV chuyên Ngành để việc tuyển sinh sẽ phù hợp chỉ tiêu đề ra; cần có kế hoạch định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả của đội ngũ CVHT; cần tạo thêm không gian tổ chức cho các hoạt động CLB, sinh hoạt đội nhóm cho SV; cần bố trí thêm không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Tăng số lượng phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (smart classroom); tăng cường việc kết nối nguồn học liệu số với các trường đại học khác; tăng số máy khử từ. Đảm bảo chất lượng học liệu thông qua thúc đẩy việc xuất bản tài liệu lưu hành nội bộ và cập nhật tài liệu học tập thường xuyên hơn. Trang bị phòng thực hành luyện âm và phòng dịch cacbin chuyên dụng. Đẩy mạnh công tác ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục: Đầu tư phần mềm quản lý tương tác giữa GV và người học trong dạy-học trực tuyến, tăng cường sản xuất học liệu e-learning; đầu tư thêm chức năng thống kê số lượng tài liệu theo ngành, theo năm cho Phần mềm quản lý thư viện Kipos phục vụ công tác thống kê, quản lý; phát triển/đầu tư phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác ĐBCL và KDCLGD.

Nâng cao chất lượng

Khoa Xuất bản cần mở rộng đối tượng khảo sát để tăng số lượng NTD góp ý về CTĐT nhằm thu thập dữ liệu một cách có hệ thống, đa dạng phục vụ tốt hơn cho việc thiết kế và phát triển CTDH; cần có quy định, quy trình làm rõ việc phân tích các phổ điểm sau mỗi đợt thi kết thúc học phần; cần nghiên cứu để từng bước cải tiến, áp dụng các hình thức KTĐG tiên tiến hơn, đảm bảo đánh giá tốt hơn năng lực người học; cần có kế hoạch thu thập ý kiến phản hồi từ các BLQ đối với các hoạt động riêng với mẫu phiếu khảo sát đầy đủ thông tin chuyên sâu phục vụ việc cải tiến chất lượng cho đơn vị mình. Báo cáo KQKS của các đơn vị cần có nội dung phân tích những điểm tồn tại cho từng hoạt động và đề xuất kế hoạch cải tiến cụ thể để lãnh đạo Học viện xem xét phê duyệt đưa vào kế hoạch chung.

Kết quả đầu ra

Học viện cần ban hành quy định chi tiết về công tác giám sát, thống kê, phân tích đối sánh tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và tính thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khoá đào tạo và hoàn thiện phần mềm quản lý đào tạo để thuận lợi cho các đơn vị triển khai thực hiện; cần có các giải pháp để tăng số SV tốt nghiệp đúng hạn, tăng tỉ lệ SV tham gia NCKH. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực SV tốt nghiệp để từ đó thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của nhà SDLĐ, GV, cựu người học về chất lượng SV sau tốt nghiệp làm cơ sở triển khai đánh giá mức độ đạt được CDR của CTĐT.

3.3. Bảng tổng hợp kết quả Tự đánh giá và Đánh giá ngoài

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								
Tiêu chí 1.1	5	4	4,66	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 1.2	4	4						
Tiêu chí 1.3	5	4						
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								
Tiêu chí 2.1	5	3	4,66	3	100	3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.2	5	4						
Tiêu chí 2.3	5	4						
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								
Tiêu chí 3.1	4	4	5,00	3	100	3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.2	4	3						
Tiêu chí 3.3	5	4						
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								
Tiêu chí 4.1	5	4	5,00	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 4.2	5	4						
Tiêu chí 4.3	4	4						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								
Tiêu chí 5.1	5	4	5,00	5	100	3,80	4	80,00
Tiêu chí 5.2	5	4						
Tiêu chí 5.3	5	3						
Tiêu chí 5.4	5	4						
Tiêu chí 5.5	5	4						
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								
Tiêu chí 6.1	5	5	5,00	7	100	4,14	6	85,71
Tiêu chí 6.2	5	5						
Tiêu chí 6.3	5	4						
Tiêu chí 6.4	5	3						
Tiêu chí 6.5	5	4						
Tiêu chí 6.6	5	4						
Tiêu chí 6.7	5	4						
<i>Tiêu chuẩn 7</i>								
Tiêu chí 7.1	5	4	4,80	5	100	4,00	5	100
Tiêu chí 7.2	5	4						
Tiêu chí 7.3	4	4						

Tiêu chí 7.4	5	4						
Tiêu chí 7.5	5	4						
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								
Tiêu chí 8.1	5	4	4,80	5	100	4,20	5	100
Tiêu chí 8.2	4	4						
Tiêu chí 8.3	5	4						
Tiêu chí 8.4	5	4						
Tiêu chí 8.5	5	5						
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								
Tiêu chí 9.1	5	5	5,00	5	100	4,40	5	100
Tiêu chí 9.2	5	4						
Tiêu chí 9.3	5	4						
Tiêu chí 9.4	5	4						
Tiêu chí 9.5	5	5						
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								
Tiêu chí 10.1	5	4	5,00	6	100	3,67	4	66,67
Tiêu chí 10.2	5	4						
Tiêu chí 10.3	5	3						
Tiêu chí 10.4	5	4						
Tiêu chí 10.5	5	4						
Tiêu chí 10.6	5	3						
<i>Tiêu chuẩn 11</i>								
Tiêu chí 11.1	5	4	5,00	5	100	4,00	5	100
Tiêu chí 11.2	5	4						
Tiêu chí 11.3	5	4						
Tiêu chí 11.4	5	4						
Tiêu chí 11.5	5	4						
Đánh giá chung CTĐT			4,64	50	100	3,98	44	88

Phần II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN

I. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CĐR của chương trình đào tạo

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Điểm mạnh

CTĐT cử nhân ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản được ban hành năm 2016, 2018 và năm 2020 trong chu kỳ KĐCLGD đã xác định rõ ràng mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. CTĐT ban hành năm 2020 (số 3914-QĐ/HVBC TT-ĐT, ngày 20/09/2020) có mục tiêu chung là: “Đào tạo biên tập viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt; nắm vững kiến thức về lý luận chính trị, lý thuyết và kỹ năng nghiệp vụ biên tập xuất bản; có khả năng tổ chức sản xuất sản phẩm thuộc các loại hình xuất bản phẩm khác nhau trong các cơ quan, tổ chức Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ...”. Từ mục tiêu chung này Học viện đã phát triển thành 13 mục tiêu cụ thể bao trùm lên các nội dung về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, về phẩm chất chính trị, đạo đức, mức độ tự chủ và trách nhiệm cùng khả năng công việc.

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với Sứ mạng của Học viện là “*ngiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng – văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác*” và Tầm nhìn đến năm 2050 của Học viện là “*trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới*”; đáp ứng các yêu cầu trong mục tiêu của giáo dục đại học được quy định trong Luật Giáo dục ĐH năm 2012, Luật Giáo dục ĐH sửa đổi năm 2018 là “*đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân*”.

2. Điểm tồn tại

Một số mục tiêu cụ thể thiếu động từ cần thiết như “cung cấp cho“, hoặc “người học có/nắm/lĩnh hội được“... Trong ma trận liên kết giữa CĐR với mục tiêu của CTĐT, vẫn có mục tiêu không tương thích với bất kỳ CĐR nào (PO10). Điều này cũng có nghĩa không có CĐR hoặc học phần nào trong CTDH giúp CTĐT hoàn thành mục tiêu này..

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần rà soát, bổ sung các động từ cần thiết đối với một số mục tiêu cụ thể cho CTĐT; nên rà soát lại ma trận tương thích giữa CĐR với mục tiêu cụ thể của CTĐT để đảm bảo mối quan hệ có tính logic giữa mục tiêu cụ thể với CĐR, trong đó CĐR là sự cụ thể hóa, chi tiết hóa của mục tiêu cụ thể.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản được ban hành vào năm 2018, được rà soát, bổ sung và ban hành vào năm 2020 (số 3914/QĐ-HVBCCTT-ĐT, ngày 20/9/2020); được xác định rõ ràng với các nội dung về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng đáp ứng cơ hội việc làm, nghề nghiệp, thể hiện được mục tiêu của CTĐT; phù hợp với Sứ mạng và định hướng phát triển của Học viện. Khoa Xuất bản đã xây dựng ma trận kết nối 17 CDR với 12 mục tiêu cụ thể của CTĐT; được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung năm 2020 đã xác định rõ ràng các chuẩn theo 3 nội dung: kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm. Từ 3 nội dung này, CDR được chi tiết hóa thành 17 CDR, trong đó có 7 chuẩn về kiến thức (2 chuẩn kiến thức chung, 2 chuẩn kiến thức ngành và 3 chuẩn), 7 chuẩn về kỹ năng (3 chuẩn kỹ năng chung và 4 chuẩn kỹ năng ngành nghề) và 3 chuẩn về năng lực tự chủ, trách nhiệm nghề nghiệp; mỗi học phần trong CTĐT đều có sự đóng góp nhất định vào hình thành các kiến thức, những kỹ năng cụ thể, và hình thành năng lực cho người học. Mỗi bài/chương của các học phần đều chỉ ra được sự đóng góp vào CDR của học phần.

Khi đạt được 17 CDR này, người học có thể đảm nhận ở nhiều vị trí công việc: Biên tập viên các nhà xuất bản, các báo - tạp chí, các công ty cổ phần sách, công ty truyền thông; Chuyên viên kinh doanh xuất bản phẩm các nhà xuất bản, các công ty cổ phần sách, công ty truyền thông; Chuyên viên marketing (bộ phận marketing) các nhà xuất bản, các công ty cổ phần sách, công ty truyền thông; Chuyên viên thị trường (bộ phận thị trường) các nhà xuất bản, các công ty cổ phần sách, công ty truyền thông; Chuyên viên tổ chức sự kiện, truyền thông xuất bản tại các nhà xuất bản, các công ty cổ phần sách, công ty truyền thông; Chuyên viên khai thác bản quyền và tạo nguồn (bộ phận bản quyền, tổ chức bản thảo) các nhà xuất bản, các công ty cổ phần sách, công ty truyền thông; Chuyên viên nghiên cứu, chuyên viên quản lý tại các đơn vị sự nghiệp nhà nước liên quan đến ngành Xuất bản... hoặc có thể tham gia giảng dạy tại các cơ sở đào tạo về xuất bản, có thể tiếp tục học tập nghiên cứu ở bậc cao hơn...

CDR về ngoại ngữ (B1 khung tham chiếu châu Âu) và CDR về tin học (trình độ B) của CTĐT đáp ứng yêu cầu của Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT, ngày 24 tháng 01 năm 2014 và Thông tư số 03/TT-BTTTT ngày 11/3/2014, phù hợp với yêu cầu ở trình độ đại học.

2. Điểm tồn tại

Một số CĐR khó lượng hóa đo lường để đánh giá mức độ đạt được CĐR của người học; kiến thức về công tác xuất bản, kinh tế xuất bản, thương mại điện tử và chuyển đổi số trong xuất bản cũng như kỹ năng viết, biên tập... chưa được thể hiện nhiều trong CĐR của CTĐT.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần rà soát từng CĐR của CTĐT và chỉnh sửa để sao cho các CĐR đều có thể đo lường thuận lợi, làm cơ sở cho thiết kế CTDH; cần bổ sung thêm các CĐR kiến thức về công tác xuất bản, kinh tế xuất bản, thương mại điện tử và chuyển đổi số trong xuất bản, kỹ năng viết...

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản được ban hành năm 2018, được rà soát, chỉnh sửa và phê duyệt năm 2020 đã phản ánh được yêu cầu của xã hội thông qua việc tham khảo ý kiến các bên liên quan khi xây dựng, đổi mới CĐR.

Năm 2018 và năm 2020 Khoa Xuất bản đã tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan dưới một số hình thức như: tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, phát phiếu hỏi... phục vụ trực tiếp việc rà soát, cải tiến chất lượng đào tạo, trong đó có cải tiến CĐR và CTĐT. Các khảo sát đã đề cập đến việc đánh giá CĐR hiện có và đề xuất yêu cầu điều chỉnh CĐR, yêu cầu đối với năng lực nghề nghiệp phẩm chất đạo đức của SV tốt nghiệp... Các ý kiến, các đề xuất, các yêu cầu thu được từ khảo sát đã được phân tích và được chuyển tải vào nội dung CĐR của sự CTĐT; CĐR của CTĐT ngành Xuất bản (chuyên ngành Biên tập xuất bản) được xem xét, điều chỉnh vào năm 2018 và năm 2020 để đảm bảo sự thích ứng của CTĐT với nhu cầu của thị trường lao động; CĐR của CTĐT được phê duyệt năm 2018 có 33 chuẩn, phân bổ theo 3 phần: 20 chuẩn kiến thức, 12 chuẩn kỹ năng, 5 chuẩn năng lực tự chủ và trách nhiệm; chuẩn ngoại ngữ phải đạt bậc 4/6 (B2). CĐR của CTĐT được phê duyệt năm 2020 có điều chỉnh một số nội dung: số lượng CĐR được khái quát thành 17 chuẩn: 7 chuẩn kiến thức, 7 chuẩn kỹ năng, 3 chuẩn năng lực tự chủ và trách nhiệm (có bổ sung năng lực khởi nghiệp), chuẩn ngoại ngữ yêu cầu đạt bậc 3/6 (B1), vị trí việc làm trong tương lai mà người học tốt nghiệp có thể đảm nhận cũng được xác định rõ ràng và đầy đủ hơn, phù hợp với yêu cầu và đề xuất của các bên liên quan, nhất là yêu cầu của người học và người học tốt nghiệp.

CĐR của CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản được công bố công khai, được phổ biến rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau để các bên liên quan như người học, GV, chuyên gia, người sử dụng lao động, ... có thể dễ dàng tiếp

cận được; được công bố trên cổng thông tin điện tử của Học viện; được thông báo trong các cuộc họp Khoa; hồ sơ về CTĐT chuyên ngành Biên tập xuất bản và CĐR được lưu tại Khoa Xuất bản. Đối với người học, CĐR được công bố ở buổi sinh hoạt định hướng đầu khóa, buổi họp lớp cùng CVHT và GVCN.

2. Điểm tồn tại

Học viện/Khoa chưa tận dụng triệt để ý kiến đóng góp của các bên liên quan, nhất là ý kiến của người học, người học tốt nghiệp và người sử dụng lao động từ các khảo sát định kỳ hằng năm cho việc cải tiến, đổi mới CĐR của CTĐT.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần tận dụng triệt để ý kiến đóng góp của các bên liên quan, nhất là ý kiến của người học, người học tốt nghiệp và người sử dụng lao động từ các khảo sát định kỳ hằng năm cho việc cải tiến, đổi mới CĐR của CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có) Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT

CTĐT cử nhân ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản được ban hành trong chu kỳ KĐCLGD đã xác định rõ ràng mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với Sứ mệnh và Tầm nhìn của Học viện đến năm 2050 là “trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới”, đồng thời cũng đã đáp ứng các yêu cầu trong mục tiêu của giáo dục đại học được quy định trong Luật Giáo dục đại học và Khung trình độ Quốc gia.

CĐR ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản được xác định rõ với các nội dung về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm, đã thể hiện được mục tiêu của CTĐT. Ma trận kết nối giữa các học phần với CĐR cho biết sự đóng góp của các học phần hình thành các kiến thức, kỹ năng cụ thể, và hình thành năng lực cho người học. CĐR đã phản ánh được yêu cầu của xã hội thông qua việc tham khảo ý kiến của các bên liên quan của Khoa trong quá trình xây dựng, đổi mới CĐR.

CĐR của CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản đã được rà soát, được điều chỉnh và được công bố công khai bằng các hình thức và phương tiện khác nhau để các bên liên quan như người học, GV, chuyên gia, người sử dụng lao động,... dễ dàng tiếp cận.

2. Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Một số mục tiêu cụ thể còn thiếu các động từ cần thiết, phù hợp. Trong ma trận liên kết giữa CĐR với mục tiêu của CTĐT, vẫn có mục tiêu không tương thích với bất kỳ CĐR nào (PO10), không có CĐR hoặc học phần nào trong CTDH giúp CTĐT hoàn thành mục tiêu này...

Học viện/Khoa chưa tận dụng triệt để ý kiến đóng góp của các bên liên quan, nhất là ý kiến của người học, người học tốt nghiệp và người sử dụng lao động từ các khảo sát định kỳ hằng năm cho việc cải tiến, đổi mới CĐR của CTĐT.

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viện/Khoa cần rà soát, bổ sung các động từ phù hợp cho một số mục tiêu cụ thể của CTĐT; cần rà soát lại ma trận tương thích giữa CĐR với mục tiêu cụ thể của CTĐT để đảm bảo mối quan hệ có tính logic giữa mục tiêu cụ thể với CĐR, trong đó CĐR là sự cụ thể hóa, chi tiết hóa của mục tiêu cụ thể; cần rà soát từng CĐR của CTĐT và chỉnh sửa để sao cho các CĐR đều có thể đo lường thuận lợi, làm cơ sở cho thiết kế CTDH; cần tận dụng triệt để ý kiến đóng góp của các bên liên quan, nhất là ý kiến của người học, người học tốt nghiệp và người sử dụng lao động từ các khảo sát định kỳ hằng năm cho việc cải tiến, đổi mới CĐR của CTĐT.

II. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Điểm mạnh

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện đã phê duyệt CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản, Chương trình giáo dục ĐH vào năm 2018, năm 2020 và Bản mô tả CTĐT (số 4968/QĐ-HVBCCTT và số 3914-QĐ/HVBCCTT ngày 20/9/2020), trong đó có đủ các nội dung của bản mô tả CTĐT. Bản mô tả CTĐT ngành Xuất bản phê duyệt năm 2020 đã có khá đủ các thông tin theo quy định: tên chương trình, thời gian đào tạo, mục tiêu, CĐR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng, phương pháp đánh giá, mô tả học phần, đề cương học phần...

Định kỳ, Khoa Xuất bản đã tiến hành rà soát và cải tiến CTĐT, bao gồm nội dung bản mô tả CTĐT. Do vậy, Bản mô tả đã thường xuyên được cập nhật với những vấn đề mới của lĩnh vực chuyên ngành trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các bên liên quan và tham khảo, đối sánh với CTĐT ngành Xuất bản của các trường đại học trong và ngoài nước, như Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐH Paris 13 (Pháp)...

Nội dung bản mô tả CTDH năm 2018 so với năm 2016 đổi mới nhiều cả ở cơ cấu và nội dung CTDH, đáp ứng hơn với yêu cầu của các bên liên quan. Cụ thể, đã tăng thời lượng kiến thức giáo dục đại cương từ 42,28% lên 45,31%, tăng thời lượng học ngoại ngữ từ 8,5% lên 11,71%, bổ sung kiến thức hỗ trợ giúp người học có đủ các kiến thức, kỹ năng chuyên ngành cần thiết. Kèm theo đó là sự cắt giảm hoặc bổ sung thêm thời lượng của một số học phần hoặc thêm các học phần phù hợp với thực tế của ngành. Nội dung bản mô tả CTDH năm 2020 so với năm 2018 cũng được điều chỉnh về thời lượng và cấu trúc: tăng thời lượng của CTDH lên 130 tín chỉ (thêm 2 tín chỉ); giảm thời lượng kiến thức giáo dục đại cương từ 45,31% xuống còn 31,53%; tăng thời lượng kiến thức

giáo dục chuyên nghiệp từ 56,68% lên 68,46%, trong đó chú trọng tăng thời lượng kiến thức ngành và chuyên ngành (tăng từ 25,78% lên 44,37%); tích hợp và bổ sung một số học phần mới, đáp ứng yêu cầu của ngành học như: Các phương tiện truyền thông trong hoạt động xuất bản, Mạng xã hội trong hoạt động xuất bản, Kỹ năng viết cho truyền thông xuất bản, Tổ chức sự kiện xuất bản, Đồ họa xuất bản, Sản xuất video clip cho xuất bản phẩm, Bán hàng và quan hệ khách hàng xuất bản phẩm, Truyền thông và xử lý khủng hoảng trong xuất bản... sự điều chỉnh cũng nằm ở việc bổ sung và hoàn thiện các ma trận kết nối giữa các học, ma trận giữa phương pháp dạy và học với CDR, ma trận kết nối kiểm tra, đánh giá với CDR...; đã điều chỉnh mục tiêu cụ thể và CDR; đã cập nhật trong mô tả các học phần.

2. Điểm tồn tại

Khoa có Bản mô tả CTĐT cử nhân ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản năm 2020 ban hành theo số QĐ của CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản (số 3914/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020). Điều này cho thấy, Bản mô tả CTĐT chưa được phê duyệt chính thức và Khoa chưa phân biệt rõ nội hàm của Bản mô tả CTĐT và CTĐT; chưa nắm vững cấu trúc, nội dung của Bản mô tả CTĐT, chưa phân biệt được những khác biệt cơ bản giữa Bản mô tả chương trình, CTDH và CTĐT.

Tài liệu công khai trên Website của Trường là CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản, nếu so với nội dung của bản mô tả CTĐT tại CV số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng thì còn thiếu khá nhiều mục như: thời gian đào tạo; mục tiêu, CDR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh.... Bản mô tả CTĐT cử nhân ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản năm 2018 chưa được Khoa đề cập đến, mà mới chỉ có Chương trình giáo dục ĐH (Ban hành kèm theo QĐ số 4968/QĐ-HVBCTT), trong đó thiếu vắng tính chính thức của văn bản.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện, Khoa cần xây dựng, phê duyệt để công bố chính thức Bản mô tả CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản với tên chương trình phù hợp; cần làm rõ nội hàm của Bản mô tả CTĐT, CTDH và CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Không đạt (Mức 3)

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Điểm mạnh

Khoa Xuất bản đã triển khai xây dựng ĐCCT cho tất cả các học phần trong CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản theo hướng dẫn và quy định của Học viện và của BGD&ĐT. Tất cả các các đề cương chi tiết học phần có đầy đủ thông tin: Thông tin chung về học phần, tên đơn vị phụ trách, tên GV đảm nhận giảng dạy, số tín chỉ của học

phần, mục tiêu và CĐR, ma trận kết nối CĐR và nội dung học phần; lịch trình, nội dung giảng dạy, tài liệu đọc bắt buộc, tài liệu đọc tham khảo trong từng buổi học; phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra đánh giá...

Thực hiện Quy định, Hướng dẫn và Kế hoạch của Học viện, định kỳ Khoa Xuất bản đã tiến hành rà soát và cải tiến CTĐT, cùng với đó là tất cả đề cương các học phần của CTĐT. Trong giai đoạn kiểm định CLGD, Khoa đã 2 lần rà soát, cập nhật các đề cương học phần vào năm 2018 và năm 2020. Trong lần rà soát, cập nhật năm 2018 Khoa đã bổ sung CĐR của học phần, ma trận kết nối giữa nội dung các học phần với CĐR của học phần. Đợt rà soát, cập nhật năm 2020, Khoa đã xem lại tất cả đề cương học phần trong CTĐT: các học phần đều được tham chiếu, đối sánh và cập nhật theo CĐR mới của CTĐT; đã bổ sung, hoàn thiện hơn ma trận liên kết nội dung học phần với CĐR của học phần, ma trận phương thức kiểm tra, đánh giá với CĐR của học phần.... các đề cương học phần đã hoàn thiện hơn, đã bổ sung các phần các mục còn thiếu và được trình bày theo đúng mẫu hướng dẫn của Học viện.

2. Điểm tồn tại

Nghiên cứu đề các cương học phần, Đoàn ĐGN nhận thấy, vẫn có một số đề cương học phần liên quan đến những vấn đề xuất bản hiện nay, song học liệu vẫn chưa thật cập nhật, vẫn giới thiệu cho người học các học liệu xuất bản từ trước năm 2016.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường/Khoa cần khuyến khích GV giới thiệu cho người học những học liệu mới, có tính cập nhật cao, nhất là những công trình công bố của GV phụ trách học phần.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Điểm mạnh

Trong giai đoạn 2017-2021, CTĐT, nội dung bản mô tả CTĐT, CĐR của CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản sau khi được điều chỉnh, cập nhật đã được Học viện phê duyệt và ban hành (QĐ số 3914-QĐ/HVBCTT-ĐT, ngày 20/09/2020; số 4969-QĐ/HVBCTT-ĐT, ngày 26/10/2018). Nội dung bản mô tả CTĐT năm 2020 sau khi ban hành, được công khai bằng nhiều hình thức khác nhau như: đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Học viện, trên trang Fanpage của Khoa Xuất bản và được phổ biến cho người học vào các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa học; bản in của CTĐT được lưu tại Khoa và Ban Quản lý đào tạo. Ngoài ra CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản còn được phổ biến cho xã hội thông qua các buổi tư vấn tuyển sinh hằng năm.

Tất cả đề cương các học phần trong CTDH ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản đang được giảng dạy các khóa đều được công bố công khai trên cổng thông tin của Học viện; bản in được lưu tại văn phòng Khoa và được GV phụ trách từng học phần phổ biến, cung cấp cho SV ngay buổi đầu tiên giới thiệu học phần.

Các bên liên quan như cơ quan quản lý, người sử dụng lao động, GV, người học, cựu người học đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện thông qua cổng thông tin của Học viện, của Khoa Xuất bản; bản in CTĐT, đề cương học phần được lưu tại văn phòng Khoa và Ban Quản lý đào tạo.

2. Điểm tồn tại

Một số đối tượng ngoài Học viện tiếp cận đề cương học phần trong CTDH qua cổng thông tin điện tử của Trường đôi khi còn chưa thật thuận tiện, dễ dàng.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có giải pháp phù hợp để mọi đối tượng, nhất là những đối tượng ngoài trường tiếp cận với đề cương học phần một cách thuận tiện nhất.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT

Nội dung bản mô tả CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản được phê duyệt năm 2020 có đủ các thông tin theo quy định; đã cập nhật với những vấn đề mới của lĩnh vực ngành đào tạo thông qua việc tham khảo ý kiến của các bên liên quan, cũng như tham khảo CTĐT cùng ngành của các trường đại học khác.

Dựa trên cơ sở CTĐT, Khoa Xuất bản đã triển khai xây dựng đề cương cho tất cả các học phần trong CTĐT theo quy định của Học viện, phù hợp với các quy định của BGDĐT. Tất cả các đề cương học phần đã ghi đầy đủ thông tin cần thiết.

Trong giai đoạn KĐCLGD, Khoa đã 2 lần rà soát các đề cương học phần. Sau lần rà soát năm 2020 Khoa đã điều chỉnh, cập nhật, cải tiến CTDH theo hướng phù hợp hơn với quy định của BGDĐT, sau đó Học viện đã phê duyệt và ban hành CTĐT, kèm theo là các đề cương học phần.

Các bên liên quan đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách thuận tiện thông qua cổng thông tin của Học viện, trang fanpage của Khoa Xuất bản; bản in CTĐT được lưu tại văn phòng Khoa.

2. Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Khoa có Bản mô tả CTĐT cử nhân ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản năm 2020 ban hành theo số QĐ của CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản (số 3913//QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 20/9/2020). Điều này cho thấy, Học viện, Khoa chưa nắm vững cấu

trúc, nội dung của Bản mô tả CTĐT, chưa phân biệt được những khác biệt cơ bản giữa Bản mô tả chương trình và CTĐT.

Vẫn có một số đề cương học phần liên quan đến những vấn đề xuất bản hiện nay, song học liệu vẫn chưa thật cập nhật, vẫn giới thiệu cho người học các học liệu xuất bản từ trước năm 2016.

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viện/Khoa cần phổ biến rộng rãi trong các cuộc họp, hội nghị, hội thảo của Học viện/ Khoa những kiến thức cần thiết liên quan đến nội hàm của bản mô tả CTĐT và CTĐT.

Nhà trường/Khoa cần khuyến khích GV giới thiệu cho người học những học liệu mới, có tính cập nhật cao, nhất là những công trình công bố của GV phụ trách học phần.

III. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản được thiết kế và hoàn thiện theo yêu cầu từ các văn bản quản lý của BGDĐT và Học viện, gồm chuẩn về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với giáo dục ĐH (QĐ số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016). CĐR của CTĐT chuyên ngành Biên tập xuất bản phê duyệt năm 2020 bao gồm 17 CĐR thành phần, trong đó có 7 CĐR về kiến thức, 7 CĐR về kỹ năng, 3 CĐR về mức tự chủ và năng lực trách nhiệm.

CTDH phiên bản năm 2020 được xây dựng, điều chỉnh với 130 tín chỉ dựa trên yêu cầu của CĐR, phù hợp với mục tiêu đào tạo. Ma trận kỹ năng kết nối các học phần của CTDH với 17 CĐR đã cho thấy sự tương thích giữa CĐR với các học phần. Khi rà soát, cải tiến CTDH vào năm 2020, Khoa đã dựa vào CĐR của CTDH để thiết kế nội dung và cấu trúc của CTDH với các học phần tương ứng trên cơ sở phù hợp với các quy định của BGDĐT và của Học viện. Ví dụ, để đáp ứng yêu cầu của CĐR về hiểu và vận dụng kiến thức lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn (PLO2), Khoa đã thiết kế học phần: Xã hội học đại cương (2 tín chỉ), Quan hệ quốc tế đại cương (2 tín chỉ), Địa chính trị thế giới (2 tín chỉ), Tiếng Việt thực hành (2 tín chỉ)...; hoặc để đáp ứng yêu cầu CĐR nhằm nắm vững và vận dụng kiến thức về quản trị kinh doanh xuất bản xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp xuất bản (PL06), Khoa đã thiết kế các học phần: Những vấn đề nhạy cảm trong công tác biên tập hiện nay (3 tín chỉ), Biên tập sách khoa học - kỹ thuật và công nghệ (3 tín chỉ), Biên tập sách văn học (3 tín chỉ), Biên tập sách tra cứu - chỉ dẫn (3 tín chỉ)...

Kết quả nghiên cứu minh chứng cho thấy, Khoa/GV đã xác định tổ hợp các phương pháp dạy, học và các phương pháp đánh giá người học phù hợp: đối với các học phần lý thuyết, GV sẽ thuyết trình, nêu vấn đề, hỏi đáp, tổ chức thảo luận nhóm, giảng lý thuyết dựa theo phân tích tình huống/vấn đề, cho SV thuyết trình kết quả thảo luận... Đối với các học phần thực hành, thực tập, SV cần tiếp xúc với thực tế, trải nghiệm tại các cơ quan, doanh nghiệp theo các yêu cầu của nhiệm vụ về các vấn đề xuất bản cần giải quyết đối với một cử nhân chuyên ngành Biên tập xuất bản...

Phương thức đánh giá học phần cũng được ghi trong đề cương học phần: có đánh giá quá trình và đánh giá cuối học phần với các hình thức phù hợp như làm bài tập tình huống, vấn đáp, hoặc thi tự luận, tiểu luận, báo cáo thực tập hoặc báo cáo chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp.... Các phương thức đánh giá kết quả học tập của người học với các thang điểm cụ thể cũng được xác định phù hợp để đánh giá mức độ đạt CĐR. Cơ cấu điểm học phần/phương thức đánh giá, và trọng số do Học viện/Khoa quy định tùy thuộc vào loại học phần hướng đến CĐR của học phần và của CTĐT. Khoa đã xây dựng ma trận kết nối giữa phương thức kiểm tra đánh giá và CĐR của học phần, qua đó cho biết việc kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ, thi kết thúc học phần cùng các hình thức kiểm tra đánh giá có đóng góp cho việc đạt được CĐR nào của CTĐT. GV có sổ đầu bài để thực hiện và theo dõi tiến trình của các hoạt động dạy học theo đề cương chi tiết học phần và theo dõi được thái độ học tập và tính chuyên cần của SV.

2. Điểm tồn tại

Khoa chưa tổ chức tổng kết đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra/đánh giá để có thể đưa ra được những điều chỉnh đối mới phương pháp giảng dạy và phương thức kiểm tra, đánh giá các học phần trong CTDH đảm bảo sự phù hợp nhất nhằm góp phần đạt CĐR.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khoa cần tổ chức tổng kết đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra/đánh giá để có thể đưa ra được những điều chỉnh đối mới phương pháp giảng dạy và phương thức kiểm tra, đánh giá các học phần trong CTDH một cách phù hợp nhất để góp phần đạt được CĐR, cần chú ý đến các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với phương thức dạy trực tuyến.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Điểm mạnh

Tất cả các học phần trong CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản đã có đề cương chi tiết. CDR của từng học phần thể hiện sự tương thích về nội dung và sự đóng góp của học phần vào CDR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm. Ma trận tích hợp các học phần với CDR được Khoa xây dựng đã thể hiện sự kết nối giữa nội dung của học phần với các CDR của CTDH. Mỗi học phần trong CTDH đã thể hiện sự đóng góp nhất định vào việc đạt CDR. CTDH ban hành năm 2020 có thời lượng 130 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục An ninh Quốc phòng), được chia ra: khối kiến thức giáo dục đại cương có 41 tín chỉ (chiếm 31,53%) chủ yếu đáp ứng yêu cầu kiến thức cơ bản về lý luận Chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh và khoa học xã hội... của CDR: PLO1, PLO2 và CDR về kỹ năng: PLO10, PLO11 cùng CDR về mức độ tự chủ và trách nhiệm: PLO15, PLO16; khối kiến thức cơ sở ngành có 18 tín chỉ (chiếm 13,84%) chủ yếu đáp ứng yêu cầu kiến thức nền tảng về cơ sở lý luận xuất bản, lịch sử xuất bản sách... của CDR: PLO2, PLO3 và CDR về kỹ năng: PLO8, PLO9 cùng CDR về mức độ tự chủ và trách nhiệm: PLO15, PLO16;... Hầu hết các học phần đều được thiết kế nhằm đáp ứng yêu cầu CDR kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và CDR về mức độ tự chủ và trách nhiệm.

Trong các đề cương học phần, Khoa cũng đã xây dựng ma trận kỹ năng kết nối nội dung của học phần với CDR của học phần. Theo đó sự đóng góp của từng học phần vào việc đạt CDR của CTĐT được xác định.

Để đánh giá mức độ đạt được CDR của người học, trong đề cương của học phần đều ghi nhận phương thức kiểm tra đánh giá trong đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với từng loại: đánh giá sự chuyên cần, kiểm tra thường xuyên, bài tập/kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần. Ma trận kết nối giữa phương thức kiểm tra đánh giá với CDR cũng được thiết lập. Cách thức kiểm tra/thi được lựa chọn phù hợp với từng học phần để đánh giá được năng lực của SV nhằm đạt chuẩn đầu ra của học phần.

Trong đợt rà soát và điều chỉnh CTĐT năm 2020, ngoài tham khảo ý kiến của SV, SV tốt nghiệp và GV, Khoa đã mời các chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu SV đóng góp ý kiến phục vụ điều chỉnh CTĐT. Kết quả khảo sát người sử dụng lao động tốt nghiệp từ CTĐT về sự hài lòng với mức đạt được CDR của sinh viên tốt nghiệp cho thấy, có 83,4% hài lòng về "kiến thức chuyên ngành"; 91,7% hài lòng về "kỹ năng chuyên ngành"; có 95,02% hài lòng về "phẩm chất cá nhân và năng lực tự chủ" của người học tốt nghiệp. ...

2. Điểm tồn tại

Nghiên cứu ma trận thể hiện mức độ đóng góp của các học phần vào CDR của CTĐT và một số đề cương học phần cho thấy, việc đánh giá mức độ đóng góp của các học phần vào CDR của CTĐT và CDR của học phần vào việc hoàn thành CDR

của CTĐT chưa được thể hiện đầy đủ hay đôi chỗ còn chưa hợp lý, hoặc việc xác định mức độ đóng góp của học phần cho việc đạt CĐR của CTĐT chưa được phù hợp.

Trong xây dựng ma trận kết nối giữa phương pháp kiểm tra đánh giá của các học phần với CĐR chưa thể hiện được mức độ đóng góp của các hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá với CĐR.

Ý kiến của các bên liên quan đóng góp cho việc điều chỉnh CTDH và đề cương học phần mới tập trung nhiều ở nội dung, cấu trúc CTDH, ít quan tâm đến nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, tính cập nhật của các học phần.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường/Khoa cần rà soát lại từng đề cương học phần để bổ sung các ma trận kỹ năng giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT, rà soát và điều chỉnh để tạo ra mối quan hệ logic giữa ma trận thể hiện mức độ về đóng góp của CĐR của học phần vào CĐR của CTĐT và ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần với CĐR của CTĐT; cần chú ý hơn trong xây dựng ma trận kết nối giữa phương pháp kiểm tra đánh giá của các học phần với CĐR để thể hiện được mức độ đóng góp của các hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá với CĐR.

Trong các phiếu khảo sát ý kiến các bên liên quan phục vụ cho việc điều chỉnh CTDH, cần có thêm các câu hỏi liên quan đến nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và tính cập nhật của các đề cương các học phần của CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3)

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Điểm mạnh

CTDH chuyên ngành Biên tập xuất bản ban hành vào năm 2020 được thiết kế theo quy định của Học viện, bao gồm: kiến thức giáo dục đại cương với 41 tín chỉ chiếm 31,53% thời lượng CTDH, kiến thức cơ sở ngành có 18 tín chỉ chiếm 13,84%, kiến thức ngành có 28 tín chỉ chiếm 21,53%, kiến thức chuyên ngành có 31 tín chỉ, chiếm 23,84%, kiến thức bổ trợ có 12 tín chỉ, chiếm 9,23% thời lượng CTDH. Tỷ lệ giữa các khối kiến thức của CTDH là khá hợp lý; kết cấu các khối kiến thức đã hình thành khối thống nhất, đảm bảo tính logic từ các kiến thức chung đến kiến thức cụ thể, chuyên sâu, phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT.

100% đề cương chi tiết các học phần đều ghi rõ thời lượng, các học phần tiên quyết, hoặc các yêu cầu khác để đảm bảo tính logic về kiến thức và tổ chức giảng dạy học phần. Trong CTDH ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản, Khoa đã lập bảng Kế hoạch dạy học toàn khóa, trong đó kiến thức đại cương và kiến thức cơ sở khối ngành được bố

trí giảng dạy trong hai năm đầu. Các kiến thức ngành, chuyên ngành được giảng dạy vào các năm sau; việc bố trí các học phần ở các học kỳ cũng đều phải tuân thủ mối quan hệ giữa các học phần. Nhìn chung, việc thiết kế và kế hoạch đào tạo được xây dựng đảm bảo tính hợp lý và logic, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu.

Trong chu kỳ KĐCLGD, Khoa đã thực hiện 2 lần rà soát, đổi mới CTDH vào năm 2018 và năm 2020. Lần rà soát, đổi mới năm 2018, Khoa đã cắt giảm thời lượng của khối kiến thức giáo dục đại cương từ 58 tín chỉ của CTDH năm 2016 xuống còn 41 tín chỉ, đồng thời tăng thời lượng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp từ 70 tín chỉ lên 89 tín chỉ; bổ sung nhiều học phần thuộc lĩnh vực chuyên môn của chuyên ngành Biên tập xuất bản. Năm 2020, Khoa đã rà soát điều chỉnh CTDH theo hướng giữ nguyên thời lượng 130 tín chỉ của CTDH năm 2018, sự thay đổi chủ yếu ở các môn bắt buộc và các môn tự chọn thuộc các nhóm kiến thức của Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

Khi đổi mới CTĐT, Khoa đã tham khảo, đối sánh CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản của Học viện với một số cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước để đảm bảo tính tích hợp và linh hoạt. Đợt chỉnh sửa CTDH năm 2020, Khoa đã tham khảo và đối sánh với CTĐT ngành gần của Trường ĐH Văn hóa Hà Nội và Trường ĐH Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh. Học viện/Khoa đã khảo sát ý kiến của SV trước khi tốt nghiệp về CTĐT, của người sử dụng lao động về năng lực của SV tốt nghiệp, về CDR của CTĐT.

2. Điểm tồn tại

Khi xây dựng và điều chỉnh CTĐT, Khoa đã đối sánh với các CTĐT cùng ngành hoặc ngành gần của một số Trường ĐH trong nước, song số lượng CTĐT được đối sánh còn ít, đặc biệt là đối sánh với các CTĐT của các trường đại học nước ngoài.

Trong trao đổi với CBGV và SV của Học viện về việc bố trí các học phần trong CTDH, một số ý kiến cho rằng việc tập trung bố trí các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành (chủ yếu là các học phần mang nặng lý thuyết) trong 3 học kỳ đầu đã làm giảm sự hứng thú của người học, gây ra tình trạng chán học, bỏ học ở SV.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khi xây dựng và điều chỉnh CTĐT, Khoa cần tăng cường việc đối sánh với các CTĐT cùng ngành hoặc ngành gần của các Trường ĐH trong và ngoài nước.

Học viện và Khoa nên xem xét các trường hợp cụ thể trong CTDH, để bố trí xen kẽ các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trên cơ sở vừa đảm bảo tính logic trong cấu trúc của CTDH vừa đảm bảo sự hứng thú trong học tập cho SV.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Dựa vào các CĐR của CTĐT, Khoa đã thiết kế nội dung và cấu trúc của CTDH với các học phần tương ứng trên cơ sở phù hợp với các quy định của BGDĐT và của Học viện. Khoa/GV đã xác định tổ hợp các phương pháp dạy, học và phương pháp kiểm tra đánh giá người học phù hợp với, các học phần lý thuyết, học phần thực hành, kiến tập, thực tập.

Tất cả các học phần trong CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản đã có đề cương chi tiết, trong đó CĐR của từng học phần đã thể hiện được sự tương thích về nội dung và mức đóng góp của học phần vào CĐR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm. Ma trận kỹ năng được Khoa xây dựng đã thể hiện sự kết nối giữa nội dung của học phần với các CĐR của CTDH; tất cả đề cương chi tiết các học phần đều ghi rõ phương pháp dạy và học hướng đến đánh giá mức độ đạt được CĐR của người học; trong đề cương chi tiết của mỗi học phần đều có các thang đánh giá kết quả học tập phù hợp bao gồm kiểm tra thường xuyên, thi giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

CTDH ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản ban hành trong chu kỳ KĐCLGD được thiết kế theo quy định của BGDĐT, bao gồm: kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành và cuối cùng là tốt nghiệp (học phần thay thế, khóa luận, sản phẩm tốt nghiệp); 100% đề cương học phần đều ghi rõ các học phần tiên quyết hoặc các điều kiện khác và được bố trí giảng dạy vào các thời điểm thích hợp của khóa học để đảm bảo tính logic về kiến thức và tổ chức giảng dạy học phần.

2. Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Khoa chưa tổ chức tổng kết đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra/đánh giá để có thể đưa ra được những điều chỉnh đổi mới phương pháp giảng dạy và phương thức kiểm tra, đánh giá các học phần trong CTDH đảm bảo sự phù hợp nhất nhằm góp phần đạt CĐR.

Nghiên cứu ma trận thể hiện mức độ đóng góp của các học phần vào CĐR của CTĐT và một số đề cương học phần cho thấy, việc đánh giá mức độ đóng góp của các học phần vào CĐR của CTĐT và CĐR của học phần vào việc hoàn thành CĐR của CTĐT chưa được thể hiện đầy đủ hay đôi chỗ còn bất hợp lý, hoặc việc xác định mức độ đóng góp của học phần cho việc đạt CĐR của CTĐT chưa được phù hợp.

Ý kiến của các bên liên quan đóng góp cho việc điều chỉnh CTDH và đề cương học phần mới tập trung nhiều ở nội dung, cấu trúc CTDH, ít quan tâm đến nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, tính cập nhật của các đề cương các học phần.

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Khoa cần tổ chức tổng kết đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra/đánh giá để có thể đưa ra được những điều chỉnh đổi mới phương pháp giảng dạy và phương thức kiểm tra, đánh giá các học phần trong CTDH một cách phù hợp nhất để góp phần đạt được CĐR, cần chú ý đến các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp.

Nhà trường/Khoa cần rà soát lại từng đề cương học phần để bổ sung các ma trận kỹ năng giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT; rà soát và điều chỉnh để tạo ra mối quan hệ logic giữa ma trận thể hiện mức độ về đóng góp của CĐR của học phần vào CĐR của CTĐT và ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần với CĐR của CTĐT.

Trong nội dung khảo sát ý kiến các bên liên quan phục vụ cho việc điều chỉnh CTDH, đề cương học phần cần có thêm các câu hỏi liên quan đến cấu trúc, nội dung học phần, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và tính cập nhật của các đề cương học phần của CTĐT.

IV. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Điểm mạnh

Nhà trường đã công bố Triết lý giáo dục dựa theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ; học để phụng sự đoàn thể, phụng sự giai cấp và nhân dân, phụng sự Tổ quốc và nhân loại”. Trong Chiến lược phát triển Học viện (QĐ số 770/QĐ-HVBCCTT ngày 20/2/2017) và QĐ về bổ sung, điều chỉnh Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2035, tầm nhìn 2050 (QĐ số 6528/QĐ-HVBC&TT ngày 31/12/2018) đã ghi nhận mục tiêu đào tạo: “nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng văn hóa, báo chí truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác”.

Chiến lược phát triển của Học viện trong đó có mục tiêu giáo dục khi xây dựng đã được thảo luận trong các hội nghị giao ban và các hội nghị khác của Học viện, tại các cuộc họp của Khoa và được phổ biến rộng rãi cho CB, GV, NV, người học và tổ chức triển khai thực hiện. Trên cơ sở Mục tiêu chiến lược của Học viện, Khoa đã phát triển CTĐT ngành Biên tập xuất bản theo tinh thần trách nhiệm, đào tạo người học có chất lượng, có khả năng làm việc trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng văn hóa, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác, có khả năng phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và công tác tổ chức, cán bộ; có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi trường thay đổi của thị trường lao động...

Mục tiêu này trong Chiến lược phát triển của Học viện, được công bố bằng văn bản; được công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường và trang trang fanpage của Khoa; được gửi đến CBGV, NV qua đường công văn. Mục tiêu chiến lược đã được phổ biến đến người học thông qua sinh hoạt công dân đầu khóa, được phổ biến ở các buổi đối thoại giữa người học và lãnh đạo Khoa/lãnh đạo Học viện; thông qua Sổ tay SV; thông qua các bài phát biểu trong các sự kiện đã truyền tải tới người học, cựu người học và các doanh nghiệp.

2. Điểm tồn tại

Do mới được công bố, nên một số GV, SV còn ít biết tới nội dung, ý nghĩa của Triết lý giáo dục đối với Học viện, trong khi Mục tiêu giáo dục của Học viện được phát biểu song chưa thật rõ ràng, tường minh, còn lẫn vào mục tiêu Chiến lược phát triển của Học viện.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần quán triệt và phổ biến rộng rãi Triết lý giáo dục cho các bên liên quan, cần làm rõ hơn về nội dung Mục tiêu giáo dục của Học viện.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh

Tổ hợp các hoạt động giảng dạy và học được Khoa/Bộ môn thảo luận và lựa chọn, phù hợp với từng học phần để đạt được CĐR. Tổ hợp các hoạt động dạy và học được thể hiện trong các đề cương học phần. Sự đóng góp của các hoạt động dạy, học để đạt CĐR được thể hiện trong ma trận kết nối phương pháp giảng dạy với CĐR của CTDH. Theo đó, các hoạt động giảng dạy phân biệt rõ ràng đối với các học phần mang tính lý thuyết và thực hành, thực tập. Đối với các học phần lý thuyết hoạt động giảng dạy chủ yếu là thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm, phân tích tình huống/vấn đề, mô phỏng... Ví dụ, trong CTDH phê duyệt năm 2020 các hoạt động/tổ hợp phương pháp giảng dạy thông qua thuyết giảng và thảo luận nhóm giúp SV đạt được các CĐR: PLO1, PLO2, PLO3, PLO4 PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9 và PLO15, PLO16; Phương pháp đóng vai, mô phỏng và phương pháp dự án giúp cho SV đạt được các hầu hết các CĐR, trừ PLO1...

Ở các học phần thực hành, thực tập SV học qua trải nghiệm thực tế tại các cơ quan xuất bản, các bài tập thực hành... để phát triển khả năng vận dụng, phân tích, đánh giá; giải quyết vấn đề; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, xử lý tình huống phát sinh trên thực tế, đảm bảo sự tương tác giữa SV với GV trong suốt quá trình học thực tập.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của SV ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản (5 đề tài NCKH của SV) cũng giúp SV trải nghiệm thực tế, thực hành kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề của thực tế nghề nghiệp.

Ngoài ra, người học còn được hoạt động theo nhóm, tự học, tự nghiên cứu để thực hành các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phân tích, phản biện, giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo đáp ứng yêu cầu của các CDR về kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tư duy và cách thức quyết vấn đề... Trong đại dịch Covid vừa qua, Học viện đã ban hành Quy định tạm thời về áp dụng hình thức đào tạo từ xa (QĐ số 1165-QĐ/HVBCTT-ĐT, ngày 31/3/2020); hầu hết các học phần trong CTDH được triển khai giảng dạy trực tuyến. Điều đó giúp Khoa đảm bảo tiến độ kế hoạch đào tạo, giúp SV vừa tránh dịch, vừa tiếp cận các hình thức học tập đa dạng. Theo đó phương pháp kiểm tra đánh giá cũng đã được cải tiến phù hợp.

Trong các đề cương chi tiết học phần còn có hướng dẫn rõ các hoạt động học tập của SV: SV nghe bài giảng, thảo luận, giải quyết các vấn đề do GV giao; tự đọc tài liệu, làm bài tập, chuẩn bị nội dung thảo luận; nhóm SV tìm hiểu đề tài, phân công từng thành viên thực hiện; tự thực hiện khảo sát thực tế, tìm kiếm thông tin tài liệu trên internet và viết báo cáo theo hướng dẫn của giảng viên. Nhiệm vụ của SV ở từng học phần cũng được quy định và hướng dẫn thực hiện.

Nhà trường/Khoa đã khảo sát sự hài lòng của người học về hoạt động/phương pháp giảng dạy của GV. Kết quả khảo sát SV cuối khóa các năm 2019, 2020 cho thấy tỷ lệ người học hài lòng về phương pháp dạy học ở các học phần thuộc CTĐT đều ở mức khá cao. Cụ thể, năm 2019 có 78,0%, năm 2020 có 94,4% SV cuối khóa hài lòng và rất hài lòng với tiêu chí “Tổ hợp phương pháp dạy học đa dạng giúp đạt CDR”; năm 2019 có 78,0%, năm 2020 có 97,2% SV cuối khóa hài lòng và rất hài lòng với tiêu chí “Tổ hợp phương pháp dạy - học phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời” đa dạng giúp đạt CDR”.

2. Điểm tồn tại

Ý kiến của một số nhà tuyển dụng và cựu SV tại các buổi phỏng vấn do Đoàn chuyên gia thực hiện trong thời gian khảo sát phục vụ ĐGN đề nghị Khoa tăng cường hơn nữa việc cho SV học qua trải nghiệm thực tế, thực tập biên tập những bản thảo có tính cập nhật; tăng thời lượng ngoại ngữ, tin học để SV có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh và thực hiện các tác nghiệp trên các phần mềm biên tập khác nhau.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường/Khoa nên quan tâm đến ý kiến của Nhà tuyển dụng và cựu SV trong tổ chức triển khai các hoạt động giảng dạy trải nghiệm hoặc các học phần thực hành, thực tế, tiếng Anh, tin học một cách hợp lý nhất cả ở mặt thời lượng và thời điểm.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Điểm mạnh

Năm 2020 Học viện đã ban hành Hướng dẫn thiết kế phương pháp dạy học đạt CĐR (HD số 2663/HD/HVBC&TT ngày 09/07/2020), theo đó, các hoạt động dạy và học trong các đề cương học phần của CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản đều được thiết kế hướng đến các kỹ năng trong CĐR. Tất cả đề cương học phần ban hành kèm theo CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản trong giai đoạn KĐCLGD đều mô tả rõ phương pháp dạy học và phương pháp học tập được sử dụng cho từng nội dung, từng chương mục cùng với các chỉ báo thực hiện để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm và tư duy phản biện... Để đạt được những kỹ năng này, các phương pháp giảng dạy thường được sử dụng gồm phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp thuyết giảng tương tác, phương pháp vấn đáp, phương pháp phân tích tình huống, nêu vấn đề, phương pháp mô phỏng,... Các đề cương học phần của ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản được thiết kế với kiến thức lý thuyết kết hợp với thảo luận/bài tập lớn, tiểu luận để người học tự nghiên cứu và trình bày vấn đề theo cách hiểu của mình, thể hiện khả năng tự học cho SV thông qua giờ tự học bắt buộc ở nhà, sự tương tác giữa GV và SV trên lớp, các buổi thảo luận nhóm.

100% đề cương học phần dành thời gian và hướng dẫn cho người học tự đọc/nghiên cứu tài liệu với thời lượng 1 giờ học lý thuyết trên lớp bằng 2 giờ tự học và 1 giờ học thực hành bằng 0,5 giờ tự học. Các bài tập tại lớp và bài tập về nhà được thiết kế để người học thảo luận, tự học theo nhóm hoặc cá nhân. Đề cương nêu cụ thể các nội dung người học cần tự học/nghiên cứu tại nhà. Các hoạt động phân tích tình huống, nêu vấn đề... yêu cầu SV phải vận dụng năng lực tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo để xây dựng kế hoạch nghiên cứu và giải quyết vấn đề... Những điều đó thúc đẩy người học quan tâm đến các vấn đề của nghề nghiệp, tạo ra động lực cho học tập. Đặc biệt các học phần thực tập hoặc tốt nghiệp ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản, Khoa đều thiết kế các nội dung mở, hướng người học áp dụng các kiến thức đã được trang bị để tự lựa chọn các vấn đề của chuyên ngành cho thực tập hoặc viết khóa luận tốt nghiệp.

GV ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản đã sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp ở từng học phần nhằm hỗ trợ SV rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học suốt đời. GV đã được hướng dẫn sử dụng phần mềm giảng dạy trực tuyến và tổ chức học trực tuyến cho nhiều học phần nhằm phát huy khả năng tự học của người học. Trong các giờ học, GV yêu cầu SV tham gia thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm nhằm giúp

họ rèn luyện các kỹ năng giải quyết các vấn đề, tự học, tự nghiên cứu, phát triển khả năng tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp, trình bày, làm việc nhóm...

Bên cạnh đó, Khoa còn tổ chức nhiều hoạt động ngoại khoá khác nhau để hướng đến rèn luyện, phát triển các năng lực cơ bản cho học tập suốt đời: năng lực sử dụng kỹ thuật số, năng lực nghiên cứu, năng lực ngoại ngữ, năng lực xã hội và cá nhân, năng lực hiểu biết về khoa học tự nhiên... thông qua giảng dạy trực tiếp, dạy tích hợp và các hoạt động ngoại khóa khác.

Trong phỏng vấn GV, CB quản lý chuyên môn, người sử dụng lao động do Đoàn chuyên gia thực hiện tại thời điểm khảo sát chính thức phục vụ ĐGN, ý kiến chung cho rằng, SV tốt nghiệp ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản của Học viện có kiến thức chuyên môn tốt, có các kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, ứng xử nhanh, linh hoạt, chủ động trong các hoạt động nghề nghiệp.

2. Điểm tồn tại

Theo phản ánh của CB, GV, vẫn còn một bộ phận nhỏ SV chưa tham gia tích cực vào các hoạt động dạy và học; việc học, việc tiếp thu kiến thức còn thụ động.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần có cơ chế, giải pháp thúc đẩy và khuyến khích tất cả SV tham gia tích cực vào các hoạt động dạy và học.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Trên cơ sở Triết lý giáo dục và Mục tiêu của Học viện, Khoa đã phát triển CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản theo tinh thần khoa học, đào tạo người học có khả năng làm việc trong lĩnh vực xuất bản nói riêng và lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng văn hóa, truyền thông nói chung, có khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi của thời đại ...

Tổ hợp các hoạt động dạy học được thể hiện đầy đủ trong các đề cương chi tiết học phần và được phân biệt rõ ràng giữa các học phần mang tính lý thuyết và thực hành thuộc kiến thức đại cương, cơ sở ngành, kiến thức ngành và thực hành, thực tập.

Tất cả các đề cương học phần của CTDH đều nêu rõ được việc sử dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp cũng như nhiệm vụ của người học để rèn luyện các kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu của ngành. 100% các học phần đều yêu cầu và dành thời gian cho người học tự đọc/nghiên cứu tài liệu với khoảng thời gian phù hợp theo số tín chỉ của học phần.

GV đã sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp ở từng học phần nhằm hỗ trợ SV rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học suốt đời. Bên cạnh đó, Khoa còn tổ chức nhiều hoạt động ngoại khoá, hoạt động NCKH để hướng đến rèn luyện, phát triển các năng lực cơ bản cho học tập suốt đời.

2. Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Do mới được công bố, nên một số đối tượng còn ít biết tới nội dung của Triết lý giáo dục của Học viện, trong khi Mục tiêu giáo dục của Học viện được phát biểu song chưa thật rõ ràng, tường minh, còn lẫn vào mục tiêu Chiến lược phát triển của Học viện.

Ý kiến của một số người sử dụng lao động và cựu SV đề nghị Học viện/Khoa tăng cường hơn nữa các hoạt động học tập trải nghiệm thực tế, thực tập biên tập những bản thảo có tính cập nhật; tăng thời lượng ngoại ngữ, tin học để SV có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh và thực hiện các tác nghiệp trên các phần mềm biên tập khác nhau.

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viện cần quán triệt và phổ biến rộng rãi Triết lý giáo dục cho các bên liên quan, cần làm rõ hơn về nội dung Mục tiêu giáo dục của Học viện; nên quan tâm đến ý kiến của người sử dụng lao động và cựu SV trong việc tăng cường các hoạt động học tập trải nghiệm thực tế; nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học cho SV một cách hợp lý nhất cả ở mặt thời lượng và thời điểm.

V. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống các văn bản về đánh giá kết quả học tập của người học từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp: Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện (QĐ số 3777/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 18/10/2017); Quy định về công tác khảo thí của HVBC&TT; Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá học phần; Quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi; quy định làm khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế tốt nghiệp; Quy định phúc khảo bài thi học phần; Quy định về công tác tổ chức thi học phần hệ ĐH chính quy tập trung.... Ngoài ra, các yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được quy định trong các đề cương học phần. Các văn bản đã cho biết rõ quy trình, phương thức, kế hoạch tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học và được phổ biến, công khai cho người học trên trang web của Học viện và được thể hiện trong Sổ tay SV.

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học đã được Khoa Xuất bản thiết kế nhằm đánh giá năng lực của người học hướng tới đạt được CĐR của từng học phần và theo sự tích lũy các học phần người học sẽ đạt CĐR của CTĐT. Trong các đề cương học

phần, đã quy định cụ thể các phương thức KTĐG người học với tiêu chí đánh giá với rubric đánh giá phù hợp; tổ hợp các phương thức KTĐG đã liên kết với CĐR của học phần. Khoa đã xây dựng các tiêu chí cụ thể để đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp và tiêu chí để chấm điểm báo cáo thực tập tốt nghiệp cho SV; Khoa đã có hướng dẫn, tiêu chí và cách thức đánh giá khóa luận tốt nghiệp....

CĐR của mỗi học phần trong CTĐT đều đóng góp vào việc đạt CĐR của CTĐT. Mỗi học phần đều được đánh giá bằng các phương pháp KTĐG khác nhau phù hợp với CĐR của học phần và tương ứng với CĐR của CTĐT cần đạt được. Tài liệu hướng dẫn rà soát/xây dựng CTĐT cũng như xây dựng đề cương học phần của Học viện đã quy định những nội dung trên để đảm bảo các phương pháp, công cụ sử dụng trong KTĐG học phần giúp đánh giá được mức độ đạt CĐR của học phần cũng như CĐR của CTĐT.

Học viện/Khoa đã sử dụng tổ hợp các phương pháp KTĐG, tùy theo đặc điểm của từng học phần (lý thuyết, thực hành, thực tập tốt nghiệp, khóa luận), xây dựng thang điểm đánh giá kết quả thi các học phần lý thuyết, thực hành, thực tập, tiểu luận... Đề cương từng học phần ghi rõ điểm chuyên cần, điểm bài tập/kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ để đo lường được mức độ đạt CĐR, được xác định trong CĐR học phần và CĐR của CTĐT. Hằng năm, Khoa Xuất bản rà soát đánh giá các hình thức kiểm tra đánh giá: trên cơ sở ý kiến của GV giảng dạy học phần và ý kiến phản hồi của SV đã đề xuất các cải tiến điều chỉnh phù hợp.

2. Điểm tồn tại

Nghiên cứu ma trận về sự đáp ứng của KTĐG học phần với CĐR cần đạt được của CTĐT Đoàn ĐGN nhận thấy, một số hình thức kiểm tra đánh giá như Kiểm tra chuyên cần, Bài tập về nhà, Làm việc nhóm, Trắc nghiệm khách quan... do Khoa xây dựng không đóng góp hoặc đóng góp rất ít cho đạt CĐR về các kỹ năng là không thật phù hợp, làm hạn chế khả năng lựa chọn phương pháp kiểm tra đánh giá ở các học phần.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Từ thực tế công tác KTĐG các học phần, Học viện/Khoa cần rà soát ma trận về sự đáp ứng của KTĐG học phần với CĐR cần đạt được của CTĐT nhằm đảm bảo mỗi hình thức KTĐG đáp ứng đúng với từng CĐR của CTĐT, tạo cơ sở cho Bộ môn/GV lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp nhất với học phần.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Điểm mạnh

Hệ thống các văn bản quy định về KTĐG của Học viện như: Đề án tuyển sinh hằng năm, Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện ; Quy định về công tác khảo thí của HVBC&TT; Hướng dẫn thiết kế PP KTĐG học phần; Quy định về công tác tổ chức thi học phần hệ ĐH chính quy tập ... và được cụ thể và chi tiết hóa trong các đề cương học phần, Quy định phúc khảo bài thi học phần, Quy định làm khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế tốt nghiệp... đã xác định rõ về thời gian thi, với hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số... và các nội dung liên quan liên quan đến đánh giá KQHT của người học từ khâu tuyển sinh, đánh giá quá trình học tập các học phần đến khâu tốt nghiệp.

Quy định trong các văn bản đã chỉ rõ, với hình thức thi tự luận kết thúc các học phần có thời lượng 2 tín chỉ là 90 phút, có thời lượng 3 tín chỉ 120 phút, từ 4 tín chỉ trở lên là 180 phút; hình thức đánh giá kết thúc học phần có thể là trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, viết tiểu luận, thuyết trình, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên; kết quả học tập của SV được tính dựa trên các điểm đánh giá thành phần, bao gồm: điểm chuyên cần (trọng số 10%), đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập (trọng số 30%), điểm thi kết thúc học phần (trọng số 60%).... GV có trách nhiệm công bố điểm chuyên cần và điểm thường xuyên ngay khi kết thúc học phần; Học viện/Khoa có trách nhiệm công bố điểm kết thúc học phần và điểm học phần trên phần mềm quản lý đào tạo.

Học viện/Khoa công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường: các quy định cụ thể về thời gian, hình thức thi, phương pháp thi, tiêu chí đánh giá, trọng số, cơ chế phản hồi, các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học. Đề cương học phần được đưa lên trên cổng thông tin của Trường, SV, GV có thể tải về để nghiên cứu. SV được Học viện/Khoa phổ biến, quán triệt các nội dung trên thông qua hệ thống cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm. Trong đề cương học phần có nội dung đánh giá được giảng viên phổ biến ở giờ đầu tiên của học phần và trong buổi sinh hoạt đầu khóa của Khoa.

Kết quả khảo sát SV ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản trước khi tốt nghiệp năm 2019, năm 2020 và năm 2022 cho thấy sự hài lòng của SV với kết quả KTĐG của Khoa và của Học viện khá cao, con số tương ứng lần lượt theo các năm là: 75,6%; 83,3%; 82,9%. Kết quả phỏng vấn trực tiếp nhóm SV đang học ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản của Đoàn ĐGN cho thấy SV đã được GV phổ biến về các đề cương học phần và phương thức đánh giá kết quả học tập.

2. Điểm tồn tại

Theo thống kê về thực tế công tác KTĐG các học phần của Khoa trong chu kỳ KĐCLGD, việc đánh giá các học phần thực tập, thực tế trong CTĐT vẫn chủ yếu tập trung ở việc đánh giá bài tập lớn (trọng số 100%), chứ chưa chú ý nhiều đến đánh giá

sự chuyên cần, ý thức qua nhận xét của nơi đến thực tập... cùng các hình thức khác như trong quy chế đào tạo của Học viện.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần rà soát các quy định về kiểm tra đánh giá trong các đề cương học phần, nhất là các học phần thực tập, thực tế để đảm bảo quy định của Học viện về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng các văn bản quy định.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Điểm mạnh

Các qui định về phương thức đánh giá học phần lý thuyết, học phần thực hành, thực tập; qui định số lượng điểm thành phần, công thức tính điểm quá trình, trọng số của điểm quá trình, điểm thi được nêu rõ trong: Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện (QĐ số 3777/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 18/10/2017); Quy định về công tác khảo thí của HVBC TT; Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá học phần;... và được cụ thể và chi tiết hóa trong các đề cương học phần.

Nghiên cứu các đề cương của CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản phê duyệt năm 2020, Đoàn ĐGN thấy, i) Việc đánh giá kết quả học tập các học phần của người học được thực hiện trong suốt quá trình học tập (đánh giá mức độ chuyên cần, kiểm tra thường xuyên, đánh giá giữa học phần và đánh giá cuối học phần); ii) Hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, từ điểm danh, kiểm tra việc chuẩn bị bài tập và khả năng tham gia tiết học, báo cáo bài luận, bài tập ứng dụng, trắc nghiệm, tiểu luận, báo cáo, thuyết trình, thi vấn đáp, tự luận, thi tự luận kết hợp với trắc nghiệm... (việc tổ chức thi kết thúc học các phần của CTĐT năm 2020 có 42,6% số học phần thi tự luận; có 38,2% thi theo hình thức bài tập lớn, 13,2% số học phần thi theo kết hợp các hình thức; có 5,9% số học phần thi bằng viết tiểu luận); iii) Đã tổ chức được ngân hàng câu hỏi thi và ngân hàng đề thi cho hầu hết các học phần được tổ chức học; iv) Quy trình thi từ khâu ra đề, chọn, nhân đề, coi thi, chấm thi, quản lý bài thi, điểm thi, chế độ bảo mật được thực hiện theo quy định, đảm bảo sự công bằng trong đánh giá người học.

Các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng về cơ bản đảm bảo đánh giá được các yêu cầu của CĐR. Mỗi một phương thức đánh giá đều tham chiếu/liên kết đến CĐR học phần, đo lường được các yêu cầu. Hằng năm, sau mỗi học kỳ, Nhà trường có báo cáo phân tích kết quả học tập của SV theo từng ngành học, học phần; Khoa đã tổ chức các buổi hội thảo, sinh hoạt chuyên môn để đánh giá hiệu quả tổ hợp các phương

pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần, từ đó đề xuất việc cải tiến nhằm đảm bảo đánh giá được các yêu cầu của CĐR.

Đoàn ĐGN đã kiểm tra các túi bài thi của 6 học phần, trong đó 3 học phần đánh giá theo hình thức tiểu luận/bài tập lớn, 3 học phần đánh giá theo hình thức tự luận. Nhìn chung các túi bài thi đều được lưu giữ, niêm phong và chấm điểm theo quy định của Học viện.

2. Điểm tồn tại

Nhà trường/Khoa chưa tổ chức đánh giá định lượng độ tin cậy và độ giá trị của các đề thi kết thúc học phần. Báo cáo phân tích kết quả kiểm tra đánh giá của SV theo từng học phần còn sơ lược, chưa thể hiện rõ việc đáp ứng yêu cầu đo lường mức độ đạt được CĐR của học phần.

Trong các túi bài thi của 6 học phần được rút ngẫu nhiên cho thấy việc chấm thi theo hình thức tiểu luận và bài tập lớn ít chấm theo thang điểm và điểm thi theo hình thức này đều có kết quả cao (chủ yếu là 7 và 8, hầu như không có điểm dưới 5), trong khi điểm thi các học phần thi tự luận không cao (chủ yếu là điểm trung bình 5 và 6, khá nhiều điểm dưới 5).

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Hàng năm, từng học kỳ, Học viện/Khoa cần dựa trên việc phân tích kết quả đánh giá học phần của người học để xác định độ tin cậy của đề thi, độ tin cậy của phương pháp đánh giá, từ đó đưa ra đề xuất cải tiến phương pháp đánh giá và công tác ra đề.

Bên cạnh đó, cần thường xuyên tổng kết, đối sánh kết quả giữa các hình thức thi hết học phần để làm cơ sở cho lựa chọn các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp nhất với CTĐT, đảm bảo đánh giá đúng kết quả học tập của người học.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3)

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Điểm mạnh

Việc phản hồi kết quả đánh giá của người học được thực hiện theo QĐ số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT ngày 01/9/2017 về quy định công tác khảo thí, QĐ số 1909/QĐ-HVBC&TT ngày 19/4/2021 về Quy định công tác tổ chức thi học phần hệ chính quy tập trung và QĐ số 1117/QĐ-HVBC&TT ngày 09/3/2018 về quy định phúc khảo bài thi học phần. Theo đó, Học viện đã xác định rõ thời gian, nơi công bố điểm thi phù hợp với các hình thức tổ chức thi kết thúc học phần, xác định thời gian phải nhập điểm của học phần vào phần mềm cho người học sau khi chấm thi và thời gian lưu trữ bài thi...

Cụ thể, văn bản trên quy định: đối với các học phần thi tự luận trong thời gian 14 ngày sau khi nhận bài thi (và 3 ngày làm phách kể từ ngày thi) kết quả thi sẽ được các đơn vị phụ trách cập nhật trên phần mềm quản lý đào tạo. SV đăng nhập vào phần mềm theo tài khoản cá nhân để biết kết quả đánh giá học phần của mình. Việc công bố điểm đánh giá quá trình (điểm chuyên cần, điểm bài tập...) được GV phụ trách học phần công bố ở buổi học cuối cùng của học phần. Các học phần thi vấn đáp, trắc nghiệm, chấm khóa luận tốt nghiệp SV biết kết quả ngay sau buổi thi.

Các văn bản, các thông tin về phản hồi kết quả đánh giá của người học được công khai hóa cùng các văn bản quản lý tương ứng, được phổ biến qua nhiều kênh thông tin khác nhau: phổ biến cho SV mới nhập học trong tuần sinh hoạt công dân, trong Sổ tay SV hằng năm...; đối với GV, việc phổ biến các quy định này còn được thực hiện trong các cuộc họp bộ môn. Trước mỗi kỳ thi, phụ trách Khoa/ Bộ môn nhắc GV thực hiện các qui định liên quan nội qui, quy định thi, công bố điểm thành phần v.v. .

Kết thúc từng kỳ thi, Học viện/Khoa đã tổng kết rút kinh nghiệm công tác thi học phần từ khâu: làm lịch thi, đề thi, coi thi, chấm thi, công bố điểm thi, tiếp nhận phản hồi thắc mắc của người học. Các ưu điểm và nhược điểm từng khâu đã được tổng kết.

Trong khảo sát SV ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản trước khi tốt nghiệp cho thấy, số SV đồng ý và rất đồng ý với nhận định “Kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập” năm 2020 là có 91,7% và năm 2022 là 74,3% trên tổng số SV được khảo sát.

2. Điểm tồn tại

Quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học đối với các học phần thi tự luận trong thời gian 17 ngày sau khi thi là hơi dài so với quy định chung của nhiều cơ sở giáo dục đại học, hạn chế khả năng cải thiện việc học tập của người học.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện nên nghiên cứu để điều chỉnh quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học, rút ngắn thời gian phản hồi kết quả đánh giá của người học tạo điều kiện cho họ kịp thời cải thiện việc học tập.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Điểm mạnh

Cách thức, quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học được quy định cụ thể trong: Quy định về công tác khảo thí của; Quy định phúc khảo bài thi học phần; Quy định công tác tổ chức thi học phần hệ chính quy tập trung. Theo đó, Học viện quy định

SV muốn xem lại bài thi thì nộp đơn cho Trung tâm KT&KĐCLĐT trong thời gian 7 ngày làm việc từ khi công bố điểm thi. Thời gian xử lý đơn phúc khảo bài thi của SV và thông báo cho SV biết kết quả chậm nhất là 15 ngày từ khi hết hạn nhận đơn phúc khảo bài thi. Đối với điểm chuyên cần và điểm quá trình SV khiếu nại trực tiếp đến GV giảng dạy học phần và được GV giải quyết ngay trong buổi học đó. Quy trình phúc khảo rõ ràng và thuận tiện cho người học.

SV của Khoa Xuất bản đã được phổ biến đầy đủ về các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trong tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa học, trong các buổi gặp đối thoại giữa SV và Ban giám đốc Học viện, trong các buổi sinh hoạt lớp... Bên cạnh các quy định, quy chế thi, các biểu mẫu đơn đề nghị phúc khảo kết quả bài thi đều có trong Sổ tay SV và được cung cấp đầy đủ cho SV trên website của Học viện.

Theo Báo cáo thống kê của Trung tâm KT&ĐBCLĐT trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2022, Khoa không có trường hợp người học làm đơn xin phúc khảo bài thi. Nhìn chung, người học đã hài lòng về kết quả phản hồi và không có thắc mắc khiếu nại thêm.

Kết quả khảo sát người học cuối khóa ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản năm 2020 về sự hài lòng với chất lượng đào tạo của Học viện cho thấy, có 88,9% ý kiến đồng ý và rất đồng ý với tiêu chí “Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng”; có 91,7% ý kiến đồng ý và rất đồng ý với tiêu chí “Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức, kỹ năng CDR”...

Kết quả phỏng vấn trực tiếp SV và cựu SV của Đoàn chuyên gia trong thời gian khảo sát chính thức phục vụ ĐGN cho thấy, Học viện/Khoa/GV đã giải đáp các khiếu nại của người học về kết quả học tập và rèn luyện; mọi thắc mắc của SV về các bài kiểm tra trên lớp, bài tập nhóm, bài làm cá nhân, thuyết trình, bài thi... đều được GV, Khoa và Phòng/Ban chức năng xem xét và phản hồi cụ thể.

2. Điểm tồn tại

Phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường chưa tích hợp chức năng xin/cho phép phúc khảo bài thi của người học vào phần mềm.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường nên nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, bổ sung thêm một số tác vụ, như chức năng xin/cho phép phúc khảo bài thi để tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện và Khoa đã có hệ thống các văn bản KTĐG kết quả học tập của người học, bao gồm từ quy định chung như: Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, đến những quy định có tính riêng biệt như Quy định làm khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế tốt nghiệp, đề cương học phần... Các văn bản này đều được công khai tới SV và GV.

Mỗi học phần đều được đánh giá bằng các phương pháp kiểm tra đánh giá khác nhau tương thích với CDR của học phần và CDR của CTĐT. Các phương pháp, công cụ sử dụng trong kiểm tra đánh giá học phần giúp đánh giá được mức độ đạt CDR.

Học viện đã quy định rõ thời gian, địa điểm công bố điểm kiểm tra/thi phù hợp với các hình thức tổ chức kiểm tra/thi, xác định thời gian phải gửi kết quả đánh giá của học phần về Phòng KT&ĐBCLĐT sau khi chấm thi và phản hồi kết quả cho người học và thời gian lưu trữ bài thi...

SV được phổ biến đầy đủ về các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trong tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa học, trong Sổ tay SV, được tiếp cận với Quy định đào tạo của Nhà trường từ ngày nhập học.

Người học đã hài lòng về kết quả phản hồi và không có khiếu nại nào. Trong thời gian 5 năm qua, người học thuộc CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản không có đơn xin chấm phúc khảo bài thi.

2. Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Theo thống kê về thực tế công tác KTĐG các học phần của Khoa trong chu kỳ KĐCLGD, việc đánh giá các học phần thực tập, thực tế trong CTĐT vẫn chủ yếu tập trung ở việc đánh giá bài tập lớn (trọng số 100%), chứ chưa chú ý nhiều đến đánh giá sự chuyên cần, ý thức qua nhận xét của nơi đến thực tập... cùng các hình thức khác như trong quy chế đào tạo của Học viện.

Nhà trường/Khoa chưa tổ chức đánh giá định lượng độ tin cậy và độ giá trị của các đề thi kết thúc học phần. Báo cáo phân tích kết quả học tập của SV theo từng học phần còn sơ lược, chưa thể hiện rõ việc đáp ứng yêu cầu đo lường mức độ đạt được CDR của học phần.

Kiểm tra các túi bài thi của 6 học phần được rút ngẫu nhiên của khối kiến thức ngành, chuyên ngành cho thấy việc chấm thi theo hình thức tiểu luận và bài tập lớn ít chấm theo thang điểm và điểm thi theo hình thức này đều có kết quả cao (chủ yếu là 7 và 8, hầu như không có điểm dưới 5), trong khi điểm thi các học phần thi tự luận không cao (chủ yếu là điểm trung bình 5 và 6, khá nhiều điểm dưới 5).

Phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường chưa tích hợp chức năng xin/cho phép phúc khảo bài thi của người học vào phần mềm.

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viện/Khoa cần rà soát các quy định về kiểm tra đánh giá trong các đề cương học phần, nhất là các học phần thực tập, thực tế để đảm bảo quy định của Học viện về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng các văn bản quy định.

Hàng năm, từng học kỳ, Học viện/Khoa cần dựa trên việc phân tích kết quả đánh giá học phần của người học để xác định độ tin cậy của đề thi, độ tin cậy của phương pháp đánh giá, từ đó đưa ra đề xuất cải tiến phương pháp đánh giá và công tác ra đề; cần thường xuyên tổng kết, đối sánh kết quả giữa các hình thức thi hết học phần để làm cơ sở cho lựa chọn các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp nhất với CTĐT, đảm bảo đánh giá đúng kết quả học tập của người học; nên nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, bổ sung thêm một số tác vụ, như chức năng xin/cho phép phúc khảo bài thi để tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

VI. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh

Trong chu kỳ đánh giá, HV có ban hành Chiến lược phát triển HVBC&TT gồm phiên bản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, phiên bản đến năm 2035, tầm nhìn 2050; chỉnh sửa và ban hành theo Quyết định số 6528/QĐ-HVBC&TT ngày 31/12/2018. Chiến lược phát triển đánh giá thực trạng đội ngũ, xác định mục tiêu và các giải pháp nhằm tuyển dụng, thu hút, và phát triển nguồn nhân lực với các chỉ tiêu dành cho khối ngành/ngành. Căn cứ trên văn bản kế hoạch xây dựng Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của HV CTQG HCM giai đoạn 2016-2020, HV BC&TT có thực hiện đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ lãnh đạo, quản lý để xây dựng và ban hành kế hoạch xây dựng Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý HV BC&TT giai đoạn 2017-2021, rà soát bổ sung quy hoạch chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017-2021 (số 5949-KH/HVBC&TT ngày 21/12/2018); ban hành Kế hoạch xây dựng quy hoạch cán bộ, lãnh đạo quản lý giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031 (số 2150-KH/HVBC&TT ngày 17/5/2022). Tổng số GV của ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản gồm có 09 GV, trong đó có 01 PGS, 06 TS, 3 ThS. Năm 2021, HV có tuyển dụng thêm 01 TS cho ngành XB. Theo lộ trình phát triển của ngành đã đề ra thì đến năm 2024, toàn bộ GV cơ hữu đều đạt học vị TS; đến năm 2030, sẽ có thêm từ 1-2 GV đạt chức danh PGS; mỗi bộ môn đều có GV đạt chức danh PGS hoặc GV cao cấp.

Kế hoạch tuyển dụng và phát triển đội ngũ GV gồm nâng cao trình độ chuyên môn trong và ngoài nước, đào tạo ngắn hạn được tổ chức định kỳ hàng năm, trình Hiệu trưởng phê duyệt. Việc tuyển dụng tuân thủ theo quy định cập nhật của Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018, Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 và quy định về tuyển dụng công chức viên chức chung của HV. Đề án vị trí việc làm (số 6079-ĐA/HVBCTT ngày 31/12/2020) có xác định rõ quy hoạch các vị trí việc làm của CB, GV, NV thuộc nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành gồm 4 vị trí, 33 biên chế (Giám đốc: 1 vị trí; Phó Giám đốc: 1 vị trí; vị trí Trưởng ban, phòng, trung tâm gồm 10 biên chế; vị trí trưởng/phó bộ môn: 1 vị trí, kiêm nhiệm; vị trí Phó trưởng khoa: 17 vị trí, 28 biên chế; xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; biên chế và Hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP của HV BC&TT cũng như bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm. HV ban hành và sử dụng Quy chế đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (số 367-QĐ/HVCTQG ngày 17/01/2018) để xác định nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của đội ngũ GV, NV để xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm.

Học viện có phê duyệt bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2020 (số 182-QĐ/HVBCTT ngày 14/01/2019). Việc bổ nhiệm, điều chuyển được thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý (ban hành kèm theo Quyết định số 339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019 của Giám đốc HV CTQGHCM) và Quy định số 201-QĐ/HVCTQG ngày 22/6/2020 của Giám đốc HV CTQGGHCM về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm cán bộ.

2. Điểm tồn tại

Mục tiêu chiến lược và các nhóm giải pháp phát triển nguồn nhân lực tại Chiến lược phát triển của Khoa/ngành xây dựng vẫn mang tính tổng quát, chưa đặc trưng của nhóm ngành/ngành và chưa có các chỉ số định lượng cụ thể và chỉ tiêu đặt ra hàng năm trong từng giai đoạn.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Các khoa/ngành cần rà soát, bổ sung các mục tiêu chiến lược, nhóm giải pháp, chi tiết hoá lộ trình triển khai kế hoạch và chỉ số định lượng cụ thể với các chỉ tiêu đặt ra hàng năm có cơ sở theo dõi, đo lường, và đánh giá mức độ đáp ứng của quá trình thực hiện các hoạt động thu hút, tuyển dụng, phát triển nguồn lực, v.v. Đây là cơ sở để điều chỉnh công tác quy hoạch phát triển đội ngũ phù hợp hơn với thực tế trong từng giai đoạn của Trường/Khoa.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có)

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5)

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh

Ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản có tỷ lệ GV/NH đáp ứng yêu cầu so với quy định của Bộ GD&ĐT (tỷ lệ SV/GV là 1/10). Ngành gồm có 10 GV, trong đó có 01 PGS, 06 TS, 3 ThS.

Học viện có quy định rõ ràng mức chuẩn và quy đổi khối lượng công việc giảng dạy, NCKH và công tác khác dành cho GV tại Quy chế ban hành quy định chế độ làm việc đối với GV của HVBC&TT (QĐ số 928/QĐ-HV BC&TT-ĐT ngày 01/03/2018 và bảng mô tả vị trí công việc của GV). Trong đó quy đổi theo giờ chuẩn, khối lượng và thời gian làm việc của từng chức danh cụ thể: GV cao cấp - hạng I (giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ) giờ chuẩn giảng dạy các môn học đối với giáo sư là 270, NCKH là 950; học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác là 90; giờ chuẩn giảng dạy các môn học đối với phó giáo sư là 270, NCKH là 900, học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác là 110; đối với tiến sĩ lần lượt là 290, 850 và 210; GV chính (Hạng II): GV có học vị tiến sĩ: giờ chuẩn giảng dạy các môn học; giờ NCKH và giờ học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác lần lượt là: 280, 700 và 260; GV chưa đạt trình độ tiến sĩ lần lượt giờ giảng dạy, NCKH, bồi dưỡng và các nhiệm vụ là 280, 700 và 260; GV (hạng III): GV có học vị tiến sĩ lần lượt là 270, 600 và 360 giờ; GV chưa đạt trình độ tiến sĩ: 270, 600 và 360 giờ. Vào cuối mỗi học kỳ, Khoa phối hợp Ban Quản lý đào tạo thực hiện thống kê khối lượng thực hiện nhiệm vụ, GV phải thực hiện đủ định mức NCKH, học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác mới được xem là hoàn thành nhiệm vụ theo quy định, và làm căn cứ đánh giá kết quả đánh giá cuối năm học.

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được triển khai thống kê theo định mức hàng năm để theo dõi và đánh giá. Đầu năm học, Khoa căn cứ trên công tác của từng GV và phối hợp với Ban quản lý đào tạo để phân công khối lượng giảng dạy, NCKH, và hoạt động khác cho phù hợp để làm căn cứ đánh giá thực hiện công việc vào cuối năm học. Tại chương II về nhiệm vụ của các chức danh giảng viên có nêu rõ nhiệm vụ giảng dạy; nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; nhiệm vụ tham gia công tác quản lý đào tạo, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ; nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Mức thanh toán giờ chuẩn vượt định mức cho GV áp dụng theo Thông tư Liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 8/3/2013 về “Hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập”. Mức tiền thanh toán giờ vượt định mức được xác lập trong Quy chế chi tiêu nội bộ của HV. Quá trình giám sát, kiểm tra khối lượng giảng dạy, NCKH, bồi dưỡng và thực hiện các nhiệm vụ khác được phối hợp giữa Ban Quản

lý đào tạo, Ban Tổ chức cán bộ, Trung tâm KĐ&ĐB CLĐT, làm căn cứ phân loại CB-GV-NV và xét thi đua khen thưởng hàng năm. Kết quả khảo sát cho thấy CB-GV-NV hài lòng về vị trí công việc và nhiệm vụ được phân công “phù hợp với năng lực” (4.67/5), “công việc phân chia hợp lý (3.89/5).

2. Điểm tồn tại

Hoạt động PVCD của GV chưa được đề cập rõ trong quy định của HV/ Khoa.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần bổ sung quy định về hoạt động PVCD của GV và quy đổi giờ bình quân hàng năm.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có)

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5)

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Điểm mạnh

HV có ban hành Đề án vị trí việc làm (số 6079-KH/HVBCCTT ngày 31/12/2020) quy định tiêu chuẩn năng lực, chức năng – nhiệm vụ của từng vị trí, từng nhóm công việc, quy định về tuyển dụng công chức viên chức. Hoạt động bổ nhiệm, điều chuyển tuân thủ theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý (số 4503/QĐ-HVCTQG ngày 12/10/2016, số 339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019), và Quy định số 201-QĐ/HVCTQG ngày 22/6/2020 của Giám đốc HV CTQG HCM về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, trong đó nêu rõ tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng (tiêu chí tuyển dụng về đạo đức, năng lực và trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định).

Thông tin tuyển dụng viên chức, kết quả xét tuyển, và kết quả thi thực hành giảng bài, xét tuyển dụng GV được công khai trên trang web của HV BC&TT, có nêu rõ vị trí và số lượng tuyển dụng; đối tượng và tiêu chuẩn; hình thức tuyển dụng; hồ sơ đăng ký dự tuyển, thời gian, địa điểm nộp hồ sơ; kế hoạch, thời gian dự kiến xét tuyển; tuân thủ theo quy định Nhà nước (Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018, Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020) và HV cả về đạo đức và năng lực học thuật.

Việc mời giảng viên thỉnh giảng được thực hiện theo Quy chế giảng viên thỉnh giảng. Trong chu kỳ đánh giá, ngành thực hiện tuyển dụng 04 GV, trong đó có 02 GV có trình độ ThS đúng chuyên ngành, 01 GV có trình độ ThS khoa học chuyên ngành phương pháp giảng dạy tiếng Anh do Hoa Kỳ cấp, 01 GV có trình độ TS. Việc bổ nhiệm nhân sự vào vị trí lãnh đạo có Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa đảm bảo tiêu chuẩn theo

đúng quy định, phù hợp với yêu cầu và quy hoạch của HV/Khoa, được đăng trên trang thông tin điện tử của HV.

2. Điểm tồn tại

Đối tượng và tiêu chuẩn thông báo tuyển dụng viên chức qua các năm của Trường chưa cụ thể các yêu cầu tuyển dụng riêng dành cho các ngành nghề đào tạo.

Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm cán bộ còn sử dụng chung với HV CTQG HCM, sẽ hạn chế về mặt thời gian triển khai so với thực tế yêu cầu.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Điều chỉnh, bổ sung thêm các yêu cầu về tuyển dụng viên chức dành cho các ngành nghề đào tạo để có thể thu hút đội ngũ viên chức đảm bảo yêu cầu và đúng chuyên ngành đồng thời rà soát và ban hành văn bản riêng phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước, của HVCTQG và bối cảnh thực tế của Nhà trường trong giai đoạn tiếp theo.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Điểm mạnh

Quy định tiêu chí về trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ và tin học, kinh nghiệm công tác, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đóng góp cho cộng đồng của CB-GV-NV của HV này được quy định và đánh giá dựa trên các văn bản: Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập (40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020); Bản mô tả vị trí công việc của GV; Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên của HV BC&TT (QĐ số 928/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 01/3/2018); Quy chế quản lý hoạt động khoa học của HVBC&TT.

Kết quả đánh giá, phân loại GV được thực hiện theo quy định, dựa trên kết quả phản hồi của người học về quá trình giảng dạy của GV theo học kỳ, hoạt động giảng dạy theo định mức giờ chuẩn giảng dạy, hoạt động NCKH của GV thông qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH. Việc thực hiện đánh giá, xếp loại GV trong công tác giảng dạy và NCKH theo Quy trình đánh giá, phân loại CB-GV-NV và Quy chế thi đua - Khen thưởng của HV CTQGHCM. GV được đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ theo 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, và không hoàn thành nhiệm vụ. Dựa trên kết quả đánh giá, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của HV thực hiện bình xét, quyết định xếp loại các danh hiệu thi đua khen thưởng dựa trên kết quả xếp loại của GV. Trong giai đoạn đánh giá, GV của ngành đều được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ.

2. Điểm tồn tại

Học viện đang thực hiện đánh giá đội ngũ GV theo tiêu chí phân loại viên chức và danh hiệu thi đua khen thưởng, chưa có tách biệt các tiêu chí đánh giá năng lực, quy trình đánh giá cụ thể và phân loại các mức hoàn thành công việc; chưa có phần mềm quản lý dữ liệu giờ dạy, giờ NCKH và các hoạt động khác để có cơ sở đánh giá năng lực của đội ngũ hàng năm, hiện đang thực hiện thủ công excel.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần ban hành quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV với các tiêu chí cụ thể hơn, bao hàm được được tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCD, có cơ sở theo dõi và phát triển nguồn nhân lực đồng đều hơn; cần có phương án đề xuất và sử dụng phần mềm quản lý GV về giờ dạy, NCKH và công tác khác, tiết kiệm thời gian thực hiện thủ công và có thể dễ dàng trích xuất dữ liệu của đơn vị/cá nhân nhanh hơn.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có)

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3)

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Điểm mạnh

Về công tác đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, định kỳ hằng năm HV có ban hành thông báo để các đơn vị, cá nhân có nhu cầu thực hiện phiếu đăng ký các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo. Ban TCCB thực hiện tổng hợp và ban hành kế hoạch chung của HV để căn cứ cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng; đối với hoạt động đào tạo tại nước ngoài thì thực hiện báo cáo định kỳ, các khóa ngắn hạn/ đào tạo trong nước thì nộp văn bằng/chứng chỉ. Công tác nâng cao trình độ của GV dựa trên kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB-GV-NV giai đoạn 2019-2023 và kế hoạch phê duyệt đào tạo bồi dưỡng hàng năm.

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của CB-GV-NV được triển khai thực hiện theo kế hoạch và giám sát bởi Ban TCCB. Trong chu kỳ đánh giá, ngành Xuất bản – Biên tập Xuất bản đã cử 63 lượt cán bộ GV, NV tham gia các đợt bồi dưỡng ngắn hạn trong nước/ngoài nước (bồi dưỡng chuyên môn, tin học nâng cao, cao cấp lý luận chính trị, phương pháp dạy học, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bồi dưỡng giảng viên cao cấp hạng I, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh, phương pháp nghiên cứu giảng dạy, v.v), bồi dưỡng dài hạn trong nước/ ngoài nước. Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo bồi dưỡng GV của khoa chiếm khoảng 15% so với tổng kinh phí chi cho đào tạo bồi dưỡng của toàn Trường.

Ngoài việc thực hiện tổng kết và đánh giá nhu cầu đào tạo/ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ GV do Ban TC-CB phụ trách, HV có thực hiện lấy ý kiến phản hồi của CB, GV về việc cử tham dự các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, kết quả phản hồi cho thấy rằng CB, GV hài lòng kết quả đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của đội ngũ như: “phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu” (3.90/5), “đào tạo, bồi dưỡng phù hợp chuyên môn, nghiệp vụ” (4.2/5).

2. Điểm tồn tại

Chưa xác định rõ các nội dung/khoá tập huấn hoặc đào tạo (ngắn hạn) cụ thể dành cho GV để nâng cao chất lượng giảng dạy (thiết kế chương trình dạy học, kiểm tra đánh giá, xây dựng học liệu, v.v), năng lực NCKH và các năng lực hỗ trợ.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần có cơ chế phối hợp giữa Ban TCCB và các khoa/đơn vị có liên quan từng lĩnh vực trong việc lựa chọn các nội dung/khoá tập huấn hoặc đào tạo (ngắn hạn) bám sát với chuyên môn nghiệp vụ và các năng lực hỗ trợ có liên quan đến hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCD.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả thực hiện công việc của GV được thực hiện dựa trên các văn bản: quy định về chế độ làm việc của GV (928/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 01/3/2018), quy định quản lý hoạt động khoa học, quy chế chi tiêu chi bộ, và bản mô tả vị trí công việc của CB, GV, NV. Các văn bản xác định rõ quy định hạng mức chức danh nghề nghiệp, khối lượng nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, phát triển chuyên môn và các nhiệm vụ khác. Để đánh giá mức độ hoàn thành công việc hàng năm, GV có thực hiện xây dựng kế hoạch công tác vào đầu năm học để cân đối khối lượng công việc và trình lãnh đạo khoa phê duyệt dựa trên quy định mức giờ giảng dạy, NCKH, PVCD; căn cứ kết quả thực hiện công việc để đánh giá, phân loại CB, GV, NV và xét thi đua khen thưởng theo quy trình được công bố rộng rãi, đầy đủ đến toàn thể đội ngũ tại HV.

Quy trình đánh giá CB-GV-NV được thực hiện dựa trên văn bản hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét thi đua khen thưởng của HV CTQGHCM (số 4818-HD/HVBCTT ngày 14/10/2021) và Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của HV CTQGHCM (3370-QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019). Các kết quả đánh giá phân loại GV/đơn vị hàng năm được giám sát và đánh giá thông qua thực hiện nhiệm vụ thông qua giảng dạy, NCKH theo định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng cụ thể với 4 mức

phân loại viên chức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ. Quy trình đánh giá được thực hiện trên cơ sở GV tự đánh giá, cấp uỷ và đồng nghiệp góp ý, Trưởng đơn vị đánh giá và xếp loại cá nhân; thực hiện bình xét, xếp loại các danh hiệu thi đua khen thưởng dựa trên kết quả đánh giá xếp loại GV hàng năm; có quyết định ban hành và thông báo công khai. GV hài lòng về kết quả đánh giá thi đua khen thưởng. Trong chu kỳ đánh giá, ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản có 13 lượt GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 36 lượt GV hoàn thành tốt nhiệm vụ, 01 GV hoàn thành nhiệm vụ; 08 lượt GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, 38 lượt GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến; và 02 lượt GV được khen thưởng bậc cao.

Học viện có thực hiện lấy ý kiến phản hồi của GV về quy chế thi đua – khen thưởng, kết quả đánh giá và thi đua khen thưởng được phổ biến thông qua Hội nghị CBVC của khoa và Hội nghị công nhân viên chức HV BC&TT hàng năm. Kết quả khảo sát giảng viên nhận thấy nội dung phản hồi về “HV thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v) dựa trên hiệu quả công việc” (4.0/5), “GV-NV-NCV hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)” (4.0/5) là hài lòng.

2. Điểm tồn tại

Chưa thể hiện rõ các tiêu chí đánh giá, phân loại rõ ràng đối với năng lực của GV trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Căn cứ trên các quy định chung về công tác thi đua – khen thưởng, HV cần rà soát, bổ sung quy trình và tiêu chí đánh giá cụ thể hơn, phân loại rõ ràng đối với năng lực của GV trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh

Trong giai đoạn đánh giá, hoạt động NCKH của đội ngũ giảng viên Học viện được thực hiện theo Quy chế Quản lý hoạt động khoa học ở HVBC& được rà soát và ban hành đầy đủ. Hoạt động NCKH gồm các loại hình: Tham gia đề tài/dự án/nhiệm vụ khoa học các cấp, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong/ngoài nước hoặc trong các hội nghị/hội thảo khoa học, biên soạn giáo trình/sách chuyên khảo, tham gia hội nghị/hội thảo khoa học, tư vấn chuyển giao công nghệ, tham gia các cuộc thi sáng tạo, hướng dẫn người học tham gia NCKH... Học viện đã quy định giờ chuẩn NCKH mỗi năm đối với GVCC hạng I gồm các GS là 950 giờ, PGS là 900 giờ, GV có

trình độ TS là 850 giờ, đối với GVC (hạng II) là 700 giờ, đối với GV (hạng III) là 600 giờ. Hoạt động KHCN được quy đổi ra giờ giảng lý thuyết, được quy định tương đối rõ ràng như: bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus được quy đổi tối đa 900 giờ/bài, bài báo trên tạp chí quốc tế ngoài hệ thống ISI/Scopus tối đa 600 giờ/bài, Báo cáo khoa học được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế thuộc hệ thống ISI/Scopus hoặc được bảo trợ bởi các hội/hiệp hội khoa học và công nghệ quốc tế uy tín được tính 900 giờ/bài, Sách chuyên khoa giáo trình, tài liệu giảng dạy được tính 1200 giờ/quyển,... chủ trì đề tài cấp Nhà nước 500 giờ/đề tài, chủ trì đề tài cấp Bộ/tỉnh 300 giờ/đề tài, Chủ trì đề tài cấp cơ sở 200 giờ/đề tài, hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH 50 giờ/đề tài... Để khuyến khích các GV có kết quả hoạt động NCKH xuất sắc, Học viện đã có quy định thưởng cho các cá nhân có bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus tối đa 10 triệu đồng/bài, đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISSN tối đa 03 triệu đồng/bài (Theo quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021). Hằng năm, Học viện đều tổ chức HNKH của GV và tổ chức nhiều hội thảo khoa học các cấp. Yêu cầu về NCKH được thể hiện rõ trong năng lực vị trí GV. Hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường/Khoa được giám sát tương đối chặt chẽ. Hằng năm GV chủ động đăng ký các nhiệm vụ KHCN. Hội đồng thẩm định cấp Khoa và cấp Trường xem xét quyết định. Theo quy định của Học viện thì Ban QLKH có nhiệm vụ tư vấn giúp lãnh đạo xây dựng kế hoạch KHCN, tổ chức kiểm tra định kỳ tiến độ thực hiện các đề tài/dự án... Nhà trường/Khoa thực hiện tổng kết đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của giảng viên, từ đó đề ra phương hướng hoạt động NCKH hàng năm. Số lượng và loại hình NCKH của Khoa/ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản được thực hiện giám sát, đối sánh với các khoa khác trong Trường. Ngoài chính sách khen thưởng, Học viện cũng có chế tài xử phạt đối với các chủ trì không hoàn thành nhiệm vụ đã ký với cơ quan phê duyệt đề tài.

Trong giai đoạn đánh giá, đội ngũ GV Khoa Xuất bản tham gia thực hiện CTĐT Xuất bản - Biên tập xuất bản đã triển khai hoạt động NCKH với nhiều loại hình như triển khai 01 đề tài cấp Bộ, 21 đề tài cấp trường/Học viện; đã đăng 80 bài báo trên các tạp chí khoa học trong nước; trình bày 126 tham luận tại các hội thảo trong nước, 14 tham luận tại hội thảo quốc tế.

2. Điểm tồn tại

Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của học viện (trong đó có liên quan đến NCKH) chưa cập nhật các văn bản mới ban hành của BGD&ĐT; hoạt động NCKH chưa đồng đều trong GV của Khoa; chưa có các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh trong nghiên cứu khoa học. Việc thực hiện đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh và cấp nhà nước

còn hạn chế, công bố Quốc tế còn hạn chế.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần sớm hoàn thiện Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên trong đó có quy định về nhiệm vụ NCKH của GV trên cơ sở cập nhật Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV thuộc cơ sở giáo dục đại học; cần chủ động xây dựng các hướng nghiên cứu, thành lập các nhóm nghiên cứu nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án các cấp nhằm tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu; cần tập trung nguồn lực đầu tư, có chính sách khuyến khích, thúc đẩy GV của Khoa Xuất bản tham gia các đề tài, dự án các cấp; hỗ trợ tương xứng cho các GV công bố sản phẩm khoa học ngoài nước đồng thời nên tổ chức các khóa tập huấn về công bố quốc tế cho GV của Khoa cũng như của toàn Học viện.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện có ban Chiến lược phát triển HVBC&TT và chiến lược phát triển của Khoa/ngành, trong đó có xác định rõ mục tiêu và các giải pháp nhằm tuyển dụng, thu hút, phát triển nguồn lực đáp ứng mục tiêu đào tạo, NCKH, và PVCĐ. Căn cứ trên văn bản kế hoạch xây dựng Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của HV CTQG HCM để xây dựng cho HV BC&TT theo từng giai đoạn, có thực hiện rà soát, đánh giá và kết quả đáp ứng với mục tiêu đề ra.

Tỷ lệ GV/NH đáp ứng theo yêu cầu so với quy định của Bộ GD&ĐT. Có quy định rõ ràng mức chuẩn và quy đổi khối lượng công việc giảng dạy, NCKH và công tác khác dành cho GV theo từng chức danh cụ thể. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được thống kê theo định mức hàng năm để theo dõi và đánh giá, phân loại GV vào cuối năm học và điều chỉnh công việc cho phù hợp; ban hành Đề án vị trí việc làm, quy định tiêu chuẩn năng lực, chức năng-nhiệm vụ của từng vị trí, từng nhóm công việc, quy định về tuyển dụng công chức viên chức, và bản mô tả công việc để thực hiện tuyển dụng, lựa chọn GV, bổ nhiệm, điều chuyển cho phù hợp với quy định. Các thông tin tuyển dụng, kết quả xét tuyển và kết quả thi được công khai trên trang thông tin điện tử của HV.

Các tiêu chí về trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, tin học, kinh nghiệm công tác, kỹ năng giảng dạy, NCKH, đóng góp cho công đồng tuân thủ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập.

Kết quả đánh giá, phân loại năng lực GV tuân thủ theo quy định thực hiện nhiệm vụ, kết quả phản hồi của NH và kết quả hoạt động giảng dạy theo định mức hàng năm.

Công tác đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ được thực hiện đăng ký dựa trên nhu cầu của CTĐT vào đầu năm học. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn được tổng hợp, ban hành kế hoạch tổng hợp, thực hiện và giám sát bởi Ban TCCB, có thực hiện lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ được cử đi học tập và kết quả đánh giá là hài lòng, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ.

Việc đánh giá kết quả thực hiện công việc của GV tuân thủ theo văn bản hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét thi đua khen thưởng của HV CTQG HCM; Quy chế công tác thi đua khen thưởng của HV; và khối lượng công việc đăng ký vào đầu năm học. Căn cứ kết quả công việc hoàn thành để thực hiện đánh giá, phân loại CB-GV-NV và xét thi đua khen thưởng theo quy định đã công bố rộng rãi, đầy đủ đến toàn thể đội ngũ tại HV; có các văn bản quy định về các loại hình, số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện, trong đó giờ NCKH được định mức theo chức danh, học hàm học vị của giảng viên. Hoạt động NCKH của GV được giám sát hàng năm và làm cơ sở cho đánh giá xếp loại hàng năm.

2. Điểm tồn tại **ở cơ bản của CTĐT**

Mục tiêu chiến lược và các nhóm giải pháp phát triển nguồn nhân lực tại Chiến lược phát triển của Khoa/ngành xây dựng vẫn mang tính tổng quát, chưa đặc trưng của nhóm ngành/ngành và chưa có các chỉ tiêu đặt ra hàng năm trong từng giai đoạn để có cơ sở theo dõi, rà soát, và đánh giá định kỳ công tác này. Hoạt động phục vụ cộng đồng của GV chưa được đề cập rõ trong quy định của HV/ Khoa.

Đối tượng và tiêu chuẩn thông báo tuyển dụng viên chức qua các năm của Trường chưa cụ thể các yêu cầu tuyển dụng riêng dành cho các ngành. Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm cán bộ còn sử dụng chung với HV CTQG HCM, sẽ hạn chế về mặt thời gian triển khai so với thực tế yêu cầu.

Học viện đang thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ GV theo tiêu chí phân loại viên chức và danh hiệu thi đua khen thưởng, chưa có tách biệt các tiêu chí đánh giá năng lực, quy trình đánh giá cụ thể và phân loại các mức hoàn thành công việc; chưa có phần mềm quản lý dữ liệu giờ dạy, giờ NCKH và các hoạt động khác; chưa xác định rõ các nội dung/khoá tập huấn hoặc đào tạo (ngắn hạn) cụ thể dành cho GV để nâng cao chất lượng giảng dạy (thiết kế chương trình dạy học, kiểm tra tra đánh giá, xây dựng học liệu, v.v), năng lực NCKH và các năng lực hỗ trợ; chưa thể hiện rõ các tiêu chí đánh giá, phân loại rõ ràng đối với năng lực của GV trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Các văn bản quy định cho hoạt động NCKH của Học viện chưa cập nhật các văn bản mới ban hành của BGD&ĐT (Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của

Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV). Công bố khoa học còn chưa đồng đều trong đội ngũ GV của Khoa. Học viện chưa có các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh trong nghiên cứu khoa học; các đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ/tỉnh/nhà nước còn rất khiêm tốn; số lượng các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus còn hạn chế.

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Rà soát, bổ sung các mục tiêu chiến lược, nhóm giải pháp, chi tiết hoá lộ trình triển khai kế hoạch chiến lược và chỉ số định lượng cụ thể để cơ sở theo dõi, đo lường, và đánh giá mức độ đáp ứng của quá trình thực hiện các hoạt động thu hút, tuyển dụng, phát triển nguồn lực, v.v. Đây là cơ sở để điều chỉnh công tác quy hoạch phát triển đội ngũ phù hợp hơn với thực tế trong từng giai đoạn của HV/Khoa.

Rà soát, phân bổ số giờ thực hiện hoạt động giảng dạy chuyên môn của ngành cho phù hợp, đảm bảo tính cân đối giữa khối lượng giảng dạy, NCKH, hoạt động PVCD và nhiệm vụ khác của GV trong Khoa. Cần bổ sung quy định về hoạt động PVCD của GV và quy đổi giờ bình quân hàng năm.

Điều chỉnh, bổ sung thêm các yêu cầu về tuyển dụng viên chức dành cho các ngành để có thể thu hút đội ngũ viên chức đảm bảo yêu cầu và đúng chuyên ngành. Rà soát và ban hành văn bản riêng phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước, của HVCTQG và bối cảnh thực tế của HVBCTT trong giai đoạn tiếp theo.

Ban hành quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV với các tiêu chí cụ thể hơn, bao hàm được được tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCD, có cơ sở theo dõi và phát triển nguồn nhân lực đồng đều hơn. Cần có phương án đề xuất và sử dụng phần mềm quản lý GV về giờ dạy, NCKH và công tác khác, tiết kiệm thời gian thực hiện thủ công và có thể dễ dàng trích xuất dữ liệu của đơn vị/cá nhân khi cần.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Ban TCCB và các khoa/đơn vị có liên quan từng lĩnh vực trong việc lựa chọn các nội dung/khoá tập huấn hoặc đào tạo (ngắn hạn) bám sát với chuyên môn nghiệp vụ và các năng lực bổ trợ có liên quan đến hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCD.

Căn cứ trên các quy định chung về công tác thi đua – khen thưởng, HV cần rà soát, bổ sung quy trình và tiêu chí đánh giá cụ thể hơn, phân loại rõ ràng đối với năng lực của GV trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định; cần rà soát Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên trong đó có quy định nhiệm vụ NCKH của GV trên cơ sở cập nhật Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV thuộc cơ sở giáo dục đại học; cần chủ động xây dựng các hướng nghiên cứu, thành lập các nhóm nghiên cứu nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KH-CN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án các cấp nhằm tăng số lượng và chất lượng nghiên

cứu. Ngoài ra, Học viện cần tập trung nguồn lực đầu tư, có chính sách khuyến khích, thúc đẩy GV của Khoa Xuất bản tham gia các đề tài, dự án các cấp; hỗ trợ tương xứng cho các GV công bố sản phẩm khoa học ngoài nước nên tổ chức các khóa tập huấn về công bố quốc tế cho GV của Khoa cũng như của toàn Học viện.

VII. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên của Học viện/Khoa được tuân thủ theo Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2020, tầm nhìn 2030, chỉnh sửa và ban hành Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; bổ sung điều chỉnh Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 và trong đề án vị trí việc làm; trong đó đã đề cập đến chiến lược nguồn nhân lực như đội ngũ cán bộ được chuẩn hóa với cơ cấu hợp lý về vị trí việc làm, trình độ, độ tuổi, trong đó cán bộ quản lý được đào tạo bài bản, được thử thách quan thực tiễn, đội ngũ cán bộ giỏi chuyên môn, tâm huyết với nghề. Trong đề án vị trí việc làm của Học viện, quy định vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ có 19 vị trí với 125 biên chế và 19 hợp đồng, trong đó, có quy hoạch nhân viên các Phòng, Ban của Học viện là 96 người, Trung tâm thông tin khoa học là 9 người, trợ lý văn phòng khoa là 17 người và các dịch vụ hỗ trợ khác 3 người. Hàng năm, Học viện/Khoa đã thực hiện khảo sát tổng hợp nhu cầu về đội ngũ nhân viên, tiến hành phân tích thực trạng đội ngũ nhân viên hỗ trợ triển khai đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng gồm các cán bộ thư viện, phòng thí nghiệm, phòng CNTT, các dịch vụ hỗ trợ khác, đồng thời xác định, mô tả công việc cho từng vị trí của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, trên cơ sở đó lập kế hoạch tuyển dụng, lựa chọn đội ngũ NV hỗ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Học viện đã có một số chính sách tuyển dụng và đào tạo bồi dưỡng nhân viên rõ ràng (trong Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức ban hành theo QĐ số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014). Học viện đã phân tích tình hình thực tế về phát triển quy mô người học, yêu cầu cải cách hành chính tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng phục vụ để điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Trong đó đã quan tâm đến các chính sách ưu đãi như: chính sách về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học; quy định về phụ cấp cho các nhân viên phòng/ ban; quy định về thu nhập tăng thêm.

Tại thời điểm đánh giá, đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản gồm hai nhóm: nhóm nhân viên hỗ trợ trong Khoa Xuất bản (CVHT, chuyên viên VPK) và nhóm nhân viên hỗ trợ ngoài khoa Xuất bản (làm việc tại các phòng ban, trung tâm như: Ban QLĐT, Ban QLKH, Phòng CTCT&HTSV, Trung tâm Thông tin thư viện, Trung tâm KT&KĐCLĐT, Bộ phận TH-HTĐT (Văn phòng), Phòng quản trị & quản lý KTX), với tổng số 126 người. Trong đó có 2 tiến sĩ, 80 thạc sĩ, 28 cử nhân và 16 các trình độ khác. Tại thời điểm đánh giá, Khoa Xuất bản có 01 chuyên viên đảm trách nhiệm vụ văn phòng khoa có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác, giúp Khoa giải quyết kịp thời các vấn đề về giảng dạy, về học tập của SV, quản lý bài thi, cảnh báo học vụ, xét tốt nghiệp, giải đáp thắc mắc của SV; ngoài ra còn có 06 GV của Khoa đồng thời đảm trách công tác cố vấn học tập, chịu trách nhiệm tư vấn hỗ trợ người học ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản 14 chuyên viên của các đơn vị chức năng chịu trách nhiệm chính trong hỗ trợ các hoạt động của Khoa Xuất bản theo sự phân công của các đơn vị.

Qua khảo sát thực tế và kết quả nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy đội ngũ nhân viên của Học viện và của Khoa đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ % hài lòng của sinh viên của Khoa về chất lượng phục vụ của các nhân viên phòng chức năng tăng dần: năm 2018: 61,1%, năm 2019: 75,9%, năm 2020: 91,4%, năm 2021 là 82%. Ngoài ra, kết quả phỏng vấn người học, giảng viên cho thấy, hầu hết ý kiến hài lòng với tinh thần thái độ phục vụ, giải quyết công việc của nhân viên hỗ trợ.

2. Điểm tồn tại

Học viện chưa có chính sách hiệu quả trong việc thu hút đội ngũ có năng lực cao trong các vị trí cụ thể. Việc phân tích đánh giá nhu cầu đào tạo bồi dưỡng đối với đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện một cách bài bản.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần rà soát và đưa ra chính sách hiệu quả trong thu hút đội ngũ cán bộ có nhân lực cao để góp phần thực hiện chiến lược của nhà trường; cần tiến hành khảo sát, tổng hợp, phân tích đánh giá nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của đội ngũ NV một cách bài bản.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức theo QĐ số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014, trong đó, quy định cụ thể tiêu chuẩn đối với ngạch nghiên cứu viên, ngạch chuyên viên và tương đương. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều chuyển nhân viên được thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý ban hành theo QĐ số 339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên đều được phân tích trên tình hình thực tế của Học viện và các văn bản quy phạm của Nhà nước, được bàn bạc dân chủ rộng rãi tại các đơn vị trực thuộc trước khi Giám đốc ký ban hành. Nhà trường cũng đồng thời tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (người học, GV), tiến hành tổng hợp và phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực. Dựa trên phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực, Đề án vị trí việc làm, Học viện/Khoa xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức hàng năm.

Các quy định, quy chế, quy trình về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đều được phổ biến công khai đến toàn thể cán bộ, GV và nhân viên trong Học viện bằng nhiều hình thức như trên Bảng thông tin điện tử của nhà Hành chính trung tâm (A1), niêm yết tại Ban TC-CB, trên website của Học viện (<https://ajc.hcma.vn/>), qua hệ thống Email và trên các phương tiện truyền thông khác như báo giấy, báo điện tử. Các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm nhân viên được lưu trữ đầy đủ.

2. Điểm tồn tại

Trong các văn bản quy định, hướng dẫn về công tác tuyển dụng nhân viên của Học viện chưa có nhiều tiêu chí bắt buộc về năng lực của ứng viên; chưa sử dụng các hình thức đánh giá năng lực của ứng viên trong các kỳ tuyển dụng. Trong giai đoạn đánh giá, Học viện vẫn sử dụng Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển đã ban hành năm 2014 nên chưa phù hợp với thực tế của học viên hiện nay (đang thực hiện Đề án vị trí việc làm số 6079-ĐA/HVBC&TT ngày 31/12/2020) và Nghị định 115/2020 của Chính phủ.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường cần bổ sung các tiêu chí đánh giá về năng lực, sử dụng các hình thức đánh giá năng lực đối với các ứng viên tham gia thi tuyển, xét tuyển vào các vị trí hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, để từ đó tuyển chọn được những nhân viên phù hợp; nên rà soát, điều chỉnh các văn bản về các Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển gắn với Đề án vị trí việc làm số 6079 ĐA/HVBC&TT ngày 31/12/2020 và phù hợp với Nghị định 115/2020 của Chính phủ, trong đó cần bổ sung các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về công tác ở trường một cách hiệu quả.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá

1. Điểm mạnh

Quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thể hiện ở các văn bản sau: Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của HVCTQG và HVBCTT và Quy định về đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định trong Quy chế tuyển dụng công chức, viên chức, trong Đề án vị trí việc làm và Hướng dẫn đánh giá xếp loại hàng năm. Theo đó, năng lực gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ gắn với công việc của từng Phòng/Ban/Khoa như tổ chức cán bộ, quản lý đào tạo, quản lý khoa học, kế hoạch-tài chính, hợp tác quốc tế, thông tin khoa học, tạp chí lý luận chính trị và truyền thông, văn phòng, trợ lý văn phòng khoa, y tế, văn thư lưu trữ, nhân viên kỹ thuật,.. Các tiêu chí đánh giá bao gồm về Chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; Ý thức tổ chức kỉ luật, tác phong và lễ lối làm việc; Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, trách nhiệm. Đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ được phân rõ với từng ngạch bậc, có chức vụ quản lý hoặc không có chức vụ quản lý như: chuyên viên tập sự, chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp có điểm đánh giá mức độ hoàn thành với mỗi tiêu chí có chỉ số đo lường cụ thể, chi tiết, tính trên tổng điểm 100.

Hoạt động đánh giá được thực hiện theo trình tự: Nhân viên tự đánh giá theo mẫu phiếu đánh giá thống nhất của Học viện, đồng nghiệp đánh giá tại cuộc họp của các đơn vị, người học đánh giá qua các lần khảo sát ý kiến, cấp trên đánh giá thông qua hội đồng thi đua khen thưởng các cấp. Các quy định này được phổ biến công khai để mọi cán bộ, nhân viên biết và cùng triển khai thực hiện.

Kết quả thống kê cho thấy, giai đoạn 2017-2021, Việc đánh giá nhân viên được thực hiện hằng năm theo phân loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả đánh giá phân loại cuối năm học là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhân viên theo Luật Viên chức, để xét danh hiệu thi đua, xét nâng lương và đề nghị các cấp khen thưởng. Kết quả xếp loại còn được nhà trường tham chiếu đến mức chi trả 30% thu nhập tăng thêm và thực hiện các chính sách khác đối với nhân viên hỗ trợ. Cụ thể, với mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được tính hệ số 2; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được tính hệ số 1.5; Hoàn thành nhiệm vụ được tính hệ số 1 (Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường

năm 2021). Đây cũng là một trong những động lực để đội ngũ nhân viên của nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình. Hồ sơ minh chứng cho thấy, tỷ lệ nhân viên của Học viện/Khoa được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2020 là 100%, còn xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tương ứng từ 2017 đến 2021 là 4,31%; 1,69%; 1,53% , 7,75% và 10,85%. Riêng kết quả xếp loại nhân viên của Khoa thì trong tất cả các năm đều 100% hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Tỷ lệ nhân viên toàn Học viện đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên từ năm 2017 đến năm 2021 tương ứng là 0.88%; 0.87%; 0.82%; 1.65% và 4.62%. Ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản có 10 lượt nhân viên hỗ trợ ngành xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 82 lượt nhân viên xếp loại HTTNV, 06 lượt HTNV.

2. Điểm tồn tại

Trong các văn bản quy định chưa thể hiện chi tiết việc sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ làm căn cứ đánh giá, đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của nhân viên.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường cần rà soát các văn bản quy định về việc sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ làm căn cứ đánh giá, đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của nhân viên một cách chi tiết hơn.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Điểm mạnh

Hàng năm, Khoa Xuất bản và các đơn vị thuộc học viện đã triển khai thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên phục vụ. Căn cứ vào đề xuất của đơn vị và yêu cầu công việc, Trưởng các Khoa/đơn vị báo cáo Ban TCCB để lên kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình Giám đốc Học viện phê duyệt. Kết quả phê duyệt của BGD về công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức được gửi tới các đơn vị trong Trường để triển khai thực hiện tuân thủ quy định của HVCTQG và HVBC&TT. Kết quả khảo sát cho thấy các văn bản cử người đi học, bản sao văn bằng chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng được lưu trữ đầy đủ.

Trong giai đoạn 2017-2021, đội ngũ nhân viên của Học viện và Khoa Xuất bản được tham gia các khoá đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm do Học viện tổ chức hoặc cử đi như: cao cấp lý luận chính trị; trung cấp lý luận chính trị; bồi dưỡng quản lý nhà nước chương trình chuyên viên/chuyên viên chính/chuyên viên cao cấp; ngoại ngữ tiếng Trung; ngoại ngữ nâng cao (tiếng Anh) theo tiêu chuẩn Hội đồng Anh, khai thác tài nguyên giáo dục mở, ứng cứu sự cố và an toàn

hệ thống thông tin, đào tạo kiểm định viên,... Ngoài ra, đội ngũ nhân viên tại các đơn vị chức năng còn được Học viện cử đi đào tạo dài hạn trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ, ĐH văn bằng 2. Đội ngũ nhân viên tham gia các khoá đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn được Học viện CTQG HCM hoặc HV BCTT chi trả, hỗ trợ kinh phí học tập, hoặc/và tuân thủ Quy chế chi tiêu nội bộ.

Kết quả thống kê cho thấy, trong chu kỳ đánh giá có 140 lượt NV được tham dự các khoá đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, ngắn hạn.

2. Điểm tồn tại

Việc thực hiện khảo sát nhu cầu và mở các khóa học nâng cao chuyên môn nghiệp vụ chưa thật bài bản. Đánh giá tổng kết về hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng chưa thật sự bài bản. Các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan trực tiếp đến chuyên môn mà nhân viên đang đảm nhận còn hạn chế như các khóa tập huấn về chuyển đổi số trong các lĩnh vực cụ thể,...

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện nên chủ động tổ chức các khóa đào tạo cho nhân viên trên cơ sở khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của nhân viên, chú ý đến các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn liên quan trực tiếp đến chuyên môn mà nhân viên đang đảm nhận như về phát triển CTĐT cho nhân viên, chuyển đổi số trong các lĩnh vực cụ thể...

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD

1. Điểm mạnh

Để đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã ban hành các văn bản: Đề án vị trí việc làm; Bản mô tả công việc của vị trí việc làm; quy định về khen thưởng và công nhận được thể hiện ở Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của HVCTQG và HV BCTT và Quy định về Đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Vào đầu mỗi năm học, Khoa giao nhiệm vụ cụ thể cho mỗi nhân viên trong Bảng phân công nhiệm vụ chi tiết của Khoa và thực hiện theo dõi, giám sát kết quả, đồng thời hỗ trợ giải quyết các tình huống phát sinh. Mỗi nhân viên trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch của cá nhân, triển khai thực hiện đồng thời có trách nhiệm báo cáo tình hình công việc và kết quả thu được. Học viện đã tổ chức lấy ý kiến của tất cả cán bộ, GV, nhân viên về việc góp ý cho bản dự thảo các quy chế quy định của Học viện để có những điều

chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp trước khi ban hành các văn bản quy định chính thức,

Hàng năm, Học viện/Khoa triển khai đánh giá, phân loại công chức, viên chức và người lao động. Việc đánh giá về cơ bản, được thực hiện theo một quy trình chặt chẽ: (1) Học viện gửi công văn hướng dẫn đánh giá, xếp loại, bình xét danh hiệu thi đua tập thể và cá nhân hàng năm tới các đơn vị; (2) các bước tiến hành đánh giá ở các đơn vị: cá nhân tự đánh giá -> các thành viên trong đơn vị đóng góp ý kiến -> quyết định của trường đơn vị; (3) các bước tiến hành đánh giá ở cấp trường: các đơn vị tổng hợp kết quả đánh giá cùng với bản tự đánh giá cá nhân có ý kiến của lãnh đạo đơn vị tới Ban TC-CB, trên cơ sở đó Ban TCCB tập hợp báo cáo lên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Học viện để đánh giá và quyết định; (4) Ban TC-CB công bố kết quả tới toàn thể các đơn vị trong trường bằng văn bản. Kết quả đánh giá NV từ năm 2017 đến năm 2020 cho thấy hằng năm đều có 100% NV của Học viện được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên, tỷ lệ NV xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từ 1,53% năm 2019 tăng lên 10,85% năm 2021. Đối với bình xét các danh hiệu thi đua, tỷ lệ NV đạt danh hiệu lao động tiên tiến từ năm 2017 đến năm 2021 nằm trong khoảng từ 95,38% đến 99,18%, trong đó số lượng đạt chiến sĩ thi đua cơ sở lần lượt là 0.88%, 0.87%, 0.82%, 1.65% và 4.62%. Kết quả xếp loại viên chức của NV Khoa Xuất bản từ năm 2017 đến nay đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ.

Kết quả khảo sát và qua phỏng vấn cho thấy, giai đoạn 2018-2021, người học hài lòng với sự hỗ trợ của đội ngũ NV từ 61,10%, 75,90%, 91,40% và 82,00%. Ngoài ra tỷ lệ giảng viên hài lòng về đội ngũ cán bộ hỗ trợ khá cao trong 2 năm 2020 và 2021 là 77,78% đến 81,82%. Kết quả đánh giá, phân loại viên chức, người lao động là cơ sở quan trọng để xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cho cá nhân. Hồ sơ bình xét được Nhà trường /Khoa lưu trữ đầy đủ. Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng và phỏng vấn cho thấy, đội ngũ nhân viên hỗ trợ hài lòng với phương pháp quản trị theo kết quả công việc và các tiêu chí bình xét thi đua khen thưởng, không có trường hợp khiếu nại, tố cáo.

2. Điểm tồn tại

Việc xây dựng, bổ sung tiêu chí giám sát, đánh giá về chất lượng và hiệu quả công việc của NV trong việc cải thiện chất lượng và nâng cao năng lực công tác còn hạn chế.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần nghiên cứu xây dựng bổ sung các tiêu chí giám sát đánh giá về chất lượng và hiệu quả công việc để tăng tính hiệu quả của việc quản trị và đánh giá nhân sự, đồng thời tăng tính chủ động của NV trong việc cải thiện chất lượng và nâng cao năng lực công tác.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện đã có đề án vị trí việc làm năm 2020 trong đó có quy định vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ; có quy định về tuyển dụng và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm; các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đều được phân tích trên tình hình thực tế của Học viện được bàn bạc dân chủ rộng rãi tại các đơn vị trực thuộc trước khi ban giám đốc ký ban hành, được công bố công khai.

Nhà trường có hệ thống các văn bản quy định về khối lượng và nghĩa vụ lao động cho nhân viên nhằm quản lý sử dụng và đánh giá nhân viên theo hiệu quả công việc. Nhà trường đã triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên các quy định, Hướng dẫn trên về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Việc đánh giá nhân viên được thực hiện hằng năm theo phân loại theo các mức: Không hoàn thành nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đây là cơ sở để Học viện quyết định mức thu nhập tăng thêm theo quy chế trả lương cho CB, GV và nhân viên. Kết quả đánh giá phân loại cuối năm học là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhân viên, để xét danh hiệu thi đua, xét nâng lương và đề nghị các cấp khen thưởng. Kết quả xếp loại nhân viên của Khoa trong chu kỳ đánh giá đều 100% hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên được Văn phòng trường phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện. Kinh phí để triển khai công tác đào tạo bồi dưỡng được thực hiện theo kế hoạch phân bổ kinh phí hằng năm. Tổng kinh phí chi cho đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên từ nguồn thu của Trường trong giai đoạn 2017-2021 là 374.540.000 đồng. Trong giai đoạn từ 2017 đến 2021 đã có 140 lượt nhân viên được tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Có 10 người được cử đi đào tạo Tiến sĩ, 9 người được cử đi đào tạo Thạc sĩ, 121 lượt nhân viên được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn.

Nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Học viện và các cấp có thẩm quyền.

2. Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Chiến lược phát triển của Trường/Khoa chưa chú trọng đến phát triển đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD; Quy chế tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển chưa được rà soát cập nhật một cách bài bản, kịp thời. Chính sách thu hút đội ngũ nhân viên có năng lực cao về công tác tại trường

chưa được quan tâm đúng mức. Trong các văn bản quy định chưa thể hiện chi tiết việc sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ làm căn cứ đánh giá, đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của nhân viên.

Việc tiến hành tổng kết về tính hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV chưa được thực hiện bài bản để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng. Khảo sát thực tế cho thấy, các khoá bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan trực tiếp đến chuyên môn hay đặc thù công việc mà nhân viên đang đảm nhận còn hạn chế như các khoá tập huấn về chuyển đổi số trong các lĩnh vực cụ thể,...

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viên cần cụ thể hơn về chiến lược phát triển nhân lực trong đó có đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong các chiến lược, đồng thời tiếp tục rà soát tính phù hợp của các vị trí công việc, điều chuyển, bổ sung, phân bổ hợp lý đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD; cần phân tích, làm rõ dự báo hàng năm về quy hoạch đội ngũ nhân viên trong quy hoạch phát triển nhân sự tổng thể của Nhà trường để sát với thực tế nhân lực sử dụng; nên rà soát, điều chỉnh Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển gắn với Đề án vị trí việc làm và Nghị định 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó cần quan tâm đến các chính sách thu hút đội ngũ nhân viên có năng lực cao; nên rà soát, bổ sung các văn bản quy định về việc sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ làm căn cứ đánh giá cũng như đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của nhân viên một cách chi tiết hơn; nên tiến hành tổng kết về tính hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên sau khi đã thực hiện để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng đồng thời cần chú trọng hơn các khoá tập huấn sát với chuyên môn của từng lĩnh vực của nhân viên, chẳng hạn tập huấn chuyển đổi số ứng với các lĩnh vực cụ thể, khóa tập huấn về phát triển CTĐT.

VIII. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Điểm mạnh

Trong giai đoạn đánh giá 2017-2021, Học viện Báo trí và tuyên truyền đã thực hiện chính sách tuyển sinh theo đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Chính sách và quy định về tuyển sinh được công bố công khai tại cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cổng thông tin tuyển sinh của Học viện và tờ rơi quảng bá tuyển sinh, thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện; các hoạt động quảng bá tuyển sinh khác của Học viện diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú như: Tư vấn trực tiếp tại các ngày hội

tư vấn tuyển sinh (AJC open day), tư vấn trực tuyến trên mạng xã hội bằng Livestream; tư vấn tuyển sinh cho học sinh THPT và phụ huynh (tại chỗ, đi đến các tỉnh/thành phố);

Việc xây dựng chính sách tuyển sinh hàng năm Học viện giao cho Trung tâm khảo thí và KĐCLĐT khảo sát ý kiến đóng góp của BLQ, các khoa và các phòng ban liên quan phân tích kết quả tuyển sinh, trình Hội đồng tuyển sinh của Học viện xem xét quyết định cải tiến, điều chỉnh bổ sung chính sách tuyển sinh năm sau cho phù hợp. Cơ sở dữ liệu tuyển sinh của Học viện các năm 2017-2021 được lưu trữ đầy đủ tại các Quyết định trúng tuyển hằng năm.

2. Điểm tồn tại

Chính sách tuyển sinh chưa có sự góp ý đầy đủ của các BLQ; chưa dựa vào kết quả phân tích /dự báo nhu cầu nhân lực chưa thực sự rõ ràng.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có sự góp ý của đầy đủ các BLQ khi thực hiện cải tiến chính sách tuyển sinh hàng năm; cần phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực rõ ràng hơn. Bên cạnh đó, Học viện cũng nên mở rộng hơn nữa các mối quan hệ với các đơn vị bên ngoài thông qua các hoạt động NCKH, trao đổi sinh viên, hội nghị, hội thảo nhằm quảng bá hình ảnh Học viện, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Học viện nói chung và của ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản nói riêng.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Điểm mạnh

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện đã xây dựng Đề án và Thông báo tuyển sinh hàng năm có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được rõ ràng; có quy trình xây dựng phương án xét tuyển và các tiêu chí tuyển sinh gồm 3 bước: (b1) Khoa đào tạo khảo sát, lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia, cựu SV để tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát và ý kiến đóng góp; đề xuất Hội đồng tuyển sinh Học viện tiêu chí và phương thức tuyển chọn SV theo ngành đào tạo (b2) Trên cơ sở đó, Hội đồng Tuyển sinh Học viện sẽ đánh giá tiêu chí và quyết định phương thức tuyển chọn SV theo ngành đào tạo; (b3) Bộ phận Tuyển sinh - Ban QLĐT thực hiện trong công tác tuyển sinh. Tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học vào hệ đào tạo chính quy của ngành đào tạo được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được xác định, ghi rõ trong Đề án tuyển sinh - công bố công khai hàng năm trên trang website tuyển sinh của Học viện.

Hàng năm, sau mỗi kỳ tuyển sinh, khoa đào tạo sẽ phân tích kết quả tuyển sinh, đánh giá mức độ phù hợp với tiêu chí tuyển sinh (bao gồm: số thí sinh đăng ký vào CTĐT, số trúng tuyển, tỷ lệ cạnh tranh, số nhập học thực tế, điểm tuyển đầu vào/ thang điểm, điểm trung bình của SV được tuyển) nếu chưa phù hợp sẽ đề xuất Hội đồng Tuyển sinh Học viện họp tiến hành rà soát, đánh giá, cải tiến, điều chỉnh tiêu chí và phương thức tuyển chọn thí sinh cho kỳ tuyển sinh tiếp theo. Trong chu kỳ đánh giá, số lượng SV nhập học thực tế của ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản vẫn được đảm bảo chỉ tiêu, có xu hướng ổn định. Cơ sở dữ liệu tuyển sinh của Học viện các năm 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021 được lưu trữ đầy đủ.

2. Điểm tồn tại

Qua nghiên cứu Hồ sơ minh chứng, cho thấy việc triển khai lấy ý kiến đóng góp của BLQ về phương pháp và tiêu chí tuyển sinh của Học viện nói chung, ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản nói riêng chưa thực hiện đầy đủ.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần triển khai lấy ý kiến đóng góp từ các BLQ về phương pháp và tiêu chí tuyển sinh của Học viện nói chung, ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản nói riêng đầy đủ;

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành chương trình đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của các ngành (trong đó có ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản) từ năm 2014. Quy chế/quy định đào tạo tín chỉ (số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017), Năm 2018, 2020 có điều chỉnh (số 4950-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Số 3911-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020). Các văn bản trên đều quy định rõ khối lượng học tập của sinh viên; phân công bộ phận chuyên trách giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên và cảnh báo học vụ; các văn bản trên đều được tập hợp trong Sổ tay SV. Tham gia vào hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV là đội ngũ chuyên viên VPK, CVHT và các chuyên viên Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV; ban hành Quy định công tác CVHT và bổ nhiệm CVHT hàng năm; Ban QLĐT được giao nhiệm vụ là đơn vị quản lý, hỗ trợ các hoạt động dạy, học và kết quả học tập của SV; Phòng CTCT&HT SV là đơn vị quản lý các hoạt động rèn luyện và kết quả rèn luyện của SV; có quy trình/quy định về việc giám

sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH, đó là sự kết hợp giữa Hệ thống các văn bản, các công cụ phương tiện hỗ trợ (phần mềm đào tạo Maxman) và các chủ thể hoạt động giám sát; cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của NH được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần ((1) họp khoa, trong đó có nội dung về công tác đào tạo, công tác SV, công tác NCKH, (2) họp phản ánh SV.

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện bởi nhiều bộ phận khác nhau, qua công cụ là phần mềm Maxman Học viện đã có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện đầy đủ, hiệu quả; hệ thống giám sát phù hợp và áp dụng liên tục đã giúp NH có kết quả trong học tập và rèn luyện tiến bộ dần qua các năm học: Tỷ lệ yếu kém và trung bình của SV năm cuối giảm hơn nhiều so với năm thứ nhất; tỷ lệ đạt loại giỏi, xuất sắc cũng tăng dần theo các năm, tỷ lệ SV ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản hoàn thành chương trình học đúng tiến độ (4 năm) trong chu kỳ đánh giá khá cao. Học viện có hệ thống phần mềm đào tạo Maxman phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của người học đầy đủ, chính xác, kịp thời và hiệu quả. Tỷ lệ số SV thuộc diện thôi học thấp: 11,42% (2017); 6,66% (2019); 7,14% (2021); tỷ lệ số SV thuộc diện cảnh báo học vụ cũng giảm nhiều: 5,35% (2020).

2. Điểm tồn tại

Học viện chưa xây dựng quy trình giám sát kết quả học tập, rèn luyện, tỷ lệ học vượt của người học; số liệu thống kê cho thấy, trong chu kỳ đánh giá, vẫn còn tình trạng sinh viên bỏ học, học quá thời hạn, tốt nghiệp muộn.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần xây dựng quy trình giám sát kết quả học tập, rèn luyện, tỷ lệ học vượt của người học; cần tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học để giảm thiểu tình trạng sinh viên bỏ học, học quá thời hạn, tốt nghiệp muộn.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành các văn bản liên quan đến quy chế, quy định các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học: Quy định đào tạo ĐH hình thức chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của phòng CTCT và HTSV; phân công bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và

các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH là đội ngũ chuyên viên VPK, CVHT và các chuyên viên Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV; ban hành Quy định công tác CVHT bậc ĐH hệ chính quy và bổ nhiệm CVHT hằng năm.

Học viện phân công Khoa đào tạo và phòng CTCT&HTSV chịu trách nhiệm tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ nghề nghiệp cho SV để tăng cường kiến thức thực tiễn và kỹ năng, nghiệp vụ nhằm nâng cao cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp; có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập, và tăng cường kỹ năng mềm cho SV ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản và các ngành khác trong Khoa và Học viện. Các hoạt động ngoại khóa được tổ chức theo kế hoạch và có báo cáo kết quả thực hiện như: Kế hoạch tổ chức cuộc thi tuyển chọn MC Speak up; kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng mềm cho SV năm học 2017-2018; kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng tháng thanh niên năm 2019; kế hoạch tổ chức hoạt động “Tuổi trẻ Học viện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2020”; kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng mềm năm học 2020-2021; Học viện tổ chức các CLB với đa dạng các lĩnh vực hoạt động, đáp ứng nhu cầu của SV các chuyên ngành thuộc các khoa chuyên môn: đội Văn nghệ Xung kích, CLB Thanh niên vận động hiến máu AJC, CLB Võ thuật, CLB Guitar, CLB Bóng rổ, ... Các hoạt động thi đua, tình nguyện, ngoại khóa như: mùa hè xanh, phục vụ tuyển sinh đại học, hiến máu nhân đạo, các giải bóng đá nam nữ SV, cắm trại, văn nghệ, Phút cuối, Nhật ký 20, các kỳ thi (Olympic tiếng Anh); Các hoạt động thực hành nghề nghiệp tại các CLB đội nhóm thì có: Câu lạc bộ Nhà kinh tế trẻ, Chương trình thực hành kinh doanh và khởi nghiệp....

Học viện và khoa có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH như: thực tế môn học, thực tế chính trị - xã hội, kiến tập trong nước/nước ngoài, thực tập, định hướng/cơ hội nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng viết CV, phỏng vấn xin việc, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và trả lời phỏng vấn xin việc bằng tiếng Anh... các buổi hội thảo, tọa đàm KH về triển vọng nghề nghiệp cho SV ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản hoặc lồng ghép nội dung này trong các HTKHSV. Mặt khác, Khoa còn chú trọng đến việc liên hệ với các cơ sở kiến tập, thực tập là các cơ quan, doanh nghiệp để giúp SV có cơ hội đến học tập thực tế, học hỏi kinh nghiệm làm việc, tiếp xúc trực tiếp với những NTD trong tương lai, rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết.

Hàng năm, Học viện, Khoa đều có báo cáo, phân tích, đánh giá về các hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác; trên cơ sở đó tiếp tục phát huy những điểm mạnh và có giải pháp hạn chế tồn tại nhằm hỗ trợ tốt nhất cho SV. Trong 3 năm 2018, 2019 và 2020 qua khảo sát về tình trạng việc làm sau khi tốt nghiệp cho thấy tỷ lệ SV ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản tốt nghiệp có việc làm khá cao, trung bình sau một năm tốt nghiệp SV có việc làm đạt 100%, trong đó đúng chuyên ngành là 40%. Qua

phỏng vấn trực tiếp cho thấy, đối tượng là NH và NH tốt nghiệp đều hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Học viện và Khoa Xuất bản.

2. Điểm tồn tại

Học viện và Khoa Xuất bản chưa có kế hoạch kiểm tra giám sát và đánh giá kết quả hoạt động của đội ngũ CVHT.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện và khoa cần có kế hoạch định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả của đội ngũ CVHT.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Điểm mạnh

Học viện có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái cho NH và GV thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Cảnh quan trong Học viện sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh an toàn, tạo sự thuận lợi cho NH, CC, VC và NLD trong các cơ sở đào tạo. Học viện ban hành Quy định về Văn hoá học đường và quy tắc ứng xử văn hoá trong Học viện; các nội quy/quy tắc ứng xử trong khuôn viên trường được thực hiện một cách đồng bộ và được sinh viên, học viên cán bộ thực hiện nghiêm túc. Học viện có Quy định về môi trường lành mạnh, giáo dục an toàn lành mạnh, thân thiện; ban hành quy định phòng chống bạo lực học đường số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017, nội quy Phòng cháy, chữa cháy; có kế hoạch tổ chức tập huấn nghiệp vụ và diễn tập PCCC hằng năm; mạng lưới y tế, công tác bảo hiểm, công tác khám sức khỏe và truyền thông sức khỏe được thực hiện đảm bảo đúng quy định và được tổng kết, đánh giá hằng năm. Công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy được thực hiện đầy đủ và có biên bản. Các Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy các năm 2020, 2019, 2018, 2017 đều có kết luận: Phương tiện đảm bảo cho công tác PCCC, các phòng học thông thoáng, hệ thống điện được lắp đặt đúng kỹ thuật.

Hằng năm sinh viên Học viện trong đó có sinh viên ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản được lấy ý kiến đánh giá về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan sư phạm của Học viện và Khoa theo phiếu khảo sát chung của học viện. Kết quả thống kê cho thấy hầu hết sinh viên hài lòng về cảnh quan môi trường của Học viện, khoa rất cao.

2. Điểm tồn tại

Qua khảo sát thực địa tại Học viện cho thấy, không gian tổ chức các hoạt động CLB, sinh hoạt đội nhóm cho SV còn chật hẹp; phòng vấn SV ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản cho thấy chưa bố trí được không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản và các ngành khác trong Học viện.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần tạo thêm không gian tổ chức cho các hoạt động CLB, sinh hoạt đội nhóm cho SV; cần bố trí thêm không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản và các ngành khác.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện có đề án tuyển sinh bao gồm các chính sách và quy định tuyển sinh cụ thể đối với từng ngành đào tạo. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng được xây dựng căn cứ Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, được cập nhật hằng năm và được công khai trên các phương tiện thông tin... có bộ phận chuyên trách và các quy trình/quy định giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH và cảnh báo học vụ, tư vấn việc làm và tư vấn hỗ trợ NH trong học tập, NCKH. Có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ và thôi học của NH.

Hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua và nhiều dịch vụ hỗ trợ khác đã khuyến khích SV phấn đấu học tập, NCKH cũng như tu dưỡng, rèn luyện để đạt được những thành tích tốt trong học tập, NCKH; SV còn được học tập, nghiên cứu, rèn luyện và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường cảnh quan, xã hội và tâm lý thuận lợi.

2. Điểm tồn tại **ở cơ bản của CTĐT**

Học viện chưa phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản sát với đối tượng mà Khoa đang đào tạo để có những điều chỉnh trong đề án tuyển sinh hằng năm; chưa mở rộng các mối quan hệ với các đơn vị bên ngoài thông qua các hoạt động NCKH, trao đổi sinh viên, hội nghị, hội thảo nhằm quảng bá hình ảnh Học viện, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Học viện nói chung và của ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản nói riêng; chưa triển khai lấy ý kiến đóng góp từ đội ngũ giảng viên, nhân viên của khoa về phương thức xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh của Học viện nói chung, chuyên ngành nói riêng; chỉ thực hiện khảo sát lấy

ý kiến của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện, chưa mở rộng phạm vi và đối tượng khảo sát để có kết quả khách quan hơn.

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viện và Khoa cần tiếp tục phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản sát với đối tượng mà Khoa đang đào tạo để có những điều chỉnh trong đề án tuyển sinh hằng năm; nên mở rộng hơn nữa các mối quan hệ với các đơn vị bên ngoài thông qua các hoạt động NCKH, trao đổi sinh viên, hội nghị, hội thảo nhằm quảng bá hình ảnh Học viện, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Học viện nói chung và của ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản nói riêng; cần triển khai lấy ý kiến đóng góp từ đội ngũ giảng viên, nhân viên của khoa về phương thức xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh của Học viện nói chung, chuyên ngành nói riêng; cần tạo thêm không gian tổ chức cho các hoạt động CLB, sinh hoạt đội nhóm cho SV; cần bố trí thêm không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản và các ngành khác.

IX. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Điểm mạnh

Học viện/Khoa Xuất bản có đủ hệ thống phòng làm việc (86 phòng) tại tòa nhà 11 tầng, phòng học (90 phòng học lí thuyết gồm 24 phòng học đến 50 chỗ ngồi, 53 phòng đến 100 chỗ, 07 phòng đến 200 chỗ và 01 hội trường trên 200 chỗ ngồi) và 01 phòng học trực tuyến, 60 phòng làm việc chung cho giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu; 02 phòng họp trực tuyến; phòng học rộng rãi (trung bình 6,7m²/SV), thoáng mát, có trang thiết bị phù hợp cho hoạt động đào tạo của Học viện nói chung và cho ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản nói riêng.

Văn phòng Khoa Xuất bản gồm 01 phòng làm việc cho Trưởng khoa (có diện tích là 25,9 m²), 01 phòng làm việc cho Phó Trưởng khoa (diện tích 25,9 m²), 01 văn phòng khoa (gồm cả cho đón tiếp người học) có diện tích 51,8 m² tại Tầng 8 Nhà A1 được trang bị đầy đủ các trang thiết bị văn phòng, có kết nối mạng Internet bằng dây và wifi; có nội qui sử dụng tài sản, trang thiết bị trong các phòng học và phòng thực hành do Văn phòng theo dõi hiệu quả sử dụng phục vụ cho đào tạo, NCKH và PVCĐ. Việc bố trí phòng học hợp lí đã đáp ứng tốt yêu cầu sử dụng phòng học cũng như các hoạt động hỗ trợ đào tạo như học nhóm, tự học... Học viện thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi từ GV và NH. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ GV hài lòng về thiết bị phòng học tăng từ 40,0% năm 2020 lên 71,4% năm 2021; tỉ lệ NH hài lòng về thiết bị phòng học tăng từ 71,1 năm 2020 lên 92,3% năm 2021. Học viện đã tổng hợp và đề xuất kế hoạch duy tu,

bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị cần thiết cho phòng học, phòng thực hành và các phòng chức năng của Khoa phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc (điện, quạt, điều hòa không khí, bảng chống lóa, bàn, ghế, tủ làm việc, máy tính nối mạng, hệ thống chiếu sáng, thông gió, thiết bị an toàn...). Trong phòng học, hội trường có trang bị máy chiếu, hệ thống âm thanh, camera, bàn ghế phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ cho CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản. Văn phòng Khoa Xuất bản được trang bị 07 bàn làm việc (06 bàn dưới 1,4 mét và 01 bàn trên 1,4 mét), 03 bàn máy tính, 03 máy in, 03 máy tính để bàn, 04 tủ gỗ và 05 tủ sắt...

2. Điểm tồn tại

Phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (Smart Class) còn ít.

Một số phòng học đang sử dụng bàn đôi (khó di chuyển khi bố trí lại phòng học để tổ chức các hoạt động dạy học tích cực).

Phòng tự học chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu của SV vào mùa thi.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Tăng cường số lượng phòng học dạng smart class hướng đến mục tiêu chuyển đổi số trong giáo dục và “Giáo dục 4.0”.

Cần trang bị bàn đơn cho các phòng học và bố trí phòng học hợp lí hơn cho việc tự học vào mùa thi.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Điểm mạnh

Học viện/Khoa có thư viện (thư viện điện tử Kipos phiên bản 6.X với 04 module cơ bản: biên mục tài liệu, lưu thông tài liệu, quản lí ấn phẩm và công thông tin điện tử để quản lí toàn bộ các tài liệu in có trong thư viện qua mã vạch và thư viện số Dspace tại địa chỉ truy cập thuvienajc.hema.vn), phòng đọc tại Trung tâm Thông tin khoa học (Tòa nhà 3 tầng) với diện tích là 3.000m², gồm 10 phòng đọc, 5 phòng phục vụ và 300 chỗ ngồi, có bàn ghế, 48 máy tính tra cứu tiện lợi phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản.

Thư viện, phòng đọc của Học viện/Khoa có nội qui và hướng dẫn rõ ràng như các qui định về mượn, trả tài liệu, qui định về xử phạt, qui định về việc sử dụng và thời gian mở cửa (từ thứ Hai đến thứ Bảy (phòng mượn chỉ làm việc đến thứ Sáu) Thư viện mở

cửa phục vụ bạn đọc từ 7h30 đến 11h30 và 13h00 đến 17h00), được trang bị các trang thiết bị để hoạt động như máy tính để tra cứu thuận tiện, bàn đọc, khu tự học rộng rãi.

Ngoài ra, Khoa Xuất bản có Tủ sách riêng với những nguồn tài liệu (68 tài liệu) về các đơn vị xuất bản, kinh tế xuất bản, xã hội hoá và thương mại hoá xuất bản, quyền tác giả quyền liên quan trong xuất bản, lí luận và thực tiễn xuất bản ... với hàng chục đầu luận văn phục vụ GV và NH ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản tham khảo trong học tập và NCKH; có 278 đầu sách/3446 bản học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo; 301 tài liệu số; 55 luận văn, cơ bản bảo đảm qui định về sở hữu trí tuệ và phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo (52 học phần) và NCKH của GV, NH ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản. Vào đầu năm học, Học viện/Khoa hướng dẫn sử dụng Thư viện và cung cấp tài khoản truy cập thư viện cho người học.

Các tài liệu, học liệu (bản điện tử) của Học viện/Khoa tương đối được cập nhật, cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH. Hàng năm, Học viện đầu tư cho mua mới học liệu phục vụ đào tạo ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản hàng chục triệu đồng (tính cho giai đoạn đánh giá (2017-2021) là 79,4; 28,0; 66,0; 19,7; 104,6 triệu đồng); có dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện gồm Sổ theo dõi bạn đọc truyền thống để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Học viện có khảo sát sự hài lòng của độc giả về mức độ phù hợp của Thư viện, kết quả khảo sát có 87,0% người học năm 2018 và 86,5% năm 2021 hài lòng về thư viện và học liệu.

2. Điểm tồn tại

Một số tài liệu, giáo trình đang là “tài liệu lưu hành nội bộ”; việc hướng dẫn NH khai thác thư viện số hiệu quả chưa cao (một số SV khai thác thư viện số chưa hiệu quả).

Công tác mở rộng hợp tác, liên kết với các thư viện trên cả nước và các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa đạt như kì vọng.

Phần mềm quản lí thư viện Kipos của Học viện mới chỉ có 04 module cơ bản, chưa có chức năng thống kê số lượng sách theo ngành, theo năm; chỉ có 01 máy khử từ.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Tăng cường việc kết nối nguồn dữ liệu học liệu số với các trường đại học, tổ chức khác trên cả nước và nâng cao hiệu quả việc khai thác dữ liệu.

Đảm bảo chất lượng học liệu thông qua thúc đẩy việc xuất bản tài liệu lưu hành nội bộ và cập nhật tài liệu học tập thường xuyên hơn.

Tăng số máy khử từ đủ cho phòng mượn tại mỗi tầng của tòa nhà Thư viện; cần đầu tư thêm chức năng thống kê số lượng sách theo ngành, theo năm cho Phần mềm quản lí thư viện Kipos để phục vụ quản lí, báo cáo và KĐCLGD được tiện lợi.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh

Học viện có 06 phòng thực hành tin học, 03 phòng Lab có trang thiết bị học ngoại ngữ và 11 phòng thực hành kỹ năng nghề nghiệp dùng chung cho các ngành đào tạo của Học viện. Khoa Xuất bản có phòng thực hành Xuất bản (P. 305) được trang bị 28 bộ máy tính để bàn kèm tai nghe, webcam, máy chiếu projector, máy ảnh, máy scan, máy in, máy phôtô và bộ âm thanh. Khoa sử dụng các phòng thực hành để rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV chuyên ngành Biên tập xuất bản như cơ sở truyền thông quốc tế, tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại, lễ tân ngoại giao, giao tiếp và đàm phán, nghệ thuật phát ngôn đối ngoại. Do tính chất của ngành học Xuất bản - Biên tập xuất bản, một số tiết học thực hành có thể thực hiện tại lớp học. Học viện có các phòng chức năng được trang bị đầy đủ âm thanh, ánh sáng, màn hình LED để phục vụ cho người học tổ chức sự kiện, tranh biện... kỹ năng mềm.

Học viện có Quy định về quản lý, sử dụng các phòng thực hành (ví dụ Quyết định số 368/QĐ-HVBCCTT ngày 11/02/2020), trong đó nêu rõ mục đích, nguyên tắc, nội dung, qui trình sử dụng phòng thực hành cũng như công tác kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm. Trang thiết bị trong phòng thực hành của Khoa Xuất bản được Văn phòng (Bộ phận Thực hành và Hỗ trợ đào tạo) chủ trì việc định kì duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp (từ 600 triệu năm 2020 đến hơn 2 tỉ đồng năm 2017) để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH của ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản.

Học viện có nhân viên (thuộc Bộ phận Thực hành và Hỗ trợ đào tạo của Văn phòng Học viện) phụ trách phòng thực hành; có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị của phòng thực hành.

Định kì, Học viện và Khoa Xuất bản thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV và NH về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết GV và NH hài lòng về trang thiết bị và các dịch vụ của Học viện. Chẳng hạn, năm 2021, 74.7% GV và 89,5 SV hài lòng về CSVC cho thực hành.

2. Điểm tồn tại

Kỹ năng khai thác, sử dụng các trang thiết bị thực hành của một số GV chưa thực sự thành thạo.

Việc phân tích kết quả khảo sát sự hài lòng của GV, người học về mức độ phù hợp của phòng thực hành chưa thực sự hiệu quả do sử dụng phiếu hỏi chung cho người học toàn Học viện mà chưa có các câu hỏi riêng đối với ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần tăng cường kỹ năng khai thác, sử dụng các trang thiết bị thực hành cho GV thực sự thành thạo nhằm nâng cao hiệu quả rèn nghề cho NH; cần cải tiến việc thiết kế phiếu hỏi cho hoạt động khảo sát sự hài lòng của GV, người học ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản về mức độ phù hợp của phòng thực hành nghiệp vụ để có đủ cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 9.4. Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống CNTT bao gồm hệ thống 03 máy chủ IBMX3500 M4 có bộ vi xử lý IntelXeonE5-2609 (2.4 GHz, 10M Cache, 4C/4T, Dual LGA 2011) để quản lý CSDL, quản lý các phần mềm quản lý và quản lý cổng thông tin sinh viên; 610 máy tính có cài đặt phần mềm và được nối mạng, gồm cả 06 phòng thực hành máy tính dùng chung, 99 máy chiếu projectors (Khoa Xuất bản được trang bị riêng 03 máy tính để bàn, 03 máy in) dùng cho văn phòng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH.

Hệ thống CNTT của Học viện hoạt động ổn định, an toàn (Học viện sử dụng 02 hệ đường truyền internet Leased Line do FPT cung cấp có tốc độ 6Mbps truyền đi quốc tế, 300Mbps truyền trong nước phục vụ công tác quản lý và 04 kênh FTTH do FPT và VNPT cung cấp có tốc độ 100Mbps/kênh) để hỗ trợ các hoạt động quản lý, đào tạo và NCKH; có các biện pháp bảo vệ an toàn, an ninh dữ liệu như hệ thống tường lửa (2 thiết bị Palo alto PA-500) cho hệ thống mạng LAN, phần mềm diệt virus bản quyền cho các máy chủ, chia VLAN mạng nội bộ, phân vùng wifi kèm đặt mật khẩu truy cập...

Công tác tin học hoá các hoạt động quản lý của Học viện đã bước đầu được chú trọng, như sử dụng 06 phần mềm quản lý các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Học viện. Ngoài ra, Học viện còn sử dụng Microsoft Teams để giảng dạy, KTĐG và quản lý việc dạy học trực tuyến (có Quy định về công tác tổ chức kì thi học phần theo hình thức trực tuyến dành cho sinh viên đại học chính qui tập trung gồm 12 trang; Hướng dẫn coi thi trực tuyến trên phần mềm Teams gồm 04 trang và Hướng dẫn thi trực tuyến trên phần mềm Teams gồm 04 trang).

Hệ thống CNTT của Học viện/Khoa được định kì sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật thông qua việc kí kết các hợp đồng kinh tế hạ tầng mạng, cung cấp bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp, sửa chữa hệ thống CNTT hàng năm để hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và NCKH. Trong thời gian Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài làm việc, tốc độ wifi tại phòng làm việc của Đoàn ổn định, đáp ứng yêu cầu công việc.

Học viện/Khoa đã lấy ý kiến phản hồi của NH về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ của hệ thống CNTT. Kết quả cho thấy mức độ hài lòng của NH về hệ thống CNTT tăng từ 71,1% năm 2020 đến 92,3% năm 2021.

2. Điểm tồn tại

Chưa có phần mềm quản lý tương tác giữa GV và NH trong dạy-học trực tuyến (việc quản lý, giám sát đánh giá online chưa thực sự hiệu quả); chưa có phòng studio để sản xuất học liệu e-learning riêng (đang dùng chung với phòng thực hành nghề).

Chưa có phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác KĐCLGD; việc số hóa minh chứng/văn bản còn hạn chế.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần phát triển phần mềm quản lý giảng dạy trực tuyến để quản lý, giám sát tương tác giữa dạy và học, KTĐG trực tuyến; trang bị phòng studio để sản xuất học liệu e-learning; cần tăng cường tin học hóa (ứng dụng CNTT) trong quản lý và đào tạo, đặc biệt hoàn thiện phần mềm quản lý tổng thể (Single Sign on) để việc sử dụng, quản lý được thuận tiện; cần phát triển phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác kiểm định; tăng cường việc số hóa minh chứng/văn bản.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Điểm mạnh

Học viện áp dụng qui định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe theo Nghị định 80/2017/NĐ-CP (chưa có qui định riêng); có các qui định, nội qui về an ninh, an toàn, trật tự, phòng chống cháy nổ được bố trí trong khuôn viên, giảng đường, phòng thực hành... để toàn thể CB, GV, NV, NH biết và thực hiện; Học viện có kí túc xá (độc lập), khu thể thao, căng-in (xã hội hóa), trạm y tế (04 phòng, có phòng lưu bệnh nhân trong vòng 12 giờ) rộng rãi, thoáng mát, sạch sẽ, tiện dụng; cảnh quan môi trường thoáng đãng (5,6ha), xanh, sạch, đẹp: khuôn viên Học viện thiết kế như công viên với 497 cây xanh các loại (360 cây bóng mát, 137 cây cảnh), 241 chậu cảnh, 04 bể cảnh và khoảng 2.576m² thảm cỏ xanh.

Các qui định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện như môi trường sinh thái và môi trường học tập, công tác y tế học đường, công tác đảm bảo an toàn cho người học, vệ sinh an toàn thực phẩm; phối hợp với Cảnh sát PCCC tập huấn cho CB, GV và người học về kiến thức, pháp luật PCCC; thường xuyên tự kiểm tra, phát hiện và khắc phục những sơ hở, thiếu sót về PCCC, triển khai các hoạt động liên quan đến phòng chống cháy nổ trong khuôn viên Học viện. Để việc di chuyển

và sinh hoạt thuận lợi cho mọi đối tượng, Học viện có hệ thống lối đi thân thiện, có độ dốc ít dành cho người khuyết tật.

Học viện đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi của GV và NH định kỳ về môi trường, sức khỏe và an toàn với tỉ lệ hài lòng khá cao (kết quả khảo sát năm 2021 cho thấy có 85,4% NV, 85,7 GV và 96,2 SV hài lòng về môi trường tâm lí, xã hội; 91,2 SV hài lòng về môi trường cảnh quan sư phạm).

2. Điểm tồn tại

Học viện chưa cụ thể hóa qui định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn; chưa có phân loại rác thải ban đầu (thùng đựng rác thải tái chế, thùng đựng rác thải hữu cơ, thùng đựng chai/lọ thủy tinh, thùng đựng pin).

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần cụ thể hóa Nghị định 80/2017/NĐ-CP và Thông tư 38/2019/TT-BLĐTBXH thành qui định riêng của Học viện về tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn; cần trang bị dụng cụ (thùng đựng) để phân loại rác thải ban đầu để giảm tải cho các bãi rác/nhà máy xử lí, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Có đủ hệ thống phòng làm việc (86 phòng), phòng học (90 phòng) và phòng học trực tuyến (01), phòng thực hành tin học (06), phòng lab học tiếng (03), phòng chức năng và phòng làm việc dùng chung cho giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu (60); hệ thống CNTT, KTX, thư viện, căng-tin, khu thể thao phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ; thư viện số và thư viện điện tử có đủ tài liệu học tập. Công tác tin học hoá việc quản lí trường học và an toàn dữ liệu bước đầu được chú trọng. Tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Kết quả khảo sát sự hài lòng về mức độ phù hợp của CSVC, chất lượng phục vụ, về môi trường, sức khỏe và an toàn đạt cao.

2. Điểm tồn tại **cơ bản của CTĐT**

Phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (Smart Class) của Học viện còn ít. Việc hợp tác, liên kết với các thư viện của CSGD khác và các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa đạt như kì vọng; phần mềm quản lí thư viện Kipos chưa có chức năng thống kê số lượng sách theo ngành, theo năm; đang sử dụng nhiều tài liệu nội bộ (chưa xuất bản). Kỹ năng khai thác, sử dụng các trang thiết bị thực hành của một số GV chưa thực sự thành thạo. Chưa có phần mềm quản lí tương tác giữa GV và NH trong dạy-học trực

tuyến, việc sản xuất học liệu e-learning còn hạn chế; chưa có phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác kiểm định.

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Tăng số lượng phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (Smart Class). Tăng cường việc kết nối nguồn dữ liệu học liệu số với các trường đại học khác và nâng cao hiệu quả việc khai thác dữ liệu số; đầu tư thêm chức năng thống kê số lượng tài liệu theo ngành, theo năm cho phần mềm quản lý thư viện Kipos; rà soát ĐCHP thường xuyên hơn để bổ sung, cập nhật tài liệu học tập; tăng số máy khử từ. Tăng cường kỹ năng khai thác, sử dụng các trang thiết bị thực hành cho GV. Phân tích kết quả khảo sát sự hài lòng của GV, người học về mức độ phù hợp của phòng thực hành một cách hiệu quả hơn. Đầu tư phần mềm quản lý tương tác giữa GV và người học trong dạy-học trực tuyến, tăng cường sản xuất học liệu e-learning; phát triển phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác kiểm định.

X. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện lấy ý kiến của các BLQ trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH: Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào; Quy trình xây dựng và đánh giá CTĐT Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ.

Học viện đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ làm căn cứ để xây dựng, điều chỉnh cải tiến CTDH; thành lập Trung tâm KT&KDCLĐT (QĐ số 876/QĐ-HVCT-HVQG ngày 26/4/2012) làm đầu mối triển khai hoạt động khảo sát phản hồi ý kiến của các BLQ về chất lượng đào tạo.

Quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT ban hành CTĐT gồm 10 bước: yêu cầu tổ chức lấy ý kiến các BLQ gồm CB quản lý, GV, NTD và cựu SV. Trung tâm KT&KDCLĐT phối hợp cùng với Ban QLĐT, Phòng CTSV hỗ trợ, hướng dẫn các khoa thu thập thông tin bằng các biểu mẫu và qui trình khảo sát ý kiến các BLQ.

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ của ngành Xuất bản được thu thập, xử lý và sử dụng để phát triển CTDH, thông qua ý kiến của một số GV, NTD, SV và cựu SV vào năm 2018, 2019, 2020 và 2021. Ngoài ra, Khoa cũng sử dụng phiếu khảo sát ý kiến NTD, cựu SV và SV về số tín chỉ cần thiết và hợp lý của các HP. Kết quả khảo sát các NTD năm 2020 cho thấy 91,7% NTD được khảo sát hài lòng với chất lượng SV tốt nghiệp từ ngành Xuất bản -HVBC&TT với mức hài lòng tổng thể với chất lượng SV tốt nghiệp trung bình 4,0/5 với các tiêu chí kiến thức, kỹ năng chuyên ngành; kỹ năng

chung; phẩm chất cá nhân và năng lực tự chủ.

Trên cơ sở sử dụng kết quả phản hồi của các BLQ, Học viện đã triển khai rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện/đánh giá, cập nhật CTĐT; CTĐT ngành Xuất bản được rà soát, cập nhật định kỳ vào các năm 2016, 2018, 2020. Qua các lần rà soát, CTĐT đã được điều chỉnh cần thiết đáp ứng yêu cầu của NTD về chuyên môn nghiệp vụ đối với cử nhân ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản.

2. Điểm tồn tại

Việc tổ chức khảo sát lấy ý kiến của NTD về mức độ hài lòng đối với chất lượng đào tạo của HVBC&TT chưa được tổ chức thường xuyên, số lượng NTD được mời tham gia ý khảo sát và có ý kiến phản hồi còn hạn chế ảnh hưởng đến tính chính xác của kết quả đánh giá.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Học viện cần tăng số lượng NTD góp ý về CTĐT nhằm thu thập được nhiều dữ liệu phục vụ tốt hơn cho việc thiết kế và phát triển CTDH.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh

Học viện đã xây dựng quy trình thiết kế và phát triển về xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT. Việc thiết kế và phát triển CTDH đã được cải tiến. Quy trình năm 2018 gồm 9 bước, quy trình năm 2020 gồm có 10 bước: từ bước Đề xuất đánh giá/ cập nhật CTĐT; Lập kế hoạch đánh giá/cập nhật CTĐT; Lấy ý kiến các BLQ ...cho đến phê duyệt và ban hành CTĐT; Việc rà soát, cập nhật điều chỉnh CTĐT thực hiện định kỳ 2 năm/lần theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Học viện đã lập các kế hoạch điều chỉnh CTĐT theo hệ thống tín chỉ; Kế hoạch rà soát CTĐT năm 2020 và ban hành văn bản hướng dẫn rà soát CTĐT đại học; đã xem xét, đánh giá hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH và cải tiến cách thức thực hiện bằng cách lấy ý kiến của các GV, NTD, Chuyên gia, SV, cựu SV và ý kiến phản hồi của các SV về các môn học sau mỗi cuối học kỳ, SV cuối khoá sau khi học xong chương trình thông qua các biểu mẫu khảo sát về chất lượng giờ giảng và môn học về chất lượng đào tạo; về CTDH...

Căn cứ vào ý kiến đóng góp của các BLQ, các buổi toạ đàm, hội thảo và phân tích kết quả khảo sát về CTDH, Học viện đã chỉnh sửa CTDH, tổ chức nghiệm thu và ban hành theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn của Học viện (BB họp hội đồng khoa toạ đàm về CTĐT và các đề cương học phần; BB Hội thảo khoa học

định hướng đổi mới CTĐT ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản; BB Bản giải trình cải tiến CTĐT các năm 2018, 2020)

2. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến về thiết kế và phát triển CTDH còn hạn chế về đối tượng, chỉ thực hiện khảo sát đối với các GV cơ hữu, chưa lấy ý kiến của GV kiêm nhiệm và GV hợp đồng. Kết quả khảo sát mang tính thống kê chưa có những đánh giá cụ thể chi tiết.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện mở rộng đối tượng lấy ý kiến khảo sát của tất cả các GV tham gia giảng dạy các môn học về quy trình thiết kế và phát triển CTDH, không phân biệt GV kiêm nhiệm hay GV Hợp đồng; cần tổ chức phân tích, đánh giá các dữ liệu thu thập được sau khảo sát để có căn cứ đề xuất các phương pháp cải tiến phù hợp, phục vụ tốt hơn cho việc cải tiến CTDH.

4. Những điểm chưa rõ: Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành văn bản quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT và thường xuyên rà soát, đánh giá, cập nhật và điều chỉnh CTĐT, CĐR, phương pháp KTĐG kết quả học tập của SV và các văn bản hướng dẫn thiết kế phương pháp KTĐG học phần; Hướng dẫn xây dựng CĐR CTĐT; Quy định về đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi.

Học viện đã quy định chức năng nhiệm vụ của một số đơn vị chức năng: Ban QLĐT; Trung tâm KT & ĐBCLĐT trong đó nêu rõ các nhiệm vụ liên quan đến việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập của SV như Quy trình ra đề thi, quản lý và in sao đề thi, trong đó có các yêu cầu cụ thể về đề thi phải bao quát chương trình môn học, phải đánh giá được mức độ đạt mục tiêu và CĐR của các học phần; đề thi phải có kết cấu câu hỏi hợp lý giữa các câu hỏi và đảm bảo tính đồng đều và độ khó giữa các đề thi, tương thích với lượng thời gian làm bài quy định đối với học phần đó.

Học viện đã ban hành các văn bản quy định và hướng dẫn thiết kế và sử dụng phương pháp dạy học đáp ứng CĐR; Hướng dẫn thiết kế phương pháp KTĐG học phần; xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi. Các hình thức đánh giá, các bước của quá trình đánh giá từ khâu xây dựng ngân hàng đề thi, xây dựng đề thi, coi thi, chấm thi..được thực hiện đúng theo các quy định và hướng dẫn.

Học viện đã triển khai rà soát, đánh giá thường xuyên việc dạy và học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra, việc sử dụng các phương pháp giảng dạy

và học tập, KTĐG SV thông qua việc tổ chức Hội nghị đào tạo vào cuối năm học (BC tổng kết các năm học); định kì thực hiện khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV; các hoạt động dự giờ lên lớp của Khoa/ bộ môn (BB họp dự giờ GV của Khoa; Kết quả theo dõi kiểm tra việc giảng dạy của BQLĐT 2017-2021). Kết quả khảo sát năm 2020, tỷ lệ SV hài lòng với phương pháp kiểm tra, đánh giá là 89,5% , năm 2021 là 75,6%.

2. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi về các phương pháp KTĐG hoạt động giảng dạy của các nhà khoa học, các chuyên gia giáo dục còn hạn chế.

Trong báo cáo chưa thấy rõ việc Khoa có thực hiện phân tích việc sử dụng phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG và kết quả học tập của người học, để làm căn cứ giám sát, cải tiến phương pháp dạy và học và KTĐG đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Chưa có báo cáo cụ thể về việc lập các kế hoạch cải tiến trên cơ sở tổng hợp ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Học viện cần có quy định, quy trình làm rõ việc đánh giá kết quả học tập của người học, các phương pháp dạy và học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR sau mỗi đợt thi kết thúc học phần; cần thực hiện việc phân tích kết quả KTĐG liên quan đến đảm bảo sự tương thích với CDR trong các qui định của Học viện làm căn cứ để giám sát, cải tiến phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG kết quả học tập của người học; cần xây dựng kế hoạch cải tiến trên cơ sở tổng hợp ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

4. Những điểm chưa rõ: Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3).

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Điểm mạnh

Học viện ban hành Quy chế quản lý hoạt động NCKH trong đó qui định đầy đủ về quản lý hoạt động NCKH; hoạt động NCKH; hoạt động khai thác, trao đổi, phổ biến thông tin khoa học; hoạt động phục vụ khoa học; Học viện cũng đã ban hành Quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động KH và CN hướng dẫn và chính sách thúc đẩy hoạt động NCKH trong GV và SV. Ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản có một số đề tài NCKH gắn kết với hoạt động dạy như: Công nghệ in và sửa bài; Trình bày và minh họa xuất bản phẩm; Lãnh đạo và quản lý hoạt động xuất bản..(Thống kê các đề tài NCKH của GV, SV ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản; Thống kê các công trình khoa

học được sử dụng làm tài liệu giảng dạy học tập). Trong giai đoạn 2017-2021 Khoa Xuất bản đã thực hiện 22 đề tài NCKH cấp cơ sở, 4 giáo trình, 01 sách chuyên khảo, 136 bài tham dự hội thảo trong nước và 14 bài ở hội thảo quốc tế. Có 22 đề tài điển hình được sử dụng trong dạy và học của SV ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản giai đoạn 2017-2022.

Các kết quả NCKH được áp dụng trong nội dung giảng dạy của một số CTDH, đặc biệt với các đề tài khá thực tiễn gắn kết với chuyên môn ngành học: Quyền tác giả, quyền liên quan trong hoạt động xuất bản; Thương mại điện tử trong hoạt động xuất bản; Xuất bản sách nói... Kết quả của một số đề tài NCKH đã được các GV Khoa Xuất bản in thành sách tham khảo phục vụ cho công tác đào tạo. Bên cạnh đó GV còn tạo điều kiện, hỗ trợ SV tham gia cộng tác với GV trong NCKH.

Khoa Xuất bản cũng đã tổ chức các hội thảo chia sẻ kết quả nghiên cứu, trao đổi cách thức áp dụng hiệu quả các kết quả NCKH vào công tác giảng dạy và giải quyết các vấn đề thực tiễn (BB tọa đàm, hội thảo xây dựng CTĐT).

2. Điểm tồn tại

Các đề tài Khoa Xuất bản thực hiện là các đề tài NCKH cấp cơ sở, chưa có Đề tài NCKH ở cấp cao hơn (cấp Bộ, cấp Nhà nước), các GV của Khoa Xuất bản tham gia đề tài ở vị trí chủ nhiệm còn hạn chế, một số GV trẻ chưa tích cực trong hoạt động NCKH.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần quan tâm bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH của GV và đặc biệt đội ngũ GV trẻ trong Khoa để họ có thể tham gia vào Đề tài NCKH cấp Bộ và cấp nhà nước.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh

Học viện có văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ thông qua định kỳ khảo sát ý kiến các BLQ, các quy định thực hiện báo cáo về CSVC, thư viện, kiểm kê, kiểm tra trang thiết bị, nội qui sử dụng trang thiết bị. Căn cứ các văn bản nêu trên, Học viện có kế hoạch thực hiện việc cải thiện chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.

Học viện thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ thông qua các báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát SV cuối khoá về chất lượng đào tạo, kết quả khảo sát GV, cán

bộ nghiên cứu về CSVC của Học viện và nắm bắt nhu cầu của SV (sổ tay ghi chép ý kiến SV hàng tháng); Mức độ hài lòng của GV tăng dần qua các năm. Cụ thể, năm 2019, tỷ lệ hài lòng của GV về CSVC là 54,8%; Năm 2020 là 80% và Năm 2021 là 84,62% . Kết quả khảo sát SV cuối khoá năm học 2021 cho thấy, tỷ lệ SV hài lòng các tiêu chí về CSVC đạt 4,2/5 trở lên (Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát GV, SV, NV từ năm 2017-2021);

Thông qua việc Kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định hàng năm về các trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động giảng dạy và kết quả các khảo sát ý kiến đóng góp của CB, GV, Học viện đã thực hiện cải tiến chất lượng một số dịch vụ hỗ trợ: Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo; Hợp đồng thuê riêng kênh kết nối Internet; Nâng cấp các thiết bị CNTT (Máy tính, ổ cứng); mua phần mềm: chấm thi, dạy học; thi trắc nghiệm; quản lý tài sản; quản lý thư viện; học tiếng Anh,...); Triển khai 12 gói thầu nâng cấp toàn bộ thư viện; lắp đặt hệ thống điều hoà tại tất cả các phòng học; những thiết bị cũ hư hỏng nhiều sẽ được thanh lý và thay thế trang thiết bị mới; lắp đặt thêm hệ thống Wifi; bổ sung giáo trình tài liệu tham khảo, cải thiện hệ thống âm thanh tại các phòng học.

2. Điểm tồn tại

Nội dung trong phiếu khảo sát sự hài lòng của SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa được rà soát, cập nhật điều chỉnh hàng năm (các mẫu phiếu khảo sát trong chu kỳ đánh giá gần như ko có thay đổi về nội dung trong bảng hỏi).

Phiếu khảo sát sử dụng chung cho toàn trường nên một số nội dung chưa thể hiện được tính đặc thù, cụ thể của ngành.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần định kỳ rà soát, cập nhật nội dung trong phiếu khảo sát sự hài lòng của SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích để từ đó đánh giá sát hơn các nhu cầu của người học. Ví dụ: khảo sát về thái độ của CB, GV khi tiếp xúc với SV; Chất lượng vệ sinh tại căng tin khu ký túc xá... Nội dung của Phiếu khảo sát cần có những nội dung chuyên biệt cho từng ngành để giúp Học viện đưa ra những cải tiến thiết thực với từng ngành.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo; thành lập Trung tâm KT & ĐBCLĐT (QĐ số 4237/QĐ-HVBCTT ngày 30/9/2014) trong Quyết định đã nêu rõ chức năng nhiệm vụ cụ thể của Trung tâm KT&ĐBCLĐT

là đơn vị đầu mối phối hợp với Khoa đào tạo, các phòng ban chức năng (Ban TCCB; Ban QLĐT; Phòng công tác hỗ trợ SV, Thư viện, văn phòng, Ban KH-TC quản trị) định kỳ tổ chức lấy ý kiến phản hồi các BLQ;

Cơ chế phản hồi của các BLQ đã được thiết lập có tính hệ thống và đã được tiếp nhận đánh giá thông qua các qui trình khảo sát ý kiến các BLQ với các nội dung: sự hài lòng của SV cuối khóa học; ý kiến phản hồi từ SV đối với hoạt động giảng dạy của GV; ý kiến SV, GV về CSVC, ý kiến của các NTD được thực hiện theo các bước: Lập kế hoạch khảo sát các BLQ; BGĐ phê duyệt; gửi thông báo đến các khoa; gửi thông báo khảo sát/phiếu khảo sát đến các BLQ theo Kế hoạch đã ban hành; Phân tích dữ liệu, viết báo cáo kết quả khảo sát và phản hồi tới các BLQ; thực hiện cải tiến chất lượng đào tạo và hỗ trợ đào tạo.

Kết quả phản hồi của các BLQ làm căn cứ để Học viện xây dựng và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng.

2. Điểm tồn tại

Học viện chưa xem xét, đánh giá, tìm hiểu ý kiến SV về nội dung và số câu hỏi trong các mẫu phiếu khảo sát về CTĐT, dự thảo CDR, CSVC, công tác dạy học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích và NCKH.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần xem xét, đánh giá, tìm hiểu ý kiến SV về nội dung và số câu hỏi trong các mẫu phiếu khảo sát về CTĐT, dự thảo CDR, CSVC, hoạt động dạy - học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích và NCKH để thu được các dữ liệu phù hợp hơn.

Nên định kỳ rà soát mẫu phiếu khảo sát cho phù hợp với các hoạt động cải tiến chất lượng của Học viện

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện có hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện lấy ý kiến của các BLQ trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH. Học viện có quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT, có các bước thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi từ các BLQ, có các quy định về quản lý quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Khoa Xuất bản có 22 đề tài NCKH được vận dụng có hiệu quả trong hoạt động và giảng dạy, trong đó có 4 đề tài được xuất bản thành giáo trình và 01 sách chuyên khảo.

Các đơn vị của Học viện có sự phối hợp triển khai các đợt khảo sát và có báo cáo

đánh giá mức độ đáp ứng của các hoạt động hỗ trợ dịch vụ và tiện ích đối với người học; Hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ và có hệ thống các đơn vị thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ có sự điều chỉnh sau mỗi năm nhằm đáp ứng việc thu thập đầy đủ thông tin. Việc rà soát, cập nhật điều chỉnh CTĐT thực hiện định kỳ 2 năm/lần theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc thiết kế và phát triển CTDH đã được cải tiến sau khi rà soát.

2. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến về thiết kế và phát triển CTDH còn hạn chế về đối tượng, chỉ thực hiện khảo sát đối với các GV cơ hữu, chưa lấy ý kiến của GV kiêm nhiệm và GV hợp đồng. Kết quả khảo sát mang tính thống kê chưa có những đánh giá cụ thể chi tiết.

Việc lấy ý kiến phản hồi về các phương pháp KTĐG hoạt động giảng dạy của các nhà khoa học, các chuyên gia giáo dục còn hạn chế; chưa thực hiện việc phân tích phổ điểm để làm căn cứ giám sát, cải tiến phương pháp KTĐG kết quả học tập của người học.

Các đề tài Khoa Xuất bản thực hiện là các đề tài NCKH cấp cơ sở, Khoa chưa có Đề tài NCKH ở cấp cao hơn (cấp Bộ, cấp Nhà nước). Nội dung trong phiếu khảo sát sự hài lòng của SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa được rà soát, cập nhật điều chỉnh hàng năm; Phiếu khảo sát sử dụng chung cho toàn trường nên một số nội dung chưa thể hiện được tính đặc thù, cụ thể của ngành; chưa xem xét, đánh giá, tìm hiểu ý kiến SV về nội dung và số câu hỏi trong các mẫu phiếu khảo sát về CTĐT, dự thảo CDR, CSVC, công tác dạy học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích và NCKH.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần mở rộng đối tượng lấy ý kiến khảo sát của tất cả các GV tham gia giảng dạy các môn học về quy trình thiết kế và phát triển CTDH, không phân biệt GV kiêm nhiệm hay GV Hợp đồng; cần tổ chức phân tích, đánh giá các dữ liệu thu thập được sau khảo sát để có căn cứ đề xuất các phương pháp cải tiến phù hợp, phục vụ tốt hơn cho việc cải tiến CTDH; cần có quy trình về việc thực hiện phân tích kết quả KTĐG làm căn cứ để giám sát, cải tiến phương pháp KTĐG kết quả học tập của người học; cần quan tâm bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH của GV và đặc biệt đội ngũ GV trẻ để họ có thể tham gia vào Đề tài NCKH cấp Bộ và cấp nhà nước; cần định kỳ rà soát, cập nhật nội dung trong phiếu khảo sát sự hài lòng của SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích để từ đó đánh giá sát hơn các nhu cầu của người học.

Nội dung của Phiếu khảo sát cần có những nội dung chuyên biệt cho từng ngành để giúp Học viện đưa ra những cải tiến thiết thực với từng ngành; cần rà soát, đánh giá, tìm hiểu ý kiến SV về nội dung và số câu hỏi trong các mẫu phiếu khảo sát về CTĐT, dự thảo CDR, CSVC, hoạt động dạy - học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích và NCKH để thu được các dữ liệu phù hợp hơn với các hoạt động cải tiến chất lượng của

Học viện.

XI. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV ngành học được Học viện giao cho Ban QLĐT là đơn vị chủ trì thực hiện. Khoa Xuất bản là đơn vị phối hợp. Việc quản lý kết quả học tập, theo dõi số SV thôi học và tốt nghiệp được thực hiện qua phần mềm quản lý đào tạo. Cuối mỗi học kỳ, Ban QLĐT đều thống kê và có quyết định danh sách các SV thuộc diện cảnh báo học vụ để gửi về Khoa. Công tác xét tốt nghiệp được Học viện tổ chức chặt chẽ, đúng quy chế. Mỗi năm, Học viện tổ chức xét tốt nghiệp 02 lần. Danh sách SV thôi học và tốt nghiệp được xác lập, cập nhật hằng năm và đều được gửi đến các khoa để theo dõi. Khảo sát thực tế nhận thấy, Học viện lưu trữ đầy đủ quyết định cho SV thôi học, nghỉ học có thời hạn và tốt nghiệp. Kết quả thống kê của Học viện cho thấy, tỷ lệ SV thôi học của các khoá tuyển sinh năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 tương ứng là 5,4%, 7,3%, 8,2%, 10,5%, 4,3% (trung bình là 7,1%); tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của các khoá từ 2014-2018 đến khoá 2017-2021 tương ứng là 85,7%, 61,5%, 72,2%, 73,7%, (trung bình 73,1%). Không có SV nào tốt nghiệp trước hạn.

Tình hình SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn đã được Học viện/Khoa đánh giá, phân tích thông qua các cuộc họp chuyên đề về đào tạo hoặc tổng kết học kỳ/năm học. Hằng năm Khoa đều có cuộc họp thảo luận về phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp hỗ trợ người học thuộc diện cảnh báo học vụ và còn nợ chưa tốt nghiệp (Biên bản họp Khoa ngày 29/06/2020). Hằng tháng Khoa đều tổ chức cuộc họp với các CVHT, ban cán sự các lớp để nắm bắt tình hình học tập tu dưỡng của các lớp SV và đề xuất giải pháp cải tiến. Khoa đã có một số cuộc họp thảo luận về tình trạng thôi học, chậm tốt nghiệp của SV và nhận thấy, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn thấp là do SV không đạt CDR về tin học và ngoại ngữ và còn nợ một số HP; SV thôi học chủ yếu ở năm thứ hai với nhiều lý do khác nhau như đi du học, chuyển trường, hoàn cảnh gia đình hoặc kết quả học tập kém. CVHT là đầu mối gặp gỡ SV có kết quả học tập kém để tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất biện pháp giúp đỡ (tư vấn tâm lý, trao đổi trực tiếp với gia đình...). CVHT đã tư vấn cho SV lập kế hoạch học tập phù hợp với năng lực và hoàn cảnh như nhiệm vụ được quy định trong quyết định số 3935/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 25/11/2015.

Khoa đã thực hiện đối sánh tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của ngành học giữa các khoá, đối sánh với SV của 06 ngành khác trong Học viện như ngành

Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Quảng cáo... để cải tiến chất lượng.

2. Điểm tồn tại

Tỉ lệ SV thôi học mặc dù không cao nhưng có xu hướng tăng từ 5,4% ở khoá tuyển sinh năm học 2016-2017 lên 10,5% ở khoá tuyển sinh năm học 2019-2020. Hiệu quả của việc đối sánh tỉ lệ SV thôi học và tỉ lệ SV tốt nghiệp của ngành học với SV các ngành khác trong Học viện và với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong nước chưa hiệu quả như số liệu đối sánh còn ít, chưa khai thác hết giá trị của những số liệu thống kê do Ban QLĐT xác lập để cải tiến chất lượng.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Ban Quản lý đào tạo cần hoàn thiện quy trình xác lập số liệu về tình trạng SV thôi học và tốt nghiệp theo khoá đào tạo của tất cả các CTĐT đại học và sau đại học. Khoa cần quan tâm hơn đến công tác hướng nghiệp thông qua công tác truyền thông tuyển sinh, thông qua các hoạt động giới thiệu kỹ càng hơn về ngành học cho SV ngay từ năm thứ nhất (mời các nhà lãnh đạo quản lý, các nhà khoa học đến giao lưu với người học...) để khơi dậy và hun đúc lòng yêu nghề cho SV. Các CVHT cần gần gũi và sâu sát hơn với SV để nắm bắt kịp thời hoàn cảnh, tâm tư, nguyện vọng của SV. Cần hướng dẫn cho SV phương pháp học tập đại học để thích ứng với môi trường giáo dục đại học và phương pháp giảng dạy của GV.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh

Ban QLĐT là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý kết quả học tập, tổ chức xét tốt nghiệp và quản lý hồ sơ cấp bằng tốt nghiệp của SV. Quy chế đào tạo và phần mềm quản lý đào tạo là công cụ chính để giám sát, thống kê tình hình tốt nghiệp và xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khoá đào tạo. Theo quy chế đào tạo của Học viện thì thời gian đào tạo chuẩn của ngành học là 04 năm, thời gian tối đa là 06 năm. Kết quả thống kê cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khoá 2014-2018 đến khoá 2017-2021 tương ứng là 4,2 năm, 4,5 năm, 4,3 năm, 4,1 năm (binh quân là 4,3 năm).

Khảo sát thực tế nhận thấy, kết quả xét tốt nghiệp đều được gửi đến Khoa để thông báo đến các lớp SV và SV có thể truy cập thông tin qua tài khoản cá nhân được

cấp. Đoàn thanh niên, CVHT và ban cán sự lớp đều có các cuộc họp định kỳ hằng tháng để nắm bắt tình hình học tập của SV để tư vấn cho SV lập kế hoạch học tập phù hợp, hỗ trợ mọi mặt khi SV có nhu cầu (Biên bản họp lớp ngày 17/03/2020). Khoa đã họp phân tích nguyên nhân tình trạng chậm tốt nghiệp và đề xuất giải pháp khắc phục (Biên bản họp Khoa ngày 22/06/2021). Nguyên nhân chủ yếu của việc tốt nghiệp chậm là SV chưa đạt CDR về ngoại ngữ, tin học hoặc còn nợ một số HP chuyên môn. Một số giải pháp Học viện/Khoa đã thực hiện để nâng cao tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn là: Giám sát chặt chẽ kết quả học tập của SV và thông báo kịp thời để SV có kế hoạch học trả nợ những học phần chưa đạt, thông báo những SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp kèm lý do cụ thể, tổ chức các lớp học bổ sung/ôn tập cho SV có nhu cầu học trả nợ hoặc cải thiện điểm (Quyết định số 3748/QĐ-HVBC&TT ngày 21/09/2020 về việc mở lớp Bồi dưỡng CDR Tiếng Anh trình độ B2). Từ năm 2020, Học viện đã điều chỉnh CDR ngoại ngữ từ B2 xuống B1 để phù hợp với chất lượng thực tế của SV. Hoạt động CVHT được đẩy mạnh như hằng tháng Khoa đều có cuộc họp giữa CVHT với ban cán sự các lớp, cuộc họp phản ánh tình hình SV do Ban Quản lý đào tạo chủ trì.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá SV đã được đối sánh với SV các khoá tương ứng của một số ngành trong Học viện như ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước. Minh chứng và phỏng vấn cho thấy, Học viện/Khoa đã có những cuộc họp trao đổi thảo luận, đánh giá về tình hình tốt nghiệp của SV và hiệu quả của những giải pháp đã thực hiện để tăng số SV tốt nghiệp đúng hạn.

2. Điểm tồn tại

Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV còn cao. Khoa chưa thực sự tích cực tìm kiếm thông tin để đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành học với SV cùng ngành của một số trường đại học trong nước. Số lượng CTĐT trong Học viện được lựa chọn để đối sánh còn khá ít và chưa thấy có giải pháp hữu hiệu để cải thiện tình trạng chậm tốt nghiệp của SV.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Sau mỗi học kỳ, Ban Quản lý đào tạo nên thống kê danh sách những SV còn nợ nhiều các học phần (ngoài diện bị cảnh báo học vụ) để thông báo cho SV biết, chủ động lập kế hoạch học trả nợ. Khoa/CVHT cần giám sát chặt chẽ hơn kết quả học tập của SV, gần gũi, quan tâm đối với những SV có kết quả học tập kém để có giải pháp/tư vấn giúp đỡ kịp thời. Cần nâng cao hiệu quả hoạt động đối sánh tình hình tốt nghiệp đúng hạn của SV với SV của tất cả các CTĐT trong Học viện và với SV cùng ngành của nhiều trường đại học khác trong nước. Nên cải tiến quy trình xét tốt nghiệp đối với SV đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian đào tạo chuẩn theo hướng không yêu

cầu SV phải làm đơn xin xét tốt nghiệp mà Ban Quản lý đào tạo sẽ chiết xuất kết quả từ phần mềm quản lý đào tạo.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh

Học viện giao cho Trung tâm KT&KĐCLĐT là đơn vị chủ trì việc khảo sát tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp (QĐ số 4237/QĐ-HVBC&TT ngày 30/9/2019). Theo đó, Trung tâm có nhiệm vụ cụ thể là xây dựng cơ sở dữ liệu SV tốt nghiệp, khảo sát thống kê việc làm của SV sau tốt nghiệp và lập báo cáo kết quả khảo sát hằng năm. Trước năm 2020, Khoa trực tiếp thực hiện khảo sát và lập báo cáo kết quả chuyển về Trung tâm KT&KĐCLĐT. Kể từ năm 2020 trở lại đây thì nhiệm vụ này được chuyển cho Trung tâm KT&KĐCLĐT thực hiện. Hình thức khảo sát được thực hiện là gửi email, gọi điện thoại, gửi phiếu điều tra. Hồ sơ minh chứng cho thấy, Học viện có khá đầy đủ dữ liệu khảo sát về tình trạng SV tốt nghiệp hằng năm và hằng năm đều có báo cáo gửi Bộ GD&ĐT theo đúng quy định (báo cáo ngày 25/01/2022). Tình hình việc làm của SV còn được công bố trên trang thông tin điện tử của Học viện (mục ba công khai). Kết quả thống kê tình trạng việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp của các khoá tốt nghiệp vào các năm 2017, 2018, 2019, 2020 như sau: Trung bình tỷ lệ SV phản hồi là 83,0%, trung bình tỷ lệ SV có việc làm là 89,0%, trung bình tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo là 39,3% và có việc làm liên quan đến ngành đào tạo là 27,8% (tổng làm phù hợp là 67,1%), trung bình tỷ lệ làm việc trong khu vực Nhà nước là 3,8%, làm việc trong khu vực tư nhân 83,3 và tự tạo việc làm là 11,2%. Mức thu nhập bình quân/tháng của SV có việc làm đã được khảo sát, thống kê.

Đoàn Đánh giá ngoài đã khảo sát độc lập đối với SV tốt nghiệp năm 2020 và năm 2021 với kết quả như sau:

NỘI DUNG KHẢO SÁT	KẾT QUẢ
Số lượng tốt nghiệp năm 2020, 2021	37SV
Số lượng SV phản hồi	18SV
Đã có việc làm	100%
Có việc làm phù hợp với ngành đào tạo	83,33%

Có việc làm trong 06 tháng	88,89%
LV trong khu vực nhà nước	16,67%
LV ở khu vực ngoài nhà nước	83,33%
LV ở khu vực có yếu tố nước ngoài	0%
Tự khởi nghiệp	0%
Thu nhập dưới 5 triệu/tháng	11,11%
Thu nhập từ 5 - 7 triệu/tháng	16,67%
Thu nhập từ 7 - 10 triệu/tháng	66,67%
Thu nhập trên 10 triệu/tháng	5,55%

Học viện đã đối sánh tình trạng việc làm của SV ngành học sau tốt nghiệp (tốt nghiệp các năm 2018, 2019, 2020 với SV 14 ngành học của Học viện (báo cáo kết quả khảo sát tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp các năm). Tình hình việc làm của SV tốt nghiệp năm 2020 cũng đã được đối sánh với SV nhóm ngành Kinh doanh xuất bản phẩm của Trường Đại học Văn hoá Hà Nội và kết quả tỉ lệ SV có việc làm tương đương nhau khoảng 88%.

Khảo sát thực tế cho thấy, Khoa đã có một số buổi họp, tọa đàm tư vấn hướng nghiệp cho SV để phân tích nguyên nhân tỉ lệ SV có việc làm đúng ngành không cao và đề xuất một số giải pháp khắc phục. Trên thực tế, một số giải pháp đã được thực hiện như mở rộng các cơ sở hợp tác trong việc gửi SV đến thực tập thực tế với 45 nhà xuất bản và các doanh nghiệp xuất bản, tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao kỹ năng mềm cho SV (do Đoàn thanh niên Học viện chủ trì), thu thập thông tin tuyển dụng để công bố trên trang thông tin điện tử của Học viện (chuyên mục SV khởi nghiệp), tổ chức các buổi tọa đàm hướng nghiệp cho SV... Công tác hướng nghiệp đã được triển khai ngay từ năm thứ nhất để SV hiểu rõ về ngành nghề đào tạo, tạo động lực học tập tốt hơn. Học viện đã quan tâm trang bị cho SV kỹ năng mềm để thuận lợi trong quá trình xin việc (kế hoạch tập huấn kỹ năng mềm năm học 2018-2019 ngày 20/09/2018).

2. Điểm tồn tại

Hằng năm, Học viện đều thực hiện khảo sát tình trạng việc làm của SV các ngành đào tạo nhưng Khoa chưa phân tích đối sánh kỹ càng tình trạng việc làm của SV ngành học với SV các ngành khác của Học viện và số lượng đối sánh với SV cùng ngành của

các trường đại học khác trong nước còn khá ít. Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành và làm việc có liên quan đến ngành đào tạo còn thấp. Khoa chưa phân tích sâu sắc về tình trạng việc làm của SV nên những biện pháp nâng cao tỷ lệ SV có việc làm và nâng cao tỷ lệ SV có việc làm phù hợp với ngành đào tạo còn ít và chưa thật sự hiệu quả. Số cơ quan có ký văn bản hợp tác để gửi SV đi thực tập chưa mở rộng đến các tỉnh /thành phố mà hiện nay chủ yếu là trong địa bàn Thủ đô Hà Nội.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khoa cần tăng cường phát triển mối quan hệ hợp tác với các cơ quan trong lĩnh vực đào tạo và NCKH, chú trọng phát triển cả về quy mô lẫn phạm vi (không chỉ chủ yếu trên địa bàn Hà Nội như hiện nay). Sau khi có kết quả khảo sát, Học viện/Khoa cần nghiên cứu và phân tích dữ liệu kỹ càng để tìm biện pháp cải tiến. Cần rà soát, hoàn thiện hướng dẫn về hoạt động đối sánh, so chuẩn trong công tác đảm bảo chất lượng, trong đó có đối sánh về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp. Cần tìm hiểu căn nguyên dẫn đến tỷ lệ SV có việc làm đúng và có liên quan đến ngành đào tạo không cao để có giải pháp điều chỉnh chỉ tiêu hoặc đổi mới CTĐT nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh

Học viện giao cho Ban Quản lý khoa học là đơn vị chịu trách nhiệm quản lý hoạt động NCKH của SV và các Khoa là đơn vị phối hợp thực hiện. Việc quản lý và tổ chức hoạt động NCKH của SV được thực hiện theo Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của Học viện (QĐ số 881/QĐ-HVBC&TT ngày 25/09/2011, QĐ số 6531/QĐ-HVBC&TT ngày 26/12/2018), Quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ (QĐ số 5061/QĐ-HVBC&TT ngày 27/12/2017) và theo thông tư 19/2012/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Khảo sát thực tế cho thấy, loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV được xác định gồm chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài/dự án NCKH SV, thực hiện triển khai các tiến bộ KH&CN vào thực tiễn, tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học.

Theo quy định của Học viện, mỗi lớp SV năm thứ hai và năm thứ ba được đề xuất 01 đề tài NCKH SV cấp Học viện. Việc giao cho SV thực hiện các đề tài NCKH SV cấp Học viện được thực hiện theo một quy trình tương đối chặt chẽ nhưng vẫn khuyến khích được SV tham gia thực hiện từ khâu thông báo đăng ký, phê duyệt cho đến khâu nghiệm

thu thanh lý đề tài. SV được đăng ký làm chủ nhiệm đề tài phải là SV từ năm thứ hai trở đi, có ít nhất một học kỳ đạt học lực loại khá trở lên, có GV nhận hướng dẫn. Tiêu chuẩn và quyền lợi của GV hướng dẫn cũng được quy định rõ ràng và có quy định giám sát tiến độ thực hiện (Biên bản kiểm tra tiến độ NCKH của SV ngày 16/07/2020). Ban Quản lý khoa học lưu trữ khá đầy đủ các quyết định phê duyệt đề tài NCKH SV cấp Học viện, hồ sơ các đề tài đã được nghiệm thu và thanh lý. Hằng năm, Học viện đều xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của SV (KH số 5877/KH-HVBC&TT ngày 28/12/2020). Ngoài ra, Học viện còn chi kinh phí cho hoạt động hội nghị, hội thảo khoa học do SV tổ chức và hằng năm đều tổ chức Hội nghị Khoa học SV cấp Học viện.

Kết quả thống kê của Khoa cho thấy, trong chu kỳ đánh giá, SV của ngành học đã chủ trì thực hiện 05 đề tài NCKH SV cấp cơ sở với sự tham gia của 25 SV, đồng tác giả với GV công bố 02 bài báo trên tạp chí khoa học trong nước. Hằng năm, Học viện đều xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của SV. Tổng kinh phí chi cho hoạt động NCKH của SV toàn Học viện tăng từ 140 triệu đồng năm 2016 lên 638 triệu đồng năm 2019. Năm 2020, Học viện đã dự trù cấp 979 triệu đồng cho hoạt động NCKH của SV (trung bình chi 5 triệu đồng/đề tài). Trong giai đoạn đánh giá, Học viện đã chi gần 20 triệu đồng cho hoạt động NCKH của SV thuộc ngành đào tạo.

Khảo sát thực tế cho thấy, Khoa đã đối sánh kết quả NCKH của SV ngành học với SV các ngành học khác của Học viện như ngành Kinh tế chính trị, Quảng cáo, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước....

2. Điểm tồn tại

Quy định về loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV chưa đa dạng (mới chỉ quan tâm đến việc chủ trì/tham gia đề tài NCKH SV, tham gia các hội nghị hội thảo) và quy định mỗi lớp SV từ năm thứ hai trở lên được đăng ký 01 đề tài NCKH SV cấp Học viện là hơi ít. Chi thưởng cho SV có thành tích xuất sắc trong NCKH ở mức 500.000đ là thấp nên khó khuyến khích được SV tích cực tham gia (QĐ số 1366/QĐ-HVBC&TT ngày 11/03/2021). Kết quả NCKH của SV còn khá khiêm tốn. Khoa chưa định kỳ đối sánh kết quả NCKH của SV ngành học với SV nhiều ngành khác trong Học viện và đối sánh với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong cả nước.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện nên có hướng dẫn chi tiết hơn về số lượng và các loại hình NCKH của SV như bổ sung thêm các loại hình tham gia đề tài NCKH của GV, thực hiện các dự án, công bố kết quả nghiên cứu, tham gia các cuộc thi ý tưởng sáng tạo, tham dự các cuộc thi NCKH SV các cấp... Đẩy mạnh hoạt động NCKH của SV theo hướng đa dạng về hình thức. Nên điều chỉnh quy định về số lượng đề tài NCKH SV hằng năm theo hướng mở rộng và tăng mức thưởng với những đề tài có kết quả xuất sắc để khuyến khích được các lớp, các ngành có phong trào NCKH tốt. Định kỳ nên tổ chức các cuộc thi ý tưởng

sáng tạo và khởi nghiệp trong SV ở cấp Khoa/Học viện. Cần quan tâm hơn đến hoạt động đối sánh kết quả NCKH của SV ngành học với SV các ngành đào tạo khác của Học viện và với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong nước làm cơ sở cho những cải tiến để thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh

Trung tâm KT&KĐCLĐT được thành lập vào năm 2012 có nhiệm vụ chủ trì thực hiện hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan và các ban/khoa là đơn vị phối hợp thực hiện (QĐ số 4237/QĐ-HVBC&TT ngày 30/9/2019). Để khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan, Học viện đã ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng đào tạo (QĐ số 3901/QĐ-HVBC&TT ngày 31/8/2019). Theo đó, có 05 loại khảo sát là: Khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTĐT; khảo sát ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy học phần; khảo sát GV, NV và SV năm cuối, cựu SV, NTD về chất lượng đào tạo, khảo sát tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp... Phương pháp khảo sát tương đối đa dạng gồm khảo sát online qua phần mềm quản lý đào tạo, Google form, gửi phiếu khảo sát qua email, gửi phiếu khảo sát trực tiếp, gọi điện thoại. Kết quả mỗi đợt khảo sát đều được tổng hợp báo cáo lãnh đạo Học viện và gửi đến các đơn vị có liên quan để nghiên cứu xây dựng biện pháp cải tiến chất lượng. Ngoài việc khảo sát qua phiếu hỏi, Học viện còn thường niên tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo Học viện với SV để lắng nghe và giải quyết kịp thời những đề xuất của SV (Báo cáo tổng hợp Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Học viện với SV ngày 09/01/2020).

Minh chứng cho thấy, Học viện đã khảo sát sự hài lòng của SV về nội dung của CTĐT, về phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá, về hoạt động hỗ trợ người học; khảo sát cựu người học về CTĐT, về hoạt động hỗ trợ đào tạo và tư vấn hỗ trợ việc làm; khảo sát sự hài lòng của GV về các chính sách và cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo và NCKH của GV; khảo sát sự hài lòng của nhà SDLĐ về nội dung CTĐT. Học viện đã khảo sát mức độ hài lòng của SV năm cuối về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng ngoại ngữ và tin học...

Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập và đối sánh sau mỗi đợt khảo sát như: Mức độ hài lòng của SV về phương pháp kiểm tra đánh giá trong các năm 2017, đến năm 2021 tương ứng là 41,7%, 56,3%, 72,9%, 89,5%, 75,6%, hài lòng về hoạt động hỗ trợ đào tạo là 53,4%, 63,9%, 74,9%, 93,2%, 80,7%, mức độ hài lòng của cựu người học khảo sát năm 2020, 2021 về hoạt động tư vấn hỗ trợ việc làm là 76,9% và 46,7%;

mức độ hài lòng của GV về CSVC phục vụ đào tạo và NCKH trong các năm 2019, 2020, 2021 là 76,9%, 78,6%, 79,7%... Nhìn chung, mức độ hài lòng của SV về một số lĩnh vực khảo sát có xu hướng tăng dần thể hiện Học viện đã có nhiều cải tiến để nâng cao chất lượng.

2. Điểm tồn tại

Hồ sơ minh chứng chưa thể hiện rõ việc Khoa đã phân tích kỹ càng kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan, chưa thường niên đối sánh kết quả khảo sát với các CTĐT khác ở trong và ngoài Học viện để xây dựng các biện pháp cải tiến chất lượng. Mức độ hài lòng của các BLQ trong một vài lĩnh vực không cao (báo cáo kết quả khảo sát ngày 15/10/2020) như về khả năng ngoại ngữ (63,9%). Chưa thường xuyên khảo sát mức độ hài lòng của nhà SDLĐ, của GV về chất lượng SV tốt nghiệp. Chưa tổ chức các hội nghị chuyên đề về công tác khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan để đánh giá về chất lượng, hiệu quả, độ tin cậy của công cụ và phương pháp khảo sát.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trung tâm KT&KĐCLĐT cần cập nhật điều chỉnh bộ phiếu khảo sát để phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo trong mỗi năm học như bổ sung phần nêu các điểm hạn chế lớn của CTĐT trong phiếu khảo sát SV năm cuối. Cần đa dạng hình thức khảo sát mức độ hài lòng của nhà SDLĐ và của GV về chất lượng SV sau tốt nghiệp (như ngoài các hình thức đã thực hiện cần tổ chức các buổi toạ đàm, hội thảo...); và khảo sát theo khoá SV tốt nghiệp để có thêm cơ sở dữ liệu phục vụ đánh giá mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Học viện/Khoa cần định kỳ tổ chức tổng kết đánh giá kết quả tác động của hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan đến việc nâng cao chất lượng SV tốt nghiệp (như đánh giá độ tin cậy của kết quả khảo sát, đánh giá hiệu quả của phương pháp khảo sát, đánh giá tính hợp lý và khoa học của các phiếu khảo sát, đánh giá sự hợp lý của thời điểm tiến hành khảo sát trong năm, đánh giá mức độ cải tiến sau mỗi lần khảo sát...).

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT

Tỷ lệ SV thôi học, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và cập nhật hằng năm. Thời gian tốt nghiệp trung bình còn cao. Kết quả thống kê tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp

trung bình đã được phân tích, đối sánh với các CTĐT khác trong Học viện để cải tiến chất lượng. Công tác hỗ trợ, tư vấn hướng nghiệp giúp SV tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp được quan tâm thông qua kết nối với các cơ sở ngoài Học viện để gửi SV đi tham quan/thực tập, tìm kiếm và cập nhật thông tin tuyển dụng để thông báo cho SV. Công tác NCKH của SV được quan tâm thông qua việc ban hành chính sách khuyến khích và cấp kinh phí để thực hiện đề tài NCKH SV cấp cơ sở. Hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan được triển khai định kỳ hằng năm, có cải tiến về quy trình, phương thức khảo sát, công cụ khảo sát và kết quả khảo sát đã được Khoa và các đơn vị sử dụng tương đối hiệu quả để cải tiến chất lượng.

2. Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Học viện chưa có văn bản quy định chi tiết về công tác giám sát, thống kê tình hình SV thôi học, SV tốt nghiệp của các CTĐT theo khoá học và phần mềm quản lý đào tạo chưa thuận tiện để thực hiện công tác này. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV còn cao (4,3 năm). Tỷ lệ SV có việc làm phù hợp với ngành đào tạo chưa cao (trung bình là 67,1%). Kết quả NCKH của SV còn khiêm tốn. Công tác đối sánh tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình, tình trạng việc làm của SV, kết quả NCKH của SV với SV cùng ngành của các trường đại học khác còn hạn chế.

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Trong thời gian tới, Học viện cần ban hành quy định về công tác giám sát, thống kê, phân tích đối sánh tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và tính thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khoá đào tạo. Khoa cần đặc biệt quan tâm đến các giải pháp để tăng số SV tốt nghiệp đúng hạn và tăng tỷ lệ SV có việc làm đúng và gần với ngành đào tạo. Đổi mới chính sách khuyến khích SV tham gia NCKH như tăng số lượng đề tài và tăng kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực SV tốt nghiệp để từ đó thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của nhà SDLĐ, GV, cựu người học về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm xã hội của SV sau tốt nghiệp làm cơ sở triển khai đánh giá mức độ đạt được CĐR của CTĐT.

Phần III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Đoàn ĐGN đã bỏ phiếu thống nhất kết quả đánh giá mức đạt của CTĐT ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản như sau:

- Số tiêu chí đạt mức 4 trở lên: 44 tiêu chí, đạt 88%;
- Số tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu: 11 tiêu chuẩn, đạt 100%;
- Đã có 19 khóa sinh viên tốt nghiệp.

Chiếu theo khoản 1 (*Đã có ít nhất một khóa sinh viên tốt nghiệp tại thời điểm hoàn thành báo cáo tự đánh giá*) và khoản 4 (*chương trình đào tạo có ít nhất 80% số tiêu chí đạt yêu cầu, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu theo kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục*) Điều 23 của Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 19/11/2013 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp thì CTĐT ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản của Học viện Báo chí và Tuyên truyền giai đoạn 2017 - 2022 đủ điều kiện xét công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Kiến nghị

Đề nghị Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh tiến hành các thủ tục tiếp theo để xét công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cho CTĐT ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

**PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KĐCLGD**



Trần Đình Quang

TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Bùi Duy Cam

Phần IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Giới thiệu tóm tắt về Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Xuất bản

Phụ lục 2. Tóm tắt kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Phụ lục 3. Quyết định thành lập Đoàn đánh giá ngoài

Phụ lục 4. Lịch trình đánh giá ngoài

Phụ lục 5. Công văn phản hồi của CSGD có chương trình đào tạo được đánh giá về dự thảo báo cáo đánh giá ngoài

Phụ lục 1.

Giới thiệu tóm tắt về Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Xuất bản

1. Giới thiệu tóm tắt về Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh được thành lập ngày 16 tháng 01 năm 1962 theo Nghị quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá II. Ngày 20/11/1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 406 - HĐBT công nhận trường là trường Đại học. Từ thời điểm này, Học viện vừa là một trường Đảng trực thuộc Ban Bí thư Trung ương, đồng thời là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Các hoạt động chuyên môn của Học viện đều được thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Luật Giáo dục. Năm 2015, Học viện được Thủ tướng chính phủ phê duyệt là trường Đại học trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có sứ mệnh “*NCKH, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.*”

Tầm nhìn của HVBC&TT đến năm 2050: “*trở thành cơ sở hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông. Học viện không ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới... Học viện phấn đấu trở thành:*

Trường đại học là lựa chọn số một của sinh viên trong các ngành học thuộc lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông

Trung tâm nghiên cứu trong lĩnh vực tư vấn chính sách, công tác tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông hàng đầu, nơi tập hợp đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và khu vực.

Trường đại học vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực Đông Nam Á trước năm 2030; cơ sở đào tạo và nghiên cứu báo chí và truyền thông có uy tín ở châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2050.

Các giá trị cốt lõi mà Học viện Báo chí và Tuyên truyền cam kết bao gồm: *Đoàn kết, Dân chủ, Đổi mới, Chất lượng và Cống hiến.*

Triết lý giáo dục của Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo triết lý giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại*”¹

Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, GV, NV của HVBC&TT:

Cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền bao gồm: Đảng ủy – Hội đồng Trường - Ban Giám đốc – Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Khoa, và các đơn vị chức năng - Bộ môn. Học viện hiện nay có 29 đơn vị trực thuộc gồm: 16 khoa đào tạo (Khoa

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.6, tr.208.

Triết học, Khoa Kinh tế chính trị, Khoa Chủ nghĩa xã hội khoa học, Khoa Lịch sử Đảng, Khoa Xây dựng Đảng, Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Tuyên truyền, Khoa Chính trị học, Khoa Nhà nước - Pháp luật, Khoa Báo chí, Khoa Phát thanh - Truyền hình, Khoa Quan hệ quốc tế, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, Khoa Xã hội học và Phát triển, Khoa Xuất bản, Khoa Ngoại ngữ và Khoa Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm); 06 ban (Ban Quản lý đào tạo, Ban Quản lý Khoa học, Ban Tổ chức cán bộ, Ban Hợp tác Quốc tế, Ban Thanh Tra, và Ban Kế hoạch- Tài chính); 01 Văn phòng (Văn phòng Học viện); 02 phòng (Phòng Quản trị và Quản lý KTX, Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên), 03 trung tâm (Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo, Trung tâm thông tin Khoa học và Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học), 01 viện (Viện Báo chí), 1 tạp chí (Tạp chí Lý luận chính trị & truyền thông).

Tính đến tháng 3/2022, Học viện có tổng số 386 cán bộ GV, NV, trong đó có 28 Phó Giáo sư, 103 Tiến sĩ, 205 Thạc sĩ, 35 cử nhân; có 20 ngành đào tạo trình độ đại học, 12 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 6 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Giới thiệu về Khoa Xuất bản

Khoa Xuất bản (tiền thân là Tổ Xuất bản) được thành lập năm 5/1967, theo Nghị quyết số 36/NQ-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa III cùng thời điểm thành lập Trường Tuyên giáo Trung ương và Nghị quyết số 116/NQ-TW ngày 2-8-1967 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (nay là Học viện Báo chí và Tuyên truyền). Sự ra đời của Khoa gắn bó chặt chẽ với việc thực hiện Quyết định số 15/QĐ-TW ngày 2-1-1983 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác trường Đảng thành lập Trường Tuyên huấn Trung ương I trên cơ sở hợp nhất Trường Tuyên huấn Trung ương và Trường Nguyễn Ái Quốc V, Trường Tuyên huấn Trung ương I trực thuộc Trung ương Đảng.

Là một trong những khoa đào tạo nghiệp vụ cơ bản của Học viện BC&TT, Khoa Xuất bản có chức năng tham mưu, xây dựng và tổ chức thực hiện, phát triển các CTĐT, bồi dưỡng ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản; triển khai thực hiện hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học truyền thông - xuất bản ở trình độ đại học và sau đại học. Đây cũng là cơ sở duy nhất đào tạo cán bộ biên tập xuất bản ở 03 nước Đông Dương bao gồm Việt Nam, Lào, Campuchia.

- Từ năm 1965-1968: Khoa giảng dạy các lớp bồi dưỡng ngắn hạn xuất bản cho đội ngũ cán bộ biên tập các nhà xuất bản.

- Tháng 10/1969, lớp Xuất bản khoá I đào tạo theo mô hình đại học đầu tiên được khai giảng, là cột mốc quan trọng đánh dấu sự trưởng thành của Khoa Xuất bản.

- Từ năm 1975 - 1996, Khoa mở liên tục các lớp đào tạo hệ ngắn hạn, lấy bằng đại học thứ 2 cho cán bộ các nhà xuất bản.

- Từ năm 1993: Khoa đào tạo trình độ đại học ngành Xuất bản - Biên tập xuất bản

- Từ năm 2003: Khoa đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Xuất bản, chuyên ngành Biên tập xuất bản.

- Từ năm 2014: Khoa đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Xuất bản, chuyên ngành Quản lý xuất bản.

- Từ năm 2017: Khoa đào tạo trình độ tiến sĩ Xuất bản học (Theo Quyết định 6243/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT). Tính đến nay, Khoa đã đào tạo được 05 khoá với tổng số 07 NCS.

- Từ năm 2019: Khoa đào tạo trình độ đại học ngành Xuất bản, chuyên ngành Xuất bản điện tử.

Về cơ cấu tổ chức và đội ngũ giảng viên

Hiện nay, Khoa có 03 tổ bộ môn, gồm: Biên tập xuất bản, Xuất bản điện tử và Văn học và Ngôn ngữ truyền thông. Đội ngũ CB viên chức đương nhiệm của khoa hiện nay có 10 người trong đó có 01 PGS, 05 TS, 04 ThS. 100% cán bộ giảng dạy trong Khoa có trình độ thạc sĩ trở lên. Hằng năm, Khoa đều có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn các cán bộ và bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới với mục tiêu phát triển đội ngũ các bộ vừa giỏi về trình độ kiến thức chuyên môn, vừa có trình độ chính trị cao phù hợp với đường lối của Đảng.

Bên cạnh đội ngũ GV cơ hữu, Khoa XB còn mời các GV, chuyên gia, nhà báo, biên tập viên,... từ các cơ quan Nhà nước, tổ chức như: Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Đại học Sư phạm Hà Nội, Tạp chí Công an nhân dân,.. và một số giảng viên thuộc các đơn vị trực thuộc của Học viện BC&TT. Chuyên môn và kinh nghiệm thực tế của các chuyên gia giúp nâng cao chất lượng dạy và học tại Khoa.

Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ quản lý của Khoa XB và HVBC&TT đều là những người đã tham gia nhiều chương trình đào tạo cán bộ ở nhiều bậc học lý luận, chính trị, giáo dục của HVBC&TT.

Về công tác đào tạo

Khoa Xuất bản bắt đầu đào tạo cử nhân ngành Xuất bản với hai chuyên ngành là Biên tập xuất bản từ năm 1993 và Xuất bản điện tử từ năm 2019.

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác đào tạo, Khoa đã xây dựng các chương trình 4 năm cho đào tạo đại học theo Khung CTĐT trình độ đại học của Học viện. Khoa đã hoàn thành 100% các môn học có giáo trình cấp nhà xuất bản hoặc cấp cơ sở phục vụ cho công tác đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Hiện nay, số lượng SV đang theo học các chuyên ngành của Khoa đạt 428 sinh viên. Kết quả học tập của SV trong Khoa ngày càng được nâng cao, tới nay đã có 17 sinh viên tốt nghiệp đạt loại Giỏi. Khoa đã bắt đầu hướng dẫn khoá học viên cao học đầu tiên vào năm 2003 với tổng số 12 học viên. Từ năm 2017 đến tháng 5/2022, Khoa đào tạo 5 khoá cao học với tổng số 22 học viên. Khoa luôn củng cố và mở rộng quan hệ đào tạo và liên kết với các

cơ sở đào tạo về xuất bản như nêu trên nhằm tận dụng tốt nhất mối quan hệ hợp tác đào tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Học viện giao. Khoa hợp tác với các đồng chí nguyên là GV, chuyên gia cao cấp về các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực chuyên môn của ngành XB để luôn cập nhật tình hình, chuyên môn, nghiệp vụ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu.

Công tác quản lý theo dõi quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên được quan tâm sâu sắc. Hoạt động học tập, rèn luyện của SV được Khoa quan tâm ủng hộ về cả vật chất và tinh thần, cụ thể thông qua các hoạt động như: Tổ chức hội thảo hướng nghiệp cho SV; Định hướng nghề nghiệp, kế hoạch học tập cho SV từ năm thứ nhất; Xin tài trợ các đơn vị khác ngoài Học viện, tìm kiếm nguồn tài trợ cho sinh viên nghèo vượt khó...

Đặc biệt, trong 10 năm trở lại đây, Khoa đã có sáng kiến trong tổ chức cho SV đi kiến tập, thực tập nghề nghiệp - gắn kết chặt chẽ giữa nơi đào tạo với các cơ sở nghề nghiệp, nơi sử dụng lao động. Khoa đã tăng cường giao lưu, hợp tác với các đơn vị xuất bản trong cả nước nên có mối quan hệ gắn bó với các cơ sở thực tập, rèn nghề cho SV. Các GV cũng chủ động, tích cực hơn trong trao đổi thông tin về SV thực tập với người hướng dẫn tại các đơn vị thực tập, nhờ đó công tác quản lý SV được sâu sát hơn, không có tình trạng giao phó hoàn toàn SV cho cơ sở thực tập. Ban Chủ nhiệm Khoa XB tổ chức các đoàn kiểm tra thực tập tại các đơn vị xuất bản nơi có đoàn SV đến thực tập để nắm bắt tình hình, động viên, thăm hỏi SV, đồng thời tiếp nhận ý kiến đóng góp, phản hồi từ cơ quan với tư cách là đơn vị phối hợp đào tạo với Nhà trường.

Khoa đã khuyến khích SV thực tập đa dạng công việc theo các khâu của hoạt động xuất bản để thích ứng với sự thay đổi của ngành. Trước đây SV chủ yếu thực tập ở khâu biên tập thì ngày nay có thể tham gia vào tất cả các khâu từ tổ chức bản thảo, thiết kế sách đến truyền thông xuất bản. Điều này giúp SV có thêm kỹ năng, nghiệp vụ phục vụ cho công việc tương lai.

Khoa đã ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào hoạt động thực tập. SV đi thực tập theo nhóm hoặc đơn lẻ đều phải cập nhật nhật ký thực tập, báo cáo thực tập và các vấn đề phát sinh cho GV hướng dẫn hàng tuần qua các ứng dụng như Google Docs, Zalo. Đặc biệt trong giai đoạn phòng chống dịch Covid-19, việc ứng dụng công nghệ vào hoạt động thực tế, thực tập càng trở nên hiệu quả. SV có thể dùng các phần mềm để biên tập, sửa chữa bản thảo thay vì biên tập trên bản thảo giấy và phải tới trực tiếp đơn vị để thực tập, do đó vẫn đảm bảo tiến độ và nhiệm vụ thực tập theo yêu cầu đặt ra.

Khoa XB là một trong những đơn vị tiên phong trong việc mở ra một hướng mới trong việc gắn đào tạo lý thuyết với thực hành. Đây là hoạt động tăng cường kiến thức, kỹ năng cho SV, gắn lý luận với thực tiễn, góp phần đào tạo đáp ứng tốt nhu cầu xã hội.

Về công tác nghiên cứu khoa học

Song song với nhiệm vụ chính là giảng dạy, NCKH là hoạt động không thể thiếu đối với mỗi cơ sở giáo dục đại học nói chung và của mỗi GV nói riêng. Khoa XB luôn xác định

nâng cao chất lượng đội ngũ GV phải đi đôi với việc tăng cường năng lực NCKH. NCKH góp phần tích lũy, cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực và chất lượng giảng dạy, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy. Vì thế, hoạt động NCKH của Khoa luôn diễn ra hết sức sôi động và đạt được nhiều thành tích quan trọng. Khoa đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài trường để tổ chức các Hội thảo khoa học: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, NXB Khoa học Xã hội, Ban Hợp tác Quốc tế - HVBC TT. Năm 2020, 2021, Khoa đều có cán bộ giảng viên là thành viên trong BTC Hội thảo quốc tế (kết hợp với KOICA)

Hoạt động NCKH của Khoa ngày càng được đề cao và phát triển mạnh thông qua số lượng ngày một tăng các công trình nghiên cứu. Trong vòng 5 năm trở lại đây tính từ năm học 2017 - 2018, khoa đã thực hiện được 25 đề tài khoa học các cấp, 09 hội thảo/ tọa đàm thông tin khoa học, công bố 100 công trình nghiên cứu bao gồm cả sách, bài sách, bài báo khoa học trong nước và quốc tế; cùng 150 công trình dưới các dạng khác.

Từ 2017 đến 2022 Khoa có 05 đề tài NCKH của SV. Khoa thường xuyên tổ chức, tham gia nhiều buổi thông tin, tọa đàm khoa học và tham dự đầy đủ các sinh hoạt khoa học cho cán bộ, GV, SV do Học viện BC&TT cũng như các đối tác bên ngoài tổ chức có nội dung liên quan đến chuyên ngành đào tạo. Cán bộ GV tham dự Lớp bồi dưỡng kiến thức về quan hệ quốc tế; Lớp lồng ghép kiến thức về biến đổi khí hậu vào giảng dạy, Chính sách công, Bồi dưỡng kiến thức an ninh quốc phòng, Bồi dưỡng về phương pháp xây dựng chương trình tín chỉ, Lớp bồi dưỡng kiến thức tin học, Bồi dưỡng phương pháp xây dựng giáo án điện tử, Lớp hoàn thiện cao cấp lý luận chính trị, kinh điển. Hoạt động khoa học trên đã hỗ trợ đắc lực cho việc hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn của Khoa, nâng cao trình độ mọi mặt cho các GV và giúp SV có định hướng trong hoạt động NCKH.

Đến năm 2035, Khoa XB trở thành Khoa có uy tín trong đào tạo xuất bản và xuất bản điện tử với định hướng phát triển là:

- Lựa chọn hàng đầu của người học về lĩnh vực xuất bản và xuất bản điện tử;
- Nơi tập hợp đội ngũ GV, chuyên gia đầu ngành về giảng dạy và NCKH, đặc biệt trong lĩnh vực xuất bản và xuất bản điện tử.
- Đào tạo và nghiên cứu, tư vấn chính sách trong lĩnh vực xuất bản, xuất bản điện tử.

Phụ lục 2. Tóm tắt kết quả Tự đánh giá chương trình đào tạo

CTĐT ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản do Khoa Xuất bản quản lí. Khoa và Học viện đã thực hiện TĐG theo thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT và công văn 2085/QLCL-KĐCLGD của Bộ GD&ĐT.

1. Quá trình thực hiện TĐG từ tháng 7/2021 đến tháng 10/2022. Nội dung chính của Báo cáo TĐG CTĐT Xuất bản – Biên tập xuất bản được thực hiện theo 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, CDR, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung và phương pháp tiếp cận trong dạy-học; tiêu chuẩn 5 về đánh giá KQHT của NH; tiêu chuẩn 6 và 7 hướng đến việc TĐG về đội ngũ CB, GV, nghiên cứu viên và đội ngũ NV; tiêu chuẩn 8 mô tả công tác tuyển sinh và hỗ trợ NH; tiêu chuẩn 9 tập trung đánh giá CSVC, trang thiết bị và môi trường học thuật; tiêu chuẩn 10 mô tả các quy trình nâng cao chất lượng CTĐT; tiêu chuẩn 11 đánh giá về kết quả đầu ra.

2. Mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ TĐG CTĐT

Mục tiêu của việc TĐG: thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình về các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường. Trên cơ sở các kết quả đánh giá, Trường/Khoa nhận dạng những điểm mạnh để phát huy, điểm yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp và lập kế hoạch điều chỉnh nhằm cải thiện hơn nữa chất lượng đào tạo; thực hiện mục tiêu đào tạo nhân lực ngành Xuất bản – Biên tập xuất bản chất lượng tốt, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

Báo cáo TĐG còn là cơ sở cho công tác ĐGN CTĐT, hướng tới mục tiêu kiểm định chất lượng CTĐT, khẳng định mong muốn và cam kết của Trường với NH, với xã hội, với thị trường lao động. Dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, Trường đã trình bày hiện trạng các điều kiện ĐBCL, chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH... cũng như các vấn đề liên quan khác; từ đó tiến hành điều chỉnh nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Phạm vi TĐG bao gồm toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động hỗ trợ khác cho CTĐT ngành ĐTH giai đoạn 2017-2022.

Công cụ TĐG là bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT quy định tại Thông tư số 04/2016/TT- BGDĐT cùng các công văn Số 1669/QLCL-KĐCLGD và Số 2085/QLCL-KĐCLGD của giáo dục ĐH của Bộ GD&ĐT.

Hội đồng TĐG được thành lập theo Quyết định số 6871/QĐ-HVBCTT ngày 01/12/2021, với 23 thành viên. Hội đồng có Ban thư kí gồm 17 thành viên và 6 nhóm công tác chuyên trách.

Quy trình TĐG: thực hiện theo các bước như hướng dẫn tại công văn số 2085 và 774/QLCL -KĐCLGD của Bộ GD&ĐT. Đối với mỗi tiêu chí, nội dung đánh giá bao gồm: phần mô tả thực trạng phân tích, giải thích, so sánh nêu ra những nhận định đánh giá, chỉ ra điểm

mạnh, điểm yếu; từ đó, lên kế hoạch hành động nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục hạn chế để cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; cuối cùng là phần TĐG theo từng tiêu chí.

Báo cáo TĐG do Ban thư kí mà chủ yếu là các CB, GV của Khoa Xuất bản triển khai thực hiện với sự hỗ trợ cung cấp minh chứng từ các đơn vị chức năng của Trường. Từng nhóm tiến hành họp và phân công nhiệm vụ nghiên cứu các tiêu chuẩn, tiêu chí, văn bản hướng dẫn; xác định minh chứng cần có; phân tích minh chứng để từ đó xác định cách viết Báo cáo và tiến hành viết báo cáo. Báo cáo TĐG có sự tham gia đánh giá, đóng góp ý kiến của các phòng ban chức năng, các nhóm người học và cựu NH, các doanh nghiệp và tổ chức sử dụng lao động.

Báo cáo cũng đề xuất kế hoạch, biện pháp khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh; định hướng trọng tâm phát triển và cải tiến chất lượng CTĐT trong giai đoạn tiếp theo.

3. Kết quả TĐG có thể tóm tắt như sau:

- Số tiêu chí đạt từ mức 4 trở lên: 50 (100%);
 - + Số tiêu chí đạt mức 2: 0
 - + Số tiêu chí đạt mức 3: 0
 - + Số tiêu chí đạt mức 4: 13
 - + Số tiêu chí đạt mức 5: 37
 - + Số tiêu chí đạt mức 6: 0
 - + Số tiêu chí đạt mức 7: 0
- Số tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá từ mức đạt trở lên: 11;
- Số tiêu chuẩn có mức đánh giá trung bình đạt từ mức 4 trở lên: 11 (100%);
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt (mức 4 trở lên): 100% (50 tiêu chí);
- Điểm trung bình chung: 4,64.

Phụ lục 3. Quyết định thành lập Đoàn đánh giá ngoài

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
GIÁO DỤC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *526*/QĐ-KĐCLV

Nghệ An, ngày 30 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh danh sách Đoàn chuyên gia Đánh giá ngoài
03 chương trình đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Thông tư số 61/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện thành lập và giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 4589/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-BGDĐT ngày 17/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-KĐCLĐHV ngày 30/10/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh ban hành Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 3997-CV/HVBCCTT ngày 30/9/2022 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc phân hồi thông báo thay đổi thành viên Đoàn đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo của Nhà trường;

Theo đề nghị của Trường Phòng Đánh giá và Công nhận chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh danh sách các Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo trình độ đại học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền tại các Quyết định số 515, 516, 517/QĐ-KĐCLV ngày 25/8/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất

lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh về việc thành lập Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Các phòng chức năng, các ông, bà có tên tại Điều 1, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *u*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục QLCL-Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh (để b/c);
- Lưu: HC-DV, ĐGCN.





**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
GIÁO DỤC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO XUẤT BẢN (CHUYÊN NGÀNH BIÊN TẬP XUẤT BẢN)
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

*(Kèm theo Quyết định số: 526/QĐ-KĐCLV ngày 30 tháng 9 năm 2022
của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)*

TT	Họ và tên	Số thẻ/Chứng chỉ kiểm định viên	Chức vụ trong Đoàn
I	Chuyên gia		
1	PGS.TS. Bùi Duy Cam	2017.01.244	Trưởng đoàn
2	TS. Phan Hùng Thư	2017.01.323	Thư ký
3	TS. Trần Đình Quang	2017.01.313	Thành viên thường trực
4	PGS.TS. Phạm Văn Quyết	2016.01.201	Thành viên
5	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	2014.02.066	Thành viên
6	TS. Trần Ái Cẩm	2016.01.146	Thành viên
7	PGS.TS. Nguyễn Thị Nhị	2017.01.301	Thành viên
II	Giám sát		
8	ThS. Nguyễn Thị Minh	KĐV-VNU0701	Giám sát viên

Ấn định danh sách gồm 08 người.

Phụ lục 4. Lịch trình Đánh giá ngoài

**KẾ HOẠCH
KHẢO SÁT CHÍNH THỨC Học viện BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

- 1. CN Ngôn ngữ Anh**
- 2. CN Quảng cáo**
- 3. CN Xuất bản – Biên tập xuất bản**

Thời gian: từ ngày 21/10/2022 đến ngày 25/10/2022

Địa điểm: Học viện Báo chí tuyên truyền

Số 36, đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Thời gian	Nội dung	Đối tượng, thành phần, địa điểm làm việc
-----------	----------	---

		NN ANH	QUẢNG CÁO	XB-BTXB
Ngày làm việc thứ nhất (Thứ Sáu, ngày 21 tháng 10 năm 2022)				
8:00 - 8:30	Họp đoàn, Trưởng đoàn phân công nhiệm vụ cho các thành viên	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)		
8:30 – 10:30	Đoàn làm việc nội bộ			
10:30 - 12:00	Khai mạc Khảo sát chính thức (Có chương trình chi tiết kèm theo)	<ul style="list-style-type: none"> - Đoàn chuyên gia ĐGN; - Đại diện Lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh; - Lãnh đạo Học viện; - Lãnh đạo Khoa có CTĐT được đánh giá; - Các Hội đồng Tự đánh giá; - Cán bộ, giảng viên, sinh viên các ngành có CTĐT được đánh giá (do Nhà trường điều động). <p style="text-align: right;">(Hội trường)</p>		
12:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>			
13:30 -14:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các mảng của CTĐT: Đào tạo, Khảo thí; CTSV, ĐBCL, TTrGD; NCKH, Tài chính, Tuyển sinh, Hợp tác doanh nghiệp, Quản trị, Thư viện, CNTT...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) (Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)		
14:00 - 17:00	Quan sát thực tế văn phòng bộ môn; phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng máy tính và phòng tư liệu các khoa phụ trách 03 CTĐT.	Nhóm 1		
	Quan sát thực tế thư viện, y tế, phòng làm việc các phòng, ban chức năng liên quan, khuôn viên nhà trường và cơ sở vật chất khác.	Nhóm 2		
17:00 - 17:30	<ul style="list-style-type: none"> - Đoàn làm việc nội bộ; - Cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên tự do tiếp xúc với Đoàn (nếu có nhu cầu) 	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)		
Ngày làm việc thứ hai (Thứ Bảy, ngày 22 tháng 10 năm 2022)				
8:00 – 11:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các mảng:	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)		

	Đào tạo, Khảo thí; CTSV, ĐBCL, TTrGD; NCKH, Tài chính, Tuyển sinh, Hợp tác doanh nghiệp, Quản trị, Thư viện, CNTT...	<i>(Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)</i>		
11:00 – 12:00	Đoàn làm việc nội bộ (Họp đoàn)	Đoàn ĐGN <i>(Phòng làm việc của Đoàn)</i>		
12:00 - 13:30		<i>Nghỉ trưa</i>		
		NN ANH	QUẢNG CÁO	XB-BTXB
13:30 - 14:30	Phòng vấn nhóm Phụ trách chuyên môn (Trưởng/ phó Khoa, trưởng/ phó Bộ môn phụ trách chuyên môn CTĐT được đánh giá)	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3
14:30 -14:45	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý		
14:45 - 15:45	Phòng vấn nhóm Cán bộ hỗ trợ và cán bộ Đoàn thể của cả 03 CTĐT	Phòng PV 03		
15:45 - 16:00	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý		
16:00 - 17:00	Phòng vấn nhóm Giảng viên	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3
17:00 - 17:30	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN <i>(Phòng làm việc của Đoàn)</i>		
<i>Ngày làm việc thứ ba (Chủ Nhật ngày 23 tháng 10 năm 2022)</i>				
8:00 - 8:15	Đoàn làm việc nội bộ			
8:15 - 9:15	Phòng vấn nhóm Nhà sử dụng lao động theo từng CTĐT	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3
9:15 - 9:30	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý		
9:30 - 10:30	Phòng vấn nhóm Cựu sinh viên	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3
10:30 -10:45	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý		
10:45 - 11:45	Phòng vấn nhóm Sinh viên	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3
8:00 - 12:00	<i>Phòng vấn qua điện thoại tình hình SV tốt nghiệp năm 2020 và 2021</i>	<i>Các phòng PV có lắp điện thoại</i>		
12:00 – 13:30		<i>Nghỉ trưa</i>		
13:30 - 16:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các mảng của CTĐT: Đào tạo, Khảo thí; CTSV, ĐBCL, TTrGD; NCKH, Tài chính, Tuyển sinh,	Đoàn ĐGN <i>(Phòng làm việc của Đoàn)</i> <i>(Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)</i>		

	Hợp tác doanh nghiệp, Quản trị, Thư viện, CNTT...	
16:00 - 17:30	Đoàn làm việc nội bộ (Họp đoàn)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)
Ngày làm việc thứ 4 (Thứ 2, ngày 24 tháng 10 năm 2022)		
8:00 - 10:00	Các thành viên trình bày báo cáo kết quả đánh giá theo công việc được phân công	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)
	Thảo luận về những điểm cần làm rõ trong kết quả đánh giá của các thành viên	
10:00 - 11:30	Đoàn làm việc với Lãnh đạo Học viện và Lãnh đạo Khoa có CTĐT được đánh giá	- Đoàn chuyên gia ĐGN; - Lãnh đạo Học viện; - Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá; - Hội đồng tự đánh giá. (Phòng họp)
11:30 - 12:00	Đoàn làm việc nội bộ	Phòng làm việc của Đoàn
12:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>	
13:30 - 15:30	- Các thành viên chuẩn bị slide báo cáo sơ bộ kết quả đánh giá các tiêu chuẩn được phân công; - Trưởng đoàn tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá sơ bộ; - Thư kí tổng hợp Dự thảo Biên bản kết thúc đợt khảo sát chính thức.	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)
	Các thành viên hoàn thiện báo cáo kết quả đánh giá theo Phụ lục 14, 15.	
17:00 - 17:30	- Đoàn làm việc nội bộ; - Cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên tự do tiếp xúc với Đoàn (nếu có nhu cầu)	
Ngày làm việc thứ năm (Thứ Ba ngày 25 tháng 10 năm 2022)		
8:00 - 8:30	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)

8:30 - 11:30	Bế mạc đợt khảo sát chính thức (có chương trình chi tiết kèm theo)	<ul style="list-style-type: none"> - Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài; - Đại diện lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Lãnh đạo Học viện; - Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá;
11:30 - 12:00	Kí biên bản hoàn thành đợt khảo sát chính thức giữa Đoàn ĐGN, Học viện BC&TT và Trung tâm KĐCLGD-Trường ĐHV.	<ul style="list-style-type: none"> - Các Hội đồng Tự đánh giá; - Đại diện các đơn vị trong Học viện; - Đại diện cán bộ, giảng viên, sinh viên các ngành có CTĐT được đánh giá. <p style="text-align: right;"><i>(Hội trường)</i></p>

Phụ lục 5.

Công văn phản hồi của CSGD có CTĐT được đánh giá về dự thảo báo cáo ĐGN

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số: 6157/ CV-HVBC TT
v/v phản hồi về dự thảo báo cáo
đánh giá ngoài cấp CTĐT

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: - Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Vinh;
- Đoàn Đánh giá ngoài 03 Chương trình đào tạo các ngành Ngôn ngữ Anh; Quảng Cáo; Xuất bản - Biên tập xuất bản

Căn cứ trên công văn số 548/KĐCLV của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Vinh ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc gửi dự thảo Báo cáo đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo các ngành Ngôn ngữ Anh, Quảng Cáo, Xuất bản - Biên tập xuất bản, Nhà trường có ý kiến phản hồi như sau:

Đoàn chuyên gia đã triển khai các hoạt động đánh giá ngoài đúng qui trình, đảm bảo tính chính xác, khách quan, trung thực, công bằng, độc lập và dựa vào các minh chứng cụ thể của Nhà trường.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài (trong 03 Dự thảo Báo cáo Đánh giá ngoài) của 03 chương trình đào tạo nêu trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, TTKT&ĐBCLĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Giang